

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

**Sinh viên : Vũ Việt Trinh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Cao Thị Thu**

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HUY ĐỘNG VỐN TẠI
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

**Sinh viên : Vũ Việt Trinh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Cao Thị Thu**

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Việt Trinh

Mã SV: 1012404033

Lớp: QT1401T

Ngành: Tài chính – Ngân hàng

Tên đề tài: Giải pháp nâng cao hiệu quả huy động vốn tại Ngân hàng
Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh
Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....

.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....

.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 7 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

| | |
|---|----------|
| LỜI MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VÀ HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI..... | 3 |
| 1.1. Tìm hiểu chung về Ngân hàng thương mại..... | 3 |
| 1.1.1. Khái niệm Ngân hàng thương mại. | 3 |
| 1.1.2. Phân loại ngân hàng thương mại: | 4 |
| 1.1.3. Chức năng của Ngân hàng thương mại:..... | 8 |
| 1.1.3.1. Chức năng trung gian tín dụng:..... | 8 |
| 1.1.3.2. Chức năng trung gian thanh toán: | 8 |
| 1.1.3.3. Chức năng tạo tiền: | 9 |
| 1.1.4. Vai trò của Ngân hàng thương mại đối với nền kinh tế:..... | 9 |
| 1.1.4.1. Ngân hàng thương mại là nguồn cấp vốn cho nền kinh tế..... | 9 |
| 1.1.4.2. Ngân hàng thương mại là một công cụ để Nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế. | 10 |
| 1.1.4.3. Ngân hàng thương mại góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp và là cầu nối giữa doanh nghiệp với thị trường..... | 11 |
| 1.1.4.4. Ngân hàng thương mại góp phần phân bổ, điều hòa vốn giữa các ngành, các vùng trong nền kinh tế, do đó tạo nên sự phát triển nhanh giữa các vùng trong một nước. | 11 |
| 1.1.4.5. Ngân hàng thương mại là cầu nối nền tài chính quốc gia với nền tài chính quốc tế. | 12 |
| 1.1.4.6. Những vai trò cụ thể khác | 12 |
| 1.1.5. Một số nghiệp vụ cơ bản của Ngân hàng thương mại..... | 13 |
| 1.1.5.1. Nghiệp vụ huy động vốn. | 13 |
| 1.1.5.2. Nghiệp vụ sử dụng vốn: | 15 |
| 1.1.5.3. Nghiệp vụ trung gian khác: | 16 |
| 1.2. Huy động vốn trong Ngân hàng thương mại | 16 |
| 1.2.1. Khái niệm huy động vốn trong ngân hàng thương mại | 16 |
| 1.2.2. Các hình thức huy động vốn của ngân hàng thương mại: | 17 |
| 1.2.2.1. Nhận tiền gửi..... | 17 |

| | |
|--|----|
| 1.2.2.2. Huy động vốn qua phát hành giấy tờ có giá..... | 19 |
| 1.2.2.3. Huy động vốn qua vay các tổ chức tín dụng..... | 20 |
| 1.2.2.4. Vay từ ngân hàng trung ương | 20 |
| 1.2.2.5. Huy động vốn qua các hình thức khác..... | 21 |
| 1.2.3. Vai trò của huy động vốn tại Ngân hàng thương mại | 21 |
| 1.2.3.1. Vai trò của huy động vốn đứng trên góc độ Ngân hàng thương mại..... | 21 |
| 1.2.3.2. Vai trò của huy động vốn đứng trên góc độ khách hàng: | 23 |
| 1.2.3.3. Vai trò của huy động vốn đứng trên góc độ nền kinh tế:..... | 23 |
| 1.2.4. Tiêu chí phản ánh hiệu quả huy động vốn..... | 24 |
| 1.2.4.1. Khái niệm hiệu quả huy động vốn | 24 |
| 1.2.4.2. Chỉ tiêu phản ánh hiệu quả huy động vốn..... | 25 |
| 1.2.5. Sự cần thiết nâng cao hiệu quả huy động vốn..... | 28 |
| 1.2.6.1. Các nhân tố khách quan | 29 |
| 1.2.6.2. Các nhân tố chủ quan | 31 |

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN TẠI NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH

| | |
|---|-----------|
| HẢI PHÒNG..... | 35 |
| 2.1. Giới thiệu về Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng.... | 35 |
| 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng..... | 35 |
| 2.1.1.1. Khái quát về Ngân hàng Công thương Việt Nam..... | 35 |
| 2.1.1.2. Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng:..... | 36 |
| 2.1.2. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng: | 37 |
| 2.1.2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy, quản lý điều hành:..... | 37 |
| 2.1.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban: | 38 |
| 2.1.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của chi nhánh | 42 |
| 2.2. Thực trạng huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương VN Chi nhánh Hải Phòng: | 46 |
| 2.2.1. Tổng quan về nguồn vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng trong thời gian qua | 46 |
| 2.2.1.1. Một số biện pháp nghiệp vụ đã áp dụng để tăng cường công tác huy động vốn tại Ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng thời gian qua | 48 |
| 2.2.1.2. Một số biện pháp khác đã áp dụng để tăng cường công tác huy động vốn tại Ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng thời gian qua | 49 |

| | |
|---|-----------|
| 2.2.2. Thực trạng huy động vốn của Ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng | 50 |
| 2.2.2.1. Theo loại hình tiền gửi | 50 |
| Biểu đồ 3: Tốc độ tăng trưởng của vốn ngoại tệ và nội tệ năm 2011-2013..... | 51 |
| 2.2.2.2. Theo kỳ hạn | 52 |
| 2.2.2.3. Theo nguồn huy động..... | 57 |
| 2.3. Sự cân đối giữa cơ cấu huy động vốn và sử dụng vốn của NHTM CP Công thương chi nhánh Hải Phòng..... | 63 |
| 2.4. Đánh giá hiệu quả công tác huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Hải Phòng..... | 65 |
| 2.4.1. Đánh giá theo các chỉ tiêu | 65 |
| 2.4.2.1. Những tồn tại..... | 69 |
| 2.4.2.2. Nguyên nhân: | 70 |
| CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HUY ĐỘNG VỐN TẠI NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH HẢI PHÒNG..... | 75 |
| 3.1. Định hướng phát triển của ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng trong thời gian tới..... | 75 |
| 3.1.1. Định hướng phát triển của ngân hàng Công thương Việt Nam trong thời gian tới | 75 |
| 3.1.2. Định hướng phát triển của Ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng trong thời gian tới..... | 76 |
| 3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn tại Ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng | 77 |
| 3.2.1. Giải pháp về chính sách huy động vốn..... | 77 |
| 3.2.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách khách hàng, đồng thời củng cố, nâng cao uy tín, tạo lòng tin với khách hàng và thường xuyên coi trọng chất lượng phục vụ khách hàng. | 83 |
| 3.2.3. Tăng cường chiến lược Marketing ngân hàng | 84 |
| 3.2.4. Đổi mới và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng..... | 85 |
| 3.2.5. Nâng cao trình độ cán bộ và đổi mới công tác quản lý trong Ngân hàng..... | 86 |
| 3.2.6. Gắn liền tăng trưởng huy động vốn với sử dụng vốn hiệu quả..... | 87 |
| 3.2.7. Giải pháp khác | 88 |

| | |
|--|----|
| 3.3. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn tại Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng | 89 |
| 3.3.1. Kiến nghị đối với Chính phủ..... | 89 |
| 3.3.2. Kiến nghị đối với Ngân hàng Công thương Việt Nam | 90 |
| 3.3.3. Kiến nghị đối với Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng..... | 90 |
| KẾT LUẬN | 92 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 93 |

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

| Chữ viết tắt | Viết đầy đủ |
|---------------------|---------------------------------|
| CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| DN | Doanh nghiệp |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| KQHDKD | Kết quả hoạt động kinh doanh |
| NH | Ngân hàng |
| NHNN | Ngân hàng Nhà nước |
| NHCTVN | Ngân hàng Công thương Việt Nam |
| NHTM | Ngân hàng thương mại |
| NHTMCP | Ngân hàng thương mại cổ phần |
| NHTMQD | Ngân hàng thương mại quốc doanh |
| NHCSXH | Ngân hàng chính sách xã hội |
| QTDND | Quỹ tín dụng nhân dân |
| TC KT-XH | Tổ chức kinh tế - xã hội |
| TCTC | Tổ chức tài chính |
| TCTD | Tổ chức tín dụng |
| VNĐ | Việt Nam đồng |

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

| | |
|---|----|
| Sơ đồ 1.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy điều hành..... | 38 |
| Biểu đồ 1 :Tốc độ tăng trưởng vốn huy động giai đoạn 2011-2013..... | 43 |
| Biểu đồ 2: Cơ cấu nguồn vốn năm 2013-2014 | 47 |
| Biểu đồ 3:Tốc độ tăng trưởng của vốn ngoại tệ và nội tệ năm 2011-2013..... | 51 |
| Biểu đồ 4:Tốc độ tăng trưởng của vốn không kỳ hạn và vốn có kỳ hạn năm 2011-2013..... | 53 |
| Biểu đồ 5:Tốc độ tăng trưởng của Nguồn vốn ngắn hạn và dài hạn năm 2011-2013 | 55 |
| Biểu đồ 6: Tốc độ tăng trưởng từ tiền gửi của dân cư năm 2011-2013 | 59 |
| Biểu đồ 7:Tốc độ tăng trưởng của tiền gửi từ tổ chức kinh tế xã hội năm 2011-2013 | 61 |
| Bảng 2.1: Biến động của nguồn vốn huy động qua các thời điểm | 43 |
| Bảng 2.2: Kết quả hoạt động kinh doanh..... | 44 |
| Bảng 2.3: Nguồn vốn tại Ngân hàng Công thương Chi nhánh Hải Phòng..... | 46 |
| Bảng 2.4: Vốn VNĐ và ngoại tệ của NHCT chi nhánh Hải Phòng..... | 51 |
| Bảng 2.5: Cơ cấu nguồn vốn theo kỳ hạn | 53 |
| Bảng 2.6: Cơ cấu nguồn vốn có kỳ hạn | 55 |
| Bảng 2.7: Cơ cấu nguồn vốn theo nguồn huy động..... | 58 |
| Bảng 2.8: Cơ cấu tiền gửi từ dân cư..... | 59 |
| Bảng 2.9: Cơ cấu tiền gửi từ tổ chức kinh tế xã hội | 60 |
| Bảng 2.10: Tình hình sử dụng vốn..... | 64 |
| Bảng 2.11. Tổng dư nợ/tổng vốn huy động | 64 |
| Bảng 2.12. Huy động và sử dụng vốn ngắn,dài hạn | 65 |
| Bảng 2.13.Chi phí huy động vốn/tổng vốn huy động | 67 |
| Bảng 2.14:Chênh lệch thu chi lãi/chi phí trả lãi của ngân hàng | 68 |

LỜI MỞ ĐẦU

Hệ thống ngân hàng thương mại hiện nay đang ngày càng phát triển, khẳng định vai trò là xương sống của nền kinh tế. Trong bối cảnh nền kinh tế đất nước đang trên đà hội nhập nền kinh tế thế giới, tốc độ tăng trưởng kinh tế đất nước ngày một cao, cùng với điều kiện thị trường chứng khoán và thị trường tiền tệ ngày một phát triển, hệ thống ngân hàng đóng vai trò chủ lực trong việc làm trung gian tín dụng, thu hút nguồn tiền nhàn rỗi trong nền kinh tế để cung cấp cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dự án đầu tư. Mặc dù vậy, nguồn vốn mà hệ thống ngân hàng thương mại huy động được vẫn chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng nguồn tiền nhàn rỗi của xã hội.

Là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần tiêu biểu trong hệ thống ngân hàng, Ngân hàng Công thương Việt Nam đang không ngừng phát triển, ngày một hoàn thiện cả về bộ máy tổ chức lẫn hoạt động kinh doanh, ngân hàng đã khẳng định mình là một bộ phận quan trọng không thể thiếu trong nền kinh tế đất nước. Trong thời gian vừa qua, Ngân hàng Công thương Việt Nam đã và đang duy trì cung cấp một lượng vốn lớn cho mọi hoạt động kinh tế, đáp ứng các nhu cầu vốn một cách nhanh chóng, kịp thời cho quá trình tái sản xuất. Nhờ đó mà hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần trong nền kinh tế được diễn ra một cách thuận lợi. Do vậy, trong thời gian tới, để phát huy hơn nữa vai trò của mình và đồng thời đáp ứng cho sự phát triển chung của nền kinh tế cũng như cho chính bản thân hệ thống Ngân hàng thì việc huy động vốn cho kinh doanh trong tương lai chắc chắn sẽ được đặt lên hàng đầu đối với các tổ chức tài chính, các Ngân hàng thương mại nói chung và Ngân hàng Công thương Việt Nam nói riêng.

Là một sinh viên năm thứ tư Ngành Tài chính Ngân hàng - Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, vừa qua được nhà trường giới thiệu, em đã liên hệ và được thực tập tại Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng từ ngày 15/1/2014 đến ngày 1/3/2014. Nhận thức được tầm quan trọng của nghiệp vụ huy động vốn trong ngân hàng, cộng với những kinh nghiệm vô cùng quý báu thu thập được trong thời gian thực tập được tiếp xúc với tình hình thực tế tại Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng, đặc biệt là được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các cô chú, anh chị trong ngân hàng, cùng với sự hướng dẫn tận tình của ThS.Cao Thị Thu, em đã chọn đề tài "**Giải pháp nâng cao hiệu quả huy động vốn của ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng**" là đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Bố cục bài khóa luận gồm 3 phần chính như sau:

Chương I: Tổng quan về Ngân hàng thương mại và hoạt động huy động vốn của Ngân hàng thương mại.

Chương II: Thực trạng hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng.

Chương III: Một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn tại Ngân hàng công thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng.

Để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này, em xin chân thành cảm ơn các anh chị, cô chú trong NHCTVN Chi nhánh Hải Phòng đã tận tình giúp đỡ, đặc biệt em xin cảm ơn ThS. Cao Thị Thu đã dành thời gian hướng dẫn em trong quá trình làm khóa luận. Do thời gian thực tập chưa nhiều cộng với vốn kiến thức còn ít ỏi nên bài viết của em còn nhiều hạn chế, rất mong được sự đóng góp của thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VÀ HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.

1.1. Tìm hiểu chung về Ngân hàng thương mại

Ngân hàng thương mại(NHTM) đã hình thành, tồn tại và phát triển với bề dày lịch sử hàng trăm năm, gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế hàng hoá. Sự phát triển hệ thống NHTM đã có tác động rất lớn và quan trọng đến quá trình phát triển của nền kinh tế hàng hoá, ngược lại kinh tế hàng hoá phát triển mạnh mẽ đến giai đoạn cao nhất là nền kinh tế thị trường thì NHTM cũng ngày càng được hoàn thiện và trở thành những định chế tài chính không thể thiếu được. Nó là tổ chức trung gian tài chính nhận tiền gửi và tiến hành các hoạt động cho vay và đầu tư. Nó đã thâm nhập vào mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội như là người mở đường, người tham gia, người quyết định đối với mọi quá trình sản xuất kinh doanh, là trung tâm tiền tệ, tín dụng và thanh toán của các thành phần kinh tế, là định chế tài chính quan trọng bậc nhất của nền kinh tế.

Ngân hàng thương mại ra đời và phát triển gắn liền với các hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế. Trong các nước phát triển và cả những nước đang phát triển hầu như không có một công dân nào là không có quan hệ giao dịch với một Ngân hàng thương mại nhất định nào đó. NHTM được coi như là một định chế tài chính quen thuộc và thiết yếu trong đời sống kinh tế. Khi nền kinh tế càng phát triển thì những hoạt động dịch vụ của Ngân hàng càng đi sâu vào tận cùng những ngõ ngách của nền kinh tế và đời sống con người. Mọi công dân đều chịu tác động từ các hoạt động của Ngân hàng thương mại, dù họ chỉ là khách hàng gửi tiền, một người vay hay đơn giản là người đang làm việc cho một doanh nghiệp có vay vốn và sử dụng các định vụ Ngân hàng.

Ngân hàng thương mại là một sản phẩm độc đáo của nền sản xuất hàng hoá trong kinh tế thị trường, một tổ chức có tầm quan trọng đặc biệt trong nền kinh tế. Bản chất, chức năng, các hoạt động nghiệp vụ của các ngân hàng hầu như là giống nhau song quan niệm về ngân hàng lại không đồng nhất giữa các nước trên thế giới.

1.1.1. Khái niệm Ngân hàng thương mại.

Để đưa ra được một khái niệm chính xác và tổng quát nhất về Ngân hàng thương mại người ta thường phải dựa vào đặc điểm, tính chất và mục đích hoạt động của nó trên thị trường tài chính, đồng thời đôi khi còn kết hợp tính chất,

mục đích và đối tượng hoạt động. Ví dụ: Luật Ngân hàng của Đan Mạch năm 1930 định nghĩa: “*Những nhà băng thiết yếu gồm các nghiệp vụ ký thác, buôn bán vàng bạc, hành nghề thương mại và các giá trị địa ốc, các phương tiện tín dụng và hối phiếu, thực hiện các nghiệp vụ chuyển ngân, đứng ra bảo hiểm...*”. Theo luật Ngân hàng của FED(Hoa Kỳ): “*Ngân hàng thương mại là một công ty kinh doanh chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và hoạt động trong ngành dịch vụ tài chính*”. Theo Luật Ngân hàng của Anh “*NHTM là tổ chức tài chính trực tiếp giao dịch với công chúng để huy động các khoản tiền gửi, cho vay và cung cấp các dịch vụ tài chính khác cho công chúng*”. Hay theo như Luật Ngân hàng của Ấn Độ năm 1959 đã nêu: “*Ngân hàng là cơ sở nhận các khoản tiền ký thác để cho vay hay tài trợ, đầu tư*”...

Ở Việt Nam, theo Điều 20 Luật tổ chức tín dụng (số 07/1997/QHX) được Quốc hội thông qua tháng 12 năm 1997 có nêu: “*Ngân hàng thương mại là loại hình tổ chức tín dụng thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh khác có liên quan*”. Trong đó “*Hoạt động Ngân hàng là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ Ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi, sử dụng số tiền này để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán*”.

Nghị định của Chính phủ số 49/20001NĐ-CP ngày 12/9/2000 định nghĩa:”*NHTM là ngân hàng được thực hiện toàn bộ hoạt động của ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan vì mục đích lợi nhuận, và góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của nhà nước*”.

Như vậy, mặc dù có nhiều cách thể hiện khác nhau về định nghĩa NHTM, nó tùy thuộc vào tập quán pháp luật của từng quốc gia, từng vùng lãnh thổ nhưng khi đi sâu phân tích, khai thác nội dung của từng định nghĩa đó, người ta dễ dàng nhận thấy rằng: Tất cả các NHTM đều có chung một tính chất đó là việc nhận tiền ký thác - tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, để sử dụng vào các nghiệp vụ cho vay, chiết khấu và các dịch vụ kinh doanh khác của chính Ngân hàng.

1.1.2. Phân loại ngân hàng thương mại:

Trên thế giới các ngân hàng thương mại hoạt động với chức năng, nghiệp vụ khá giống nhau, đó là việc: nhận tiền gửi ký thác, tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn để sử dụng vào các nghiệp vụ cho vay, chiết khấu và các nghiệp vụ kinh doanh khác của chính ngân hàng. Để phân loại các Ngân hàng thương mại ta có thể dựa trên các tiêu chí sau:

• *Căn cứ vào hình thức sở hữu:* Các Ngân hàng thương mại được phân thành:

- Ngân hàng thương mại quốc doanh: Là loại hình ngân hàng thương mại được thành lập bằng 100% vốn ngân sách nhà nước. Là ngân hàng do nhà nước đầu tư vốn thành lập và tổ chức hoạt động kinh doanh góp phần thực hiện mục tiêu kinh tế của nhà nước. Đây là loại hình ngân hàng có thể coi là an toàn nhất, rất ít khi bị phá sản. Tuy nhiên, các ngân hàng này thường xuyên phải thực hiện những nhiệm vụ nhà nước giao, ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

- Ngân hàng thương mại cổ phần: Là NHTM được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần, vốn do các cổ đông đóng góp trong đó có các doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tín dụng, tổ chức khác và cá nhân cùng góp vốn theo quy định của ngân hàng nhà nước. Các ngân hàng cổ phần thường có phạm vi hoạt động rộng, hoạt động đa năng, có nhiều chi nhánh hoặc công ty con. Khả năng đa dạng hóa cao nên các ngân hàng cổ phần có thể giảm rủi ro gây nên bởi tính chuyên môn hóa (thiên tai một vùng, sự suy thoái của một ngành hoặc một quốc gia,....), song chúng thường phải gánh chịu các rủi ro từ cơ chế quản lý phân quyền (nhiều chi nhánh được phân quyền lớn và hoạt động tương đối độc lập với trụ sở ngân hàng mẹ, giám đốc chi nhánh này có thể có hành vi lạm dụng hoặc bất cẩn gây tổn thất cho ngân hàng).

- Ngân hàng sở hữu cá nhân: Là ngân hàng do cá nhân thành lập bằng vốn của cá nhân. Loại ngân hàng này thường nhỏ, phạm vi hoạt động trong từng địa phương. Các ngân hàng này thường gắn liền với doanh nghiệp và cá nhân ở địa phương. Chủ ngân hàng thường rất am hiểu tình hình của người vay, vì vậy hạn chế được sự lừa đảo của khách. Tuy nhiên do kém đa dạng, nên khi địa phương đó gặp rủi ro thì ngân hàng thường không tránh khỏi tổn thất.

- Ngân hàng thương mại liên doanh: Ngân hàng này được hình thành dựa trên cơ sở góp vốn của hai ngân hàng hoặc nhiều bên, thường là giữa ngân hàng trong nước với ngân hàng nước ngoài để tận dụng ưu thế của nhau.

• *Dựa vào chiến lược kinh doanh*

- Ngân hàng bán buôn: là loại NH chỉ giao dịch và cung ứng dịch vụ cho đối tượng khách hàng doanh nghiệp chứ không giao dịch với khách hàng cá nhân. Ngân hàng bán buôn thường là những Ngân hàng lớn hoạt động tại các trung tâm tài chính quốc tế, cung cấp các tài khoản tín dụng lớn.

- Ngân hàng bán lẻ: là loại NH giao dịch và cung ứng dịch vụ cho đối tượng khách hàng cá nhân.

- Ngân hàng vừa bán buôn vừa bán lẻ: là loại NH giao dịch và cung ứng dịch vụ cho cả khách hàng doanh nghiệp lẫn khách hàng cá nhân.

• *Dựa vào tính chất hoạt động*

- Ngân hàng chuyên doanh: Ngân hàng hoạt động theo chuyên doanh: loại Ngân hàng này chỉ tập trung cung cấp một số dịch vụ ngân hàng, như chỉ cho vay đối với xây dựng cơ bản, hoặc đối với Nông nghiệp, hoặc chỉ cho vay (không bảo lãnh hoặc cho thuê). Tính chuyên môn hóa cao cho phép Ngân hàng có được đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm, tinh thông nghiệp vụ, tuy vậy loại Ngân hàng này thường gặp rủi ro rất lớn khi ngành hoặc lĩnh vực hoạt động mà Ngân hàng phục vụ sa sút. Ngân hàng đơn năng có thể là Ngân hàng nhỏ, phạm vi hoạt động hẹp, trình độ cán bộ không đa dạng, hoặc là những Ngân hàng sở hữu của công ty.

- Ngân hàng kinh doanh tổng hợp: Là Ngân hàng cung cấp mọi dịch vụ Ngân hàng cho mọi đối tượng, đây là xu hướng hoạt động chủ yếu hiện nay của các ngân hàng thương mại, Ngân hàng đa năng thường là Ngân hàng lớn. Tính đa dạng sẽ làm Ngân hàng tăng thu nhập và hạn chế rủi ro.

Hiện nay, ở Việt Nam có các loại hình ngân hàng sau:

• **Ngân hàng thương mại quốc doanh:** Là ngân hàng thương mại được thành lập bằng 100% vốn ngân sách nhà nước. Trong tình hình hiện nay để tăng nguồn vốn và phù hợp với xu thế hội nhập tài chính với thế giới các ngân hàng thương mại quốc doanh Việt Nam đang phát hành trái phiếu để huy động vốn; đã và đang cổ phần hóa để tăng sức cạnh tranh với các chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các ngân hàng cổ phần hiện nay. Thuộc loại này gồm:

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Bank for Agriculture and Rural Development)

- Ngân hàng công thương Việt Nam (Industrial and commercial Bank of Viet nam – ICBV) gọi tắt là Vietinbank)

- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (Bank for Investment and Development of Viet nam – BIDV)

- Ngân hàng ngoại thương Việt Nam (Bank for Foreign Trade of Viet nam – Vietcombank).

- Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long (Housing Bank of Mekong Delta).

• **Ngân hàng thương mại cổ phần (joint Stock Commercial bank):** Là ngân hàng thương mại được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần. Trong đó một cá nhân hay pháp nhân chỉ được sở hữu một số cổ phần nhất định theo qui định của ngân hàng nhà nước Việt nam.

- NHTMCP Á Châu
- NHTMCP Phương Đông
- NHTMCP Đông Á
- NHTMCP Quân đội
-

• **Ngân hàng liên doanh (thuộc loại hình tổ chức tín dụng liên doanh):** Là Ngân hàng được thành lập bằng vốn liên doanh giữa một bên là ngân hàng thương mại Việt nam và bên khác là ngân hàng thương mại nước ngoài có trụ sở đặt tại Việt nam, hoạt động theo pháp luật ở Việt Nam

- INDOVINA BANK LIMITED
- Ngân hàng Việt Nga
- SHINHANVINA BANK
- VID PUBLIC BANK
- VINASIAM BANK
-

• **Chi nhánh ngân hàng nước ngoài:** là ngân hàng được thành lập theo pháp luật nước ngoài, được phép mở chi nhánh tại Việt Nam, hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

- CITY BANK
- BANGKOK BANK
- SHINHAN BANK
- DEUSTCH BANK

• **NHTM 100% vốn nước ngoài:** là NHTM được thành lập tại VN với 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu nước ngoài; trong đó phải có một NH nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ (NH mẹ). NHTM 100% vốn nước ngoài được thành lập dưới hình thức công ty TNHH một thành viên hoặc từ hai thành viên trở lên, là pháp nhân VN, có trụ sở chính tại VN.

- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ

- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC
- Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan
- Ngân hàng TNHH một thành viên Hongleong

1.1.3. Chức năng của Ngân hàng thương mại:

1.1.3.1. Chức năng trung gian tín dụng:

Ngân hàng là một tổ chức trung gian tài chính với hoạt động chủ yếu là chuyển tiền tiết kiệm thành đầu tư, đòi hỏi phải tiếp xúc với hai loại cá nhân và tổ chức trong nền kinh tế: (1) các cá nhân và tổ chức tạm thời thâm hụt chi tiêu, tức là chi tiêu cho tiêu dùng và đầu tư vượt quá thu nhập và vì thế họ là những người cần bổ sung vốn; và (2) các cá nhân và tổ chức thặng dư trong chi tiêu, tức là thu nhập hiện tại của họ lớn hơn các khoản chi tiêu cho hàng hóa, dịch vụ và do vậy họ có tiền để tiết kiệm. Sự tồn tại của hai loại cá nhân và tổ chức trên hoàn toàn độc lập với ngân hàng. Điều tất yếu là tiền sẽ chuyển từ nhóm (2) sang nhóm thứ (1) nếu cả hai cùng có lợi. Do đó, với chức năng trung gian tín dụng, ngân hàng thương mại trở thành cầu nối trong mối quan hệ tài chính giữa hai nhóm trên.

Chính vì vậy, ta có thể hiểu chức năng trung gian tín dụng của Ngân hàng thương mại là Ngân hàng thương mại đóng vai trò trung gian trong việc tập trung, huy động các nguồn tiền tệ tạm thời, nhàn rỗi trong nền kinh tế bao gồm: tiền tiết kiệm dân cư, vốn bằng tiền của các đơn vị, tổ chức kinh tế; biến nó thành nguồn vốn tín dụng để cho vay (cấp tín dụng), đáp ứng các nhu cầu vốn kinh doanh, vốn đầu tư cho các ngành kinh tế, và nhu cầu vốn cho tiêu dùng toàn xã hội.

Đây chính là chức năng quan trọng nhất của Ngân hàng thương mại, nó quyết định sự duy trì và phát triển của Ngân hàng đồng thời là cơ sở để thực hiện các chức năng trung gian thanh toán và chức năng tạo tiền.

1.1.3.2. Chức năng trung gian thanh toán:

Chức năng trung gian thanh toán có nghĩa là ngân hàng đứng ra thanh toán hộ cho khách hàng bằng cách chuyển tiền từ tài khoản này sang tài khoản khác theo yêu cầu của họ. Thông qua chức năng này Ngân hàng đóng vai trò là người "thủ quỹ" cho các doanh nghiệp và cá nhân bởi ngân hàng là người giữ tiền của khách hàng, chi tiền hộ cho khách hàng. Nền kinh tế thị trường càng phát triển thì chức năng này của ngân hàng ngày càng được mở rộng.

Thông qua chức năng trung gian thanh toán, hệ thống Ngân hàng thương mại góp phần phát triển nền kinh tế. Khi khách hàng thực hiện thanh toán qua ngân hàng sẽ làm giảm rủi ro, giảm chi phí thanh toán cho khách hàng đồng thời tốc độ luân chuyển vốn kinh doanh của khách hàng nhanh hơn, làm cho hiệu quả sử dụng vốn của khách hàng tăng. Đối với Ngân hàng thương mại chức năng này góp phần tăng lợi nhuận của ngân hàng thông qua việc thu lệ phí thanh toán. Hơn nữa, nó lại tăng nguồn vốn cho vay của ngân hàng thể hiện trên số dư có tài khoản tiền gửi của khách hàng. Chức năng này cũng chính là cơ sở để hình thành chức năng tạo tiền của Ngân hàng thương mại.

1.1.3.3. Chức năng tạo tiền:

Đây là hệ quả của hai chức năng trên trong hoạt động ngân hàng: Từ một số dự trữ ban đầu thông qua quá trình cho vay và thanh toán bằng chuyển khoản của ngân hàng thì lượng tiền gửi mới được tạo ra và nó lớn hơn so với lượng dự trữ ban đầu gấp nhiều lần, gọi là quá trình tạo tiền của hệ thống ngân hàng.

Một ngân hàng sau khi nhận một món tiền gửi, trên tài khoản tiền gửi của khách hàng tại ngân hàng sẽ có số dư. Với số tiền này sau khi đã để lại một khoản dự trữ bắt buộc, ngân hàng sẽ đem đi đầu tư, cho vay từ đó nó sẽ chuyển sang vốn tiền gửi của ngân hàng khác. Với vòng quay của vốn thông qua chức năng tín dụng và thanh toán của ngân hàng. Ngân hàng thương mại thực hiện được chức năng tạo tiền.

1.1.4. Vai trò của Ngân hàng thương mại đối với nền kinh tế:

1.1.4.1. Ngân hàng thương mại là nguồn cấp vốn cho nền kinh tế

Ngân hàng thương mại ra đời là một tất yếu của nền sản xuất hàng hoá. Sản xuất hàng hoá phát triển, lưu thông hàng hoá ngày càng mở rộng, trong xã hội xuất hiện người thì có vốn nhàn rỗi, người thì cần vốn để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh. Qua thực tiễn cho thấy, để nền kinh tế có thể phát triển với một tốc độ nhanh chóng, ổn định thì các cá thể trong nền kinh tế cần phải có một lượng vốn lớn đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác. Chính vì vậy, nhu cầu đặt ra cần có người đứng ra tập trung các nguồn tiền tệ nhàn rỗi từ nơi thừa vốn mọi nơi mọi lúc và kịp thời cung ứng cho nơi cần vốn. Các ngân hàng đứng ra huy động vốn tạm thời nhàn rỗi từ các doanh nghiệp, các cá nhân sau đó sẽ cung ứng lại cho nơi cần vốn. Bằng số vốn huy động được trong xã hội thông qua chức năng trung gian tín dụng của mình, Ngân hàng thương mại đã cung cấp vốn cho mọi hoạt động kinh tế, đáp ứng nhu

cầu vốn một cách kịp thời cho quá trình sản xuất, kinh doanh để tiến hành tái sản xuất với trang thiết bị hiện đại hơn, tạo ra sản phẩm tốt hơn, có lợi nhuận cao hơn.. Nhờ có hoạt động của hệ thống Ngân hàng thương mại và đặc biệt là hoạt động tín dụng, các doanh nghiệp, cá nhân có điều kiện mở rộng sản xuất, cải tiến máy móc, công nghệ để tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế và chất lượng sản phẩm cho xã hội.

Xã hội càng phát triển nhu cầu vốn cần cho nền kinh tế càng tăng, không một tổ chức nào có thể đáp ứng được. Chỉ có ngân hàng - một tổ chức trung gian tài chính mới có thể đứng ra điều hoà, phân phối vốn giúp cho tất cả các thành phần kinh tế cùng nhau phát triển nhịp nhàng, cân đối.

1.1.4.2. Ngân hàng thương mại là một công cụ để Nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Cùng với sự vận động của nền kinh tế, hệ thống ngân hàng được chia làm hai cấp: Ngân hàng trung ương và các Ngân hàng chuyên doanh (NHTM). Ngân hàng trung ương được Nhà nước cấp vốn cho hoạt động và sử dụng như công cụ để quản lý hoạt động tiền tệ, điều tiết chính sách tiền tệ quốc gia. Trong nền kinh tế thị trường, NHTM ngày nay với tư cách là trung tâm tiền tệ của toàn bộ nền kinh tế, đảm bảo sự phát triển hài hoà cho tất cả các thành phần kinh tế khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, có thể nói mỗi sự biến động của Ngân hàng đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến các thành phần kinh tế khác. Chính vì thế, Nhà nước thông qua Ngân hàng trung ương, sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ thực hiện điều tiết tác động vào toàn bộ hệ thống ngân hàng, dẫn dắt thị trường thông qua hoạt động tín dụng và thanh toán giữa các Ngân hàng thương mại trong hệ thống và với các tác nhân trong nền kinh tế nhằm thực hiện được mục tiêu của chính sách tiền tệ.

Ngoài ra khi các Ngân hàng thương mại thực hiện đúng chức năng của mình để hướng tới mục tiêu lợi nhuận cho chính mình, chính là ngân hàng đã góp phần mở rộng khối lượng tiền cung ứng trong lưu thông và thông qua việc cung ứng tín dụng cho các ngành trong nền kinh tế, Ngân hàng thương mại thực hiện việc dẫn dắt các luồng tiền tập hợp và phân chia vốn của thị trường, điều khiển chúng một cách có hiệu quả. Do đó, Ngân hàng đồng thời đã góp phần thực hiện các mục tiêu của chính sách tiền tệ quốc gia như ổn định giá cả, kiềm chế lạm phát, tạo việc làm và tăng trưởng kinh tế. Ngân hàng thương mại ngày càng phát huy được vai trò công cụ đòn bẩy của nó trong việc thực thi chính

sách tiền tệ tín dụng, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo những mục tiêu đã hoạch định.

1.1.4.3. Ngân hàng thương mại góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp và là cầu nối giữa doanh nghiệp với thị trường.

Trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp không phải là cứ sản xuất bất cứ cái gì mà phải luôn luôn trả lời được ba câu hỏi: sản xuất cái gì? sản xuất như thế nào? và sản xuất cho ai? Có nghĩa là sản xuất theo tín hiệu, nhu cầu của thị trường. Thị trường yêu cầu các doanh nghiệp phải sản xuất ra những sản phẩm hàng hóa với chất lượng tốt hơn, mẫu mã đẹp hơn, bền hơn phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Để đáp ứng được những tiêu chí đó các doanh nghiệp phải được đầu tư, trang bị những dây chuyền công nghệ hiện đại, trình độ cán bộ, công nhân lao động phải được cải thiện, nâng cao... Những hoạt động này đòi hỏi doanh nghiệp phải có một lượng vốn đầu tư lớn và chỉ có ngân hàng mới có thể đáp ứng điều này.

Bước sang cơ chế thị trường, sự phát triển của tín dụng Ngân hàng đã làm biến đổi hoạt động ruồng rớt trong các nhà máy, xí nghiệp khơi dậy sức sống bằng các dây chuyền sản xuất hiện đại năng suất cao, thực hiện chuyển giao công nghệ từ các nước tiên tiến. Điều không thể thực hiện bằng vốn tự có của các doanh nghiệp vốn dĩ đã rất ít ỏi. Bên cạnh đó, tín dụng ngân hàng còn cung cấp một phần vốn không nhỏ trong việc tăng cường nguồn vốn lưu động của các doanh nghiệp. Một vấn đề luôn là mối lo thường trực của các doanh nghiệp. Một khía cạnh khác đòi hỏi sự có mặt của tín dụng ngân hàng đối với doanh nghiệp. Đó là một ngân quỹ để dành cho việc đào tạo đội ngũ lao động phù hợp với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật - công nghệ cao. Đặc biệt trong điều kiện nước ta vẫn còn thiếu nhiều những chuyên gia đầu ngành, những cán bộ có năng lực và những công nhân lành nghề.

1.1.4.4. Ngân hàng thương mại góp phần phân bổ, điều hòa vốn giữa các ngành, các vùng trong nền kinh tế, do đó tạo nên sự phát triển nhanh giữa các vùng trong một nước.

Trong điều kiện Việt Nam, do sự khác nhau về địa lý, tự nhiên và con người mà có sự chênh lệch về sự phát triển kinh tế- xã hội giữa các tỉnh, thành phố; giữa miền xuôi và miền ngược; giữa khu vực nông thôn và thành thị. Thông qua thực hiện chức năng trung gian tín dụng, NHTM đã thu hút vốn thừa ở các ngành, vùng có nhiều vốn nhàn rỗi, chuyển sang các ngành vùng thiếu hụt

về vốn, đảm bảo sự cân bằng về vốn giữa các ngành, vùng trong nền kinh tế, từ đó đã tạo nên sự phát triển nhanh, đồng bộ, vững chắc giữa các ngành vùng trong nền kinh tế.

1.1.4.5. Ngân hàng thương mại là cầu nối nền tài chính quốc gia với nền tài chính quốc tế.

Ngày nay, trong xu hướng toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới với việc hình thành hàng loạt các tổ chức kinh tế quốc tế, các khu vực mậu dịch tự do, làm cho các mối quan hệ thương mại, nhu cầu vận chuyển lưu thông hàng hoá giữa các quốc gia trên thế giới ngày càng được mở rộng và trở nên cần thiết, cấp bách. Do vậy, nền tài chính của một quốc gia cần phải hoà nhập với nền tài chính thế giới

Nhận thức được tầm quan trọng của kinh tế quốc tế, sự hội nhập kinh tế quốc gia với thế giới đem lại những lợi ích kinh tế to lớn, thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững. Một trong các điều kiện quan trọng bậc nhất góp phần thúc đẩy sự hội nhập nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới đó là nền tài chính quốc gia. Ngân hàng thương mại là cầu nối giữa nền tài chính quốc gia với nền tài chính quốc tế thông qua hoạt động của Ngân hàng thương mại trong các lĩnh vực kinh doanh như nhận tiền gửi, cho vay, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ ngoại hối và các nghiệp vụ khác. Đặc biệt là các hoạt động thanh toán quốc tế, buôn bán ngoại hối, quan hệ tín dụng với ngân hàng Nhà nước của Ngân hàng thương mại trực tiếp hoặc gián tiếp tác động góp phần thúc đẩy hoạt động thanh toán xuất nhập khẩu và thông qua đó Ngân hàng thương mại đã thực hiện vai trò điều tiết tài chính trong nước phù hợp với sự vận động của nền tài chính quốc tế.

1.1.4.6. Những vai trò cụ thể khác

Sau hơn hai mươi năm đổi mới Việt Nam đã đạt được rất nhiều thành tựu đáng kể, trong đó không thể không nhắc đến vai trò hết sức quan trọng của hệ thống Ngân hàng thương mại. Những đổi mới của Ngân hàng được coi là khâu đột phá, có những đóng góp tích cực cho nền kinh tế quốc gia như:

Thứ nhất, Ngân hàng thương mại đóng vai trò quan trọng trong việc đẩy lùi và kiềm chế lạm phát, từng bước duy trì sự ổn định giá trị đồng tiền và tỷ giá, góp phần cải thiện kinh tế vĩ mô, môi trường đầu tư và sản xuất kinh doanh.

Thứ hai, góp phần thúc đẩy hoạt động đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh và hoạt động xuất nhập khẩu. Đây là kết quả tác động nhiều mặt của đổi

mới hoạt động ngân hàng, nhất là những cố gắng của ngành ngân hàng trong việc huy động các nguồn vốn trong nước và thu hút các nguồn vốn từ nước ngoài cho đầu tư phát triển, trong việc đổi mới chính sách cho vay và cơ cấu tín dụng theo hướng căn cứ chủ yếu vào tính khả thi và hiệu quả của từng dự án, từng lĩnh vực ngành nghề để quyết định cho vay. Dịch vụ ngân hàng cũng phát triển cả về chất lượng và chủng loại, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, tín dụng ngân hàng đã đóng góp tích cực trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao trong nhiều năm liên tục. Với dư nợ cho vay nền kinh tế luôn chiếm tỷ trọng cao trên GDP, mỗi năm hệ thống ngân hàng đã đóng góp trên 10% tổng mức tăng trưởng kinh tế.

Thứ tư, đã hỗ trợ một cách hiệu quả trong việc tạo việc làm mới và thu hút lao động, góp phần cải thiện thu nhập, và xóa đói giảm nghèo bền vững. Thông qua nguồn vốn tín dụng tài trợ cho các chương trình và dự án phát triển sản xuất kinh doanh, hàng năm hệ thống ngân hàng đã góp phần tạo thêm được nhiều việc làm mới, nhất là tại các vùng nông thôn. Việc sử dụng vốn ngân hàng cho mục đích này ngày càng có tính chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, nhất là từ khi tín dụng chính sách được tách bạch với tín dụng thương mại và giao cho Ngân hàng chính sách xã hội đảm nhiệm.

Thứ năm, hoạt động của NHTM cũng góp phần tích cực vào việc gìn giữ, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững. Đóng góp này được thể hiện qua công tác thẩm định dự án, quyết định cho vay vốn ngân hàng cho các dự án và giám sát thực hiện một cách chặt chẽ sau khi cho vay.

1.1.5. Một số nghiệp vụ cơ bản của Ngân hàng thương mại

NHTM hiện đại hoạt động với ba nghiệp vụ chính đó là: nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ sử dụng vốn và các nghiệp vụ trung gian khác. Ba nghiệp vụ này có quan hệ mật thiết, tác động hỗ trợ thúc đẩy nhau cùng phát triển, tạo nên uy tín và thế mạnh cạnh tranh cho các NHTM, các nghiệp vụ này đan xen lẫn nhau trong quá trình hoạt động của Ngân hàng, tạo nên một chỉnh thể thống nhất trong quá trình hoạt động kinh doanh của NHTM.

1.1.5.1. Nghiệp vụ huy động vốn.

Nghiệp vụ này phản ánh quá trình hình thành vốn cho hoạt động kinh doanh, và là hoạt động đầu vào cho việc kinh doanh của các NHTM. Nó đóng vai trò rất quan trọng đối với tất cả lĩnh vực trong nền kinh tế thông qua việc cung cấp các điều kiện thuận lợi cho việc gửi tiền nhàn rỗi của dân cư và các tổ

chức kinh tế. Theo luật các tổ chức tín dụng, hoạt động huy động vốn bao gồm việc nhận tiền gửi, phát hành các giấy tờ có giá, vay vốn giữa các tổ chức tín dụng và vay vốn của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định tại điều 30 luật NHNN:

- **Nghiệp vụ tiền gửi:**

Đây là nghiệp vụ phản ánh hoạt động Ngân hàng nhận các khoản tiền gửi từ các doanh nghiệp vào để thanh toán hoặc với mục đích bảo quản tài sản mà từ đó NHTM có thể huy động được. Ngoài ra NHTM cũng có thể huy động các khoản tiền nhàn rỗi của cá nhân hay các hộ gia đình được gửi vào ngân hàng với mục đích bảo quản hoặc hưởng lãi trên số tiền gửi.

- **Nghiệp vụ phát hành giấy tờ có giá:**

Các NHTM phần lớn sử dụng nghiệp vụ này để thu hút các khoản vốn có tính thời hạn tương đối dài và ổn định, nhằm đảm bảo khả năng đầu tư, khả năng cung cấp đủ các khoản tín dụng mang tính trung và dài hạn vào nền kinh tế. Hơn nữa, nghiệp vụ này còn giúp các NHTM giảm thiểu rủi ro và tăng cường tính ổn định vốn trong hoạt động kinh doanh.

- **Nghiệp vụ đi vay:**

Nghiệp vụ đi vay được các NHTM sử dụng thường xuyên nhằm mục đích tạo vốn kinh doanh cho mình bằng việc vay các tổ chức tín dụng trên thị trường tiền tệ và vay Ngân hàng nhà nước dưới các hình thức tái chiết khấu hay vay có đảm bảo... Trong đó các khoản vay từ Ngân hàng Nhà nước chủ yếu nhằm tạo sự cân đối trong điều hành vốn của bản thân NHTM khi mà nó không tự cân đối được nguồn vốn trên cơ sở khai thác tại chỗ.

- **Nghiệp vụ huy động vốn khác:**

Ngoài ba nghiệp vụ huy động vốn cơ bản kể trên, NHTM còn có thể tạo vốn kinh doanh cho mình thông qua việc nhận làm đại lý hay uỷ thác vốn cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Đây là khoản vốn huy động không thường xuyên của NHTM, thường để nhận được khoản vốn này đòi hỏi các Ngân hàng phải lập ra các dự án cho từng đối tượng hoặc nhóm đối tượng phù hợp với đối tượng các khoản vay.

- **Vốn chủ sở hữu của NHTM :**

Đây là vốn thuộc quyền sở hữu của NHTM. Lượng vốn này chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nguồn vốn của ngân hàng, song lại là điều kiện pháp lý bắt buộc khi bắt đầu thành lập ngân hàng. Do tính chất thường xuyên ổn định, ngân hàng

có thể sử dụng nó vào các mục đích khác nhau như trang bị cơ sở vật chất, nhà xưởng, mua sắm tài sản cố định phục vụ cho bản thân ngân hàng, cho vay, đặc biệt là tham gia đầu tư góp vốn liên doanh. Trong thực tế khoản vốn này không ngừng được tăng lên từ kết quả hoạt động kinh doanh của bản thân Ngân hàng mang lại.

1.1.5.2. Nghiệp vụ sử dụng vốn:

Đây là nghiệp vụ phản ánh quá trình sử dụng vốn của NHTM vào các mục đích khác nhau nhằm đảm bảo an toàn kinh doanh cũng như tìm kiếm lợi nhuận. Nghiệp vụ tài sản có bao gồm các nghiệp vụ cụ thể sau:

- **Nghiệp vụ ngân quỹ:**

Nghiệp vụ này phản ánh các khoản vốn của NHTM được dùng vào với mục đích nhằm đảm bảo an toàn về khả năng thanh toán hiện thời cũng như khả năng thanh toán nhanh của NHTM và thực hiện quy định về dự trữ bắt buộc do Ngân hàng Nhà nước đề ra.

- **Nghiệp vụ cho vay:**

Cho vay là hoạt động quan trọng nhất của Ngân hàng thương mại. NH thương mại đi vay để cho vay, do đó có cho vay được hay không là vấn đề mà mọi NH thương mại đều phải tìm cách giải quyết. Thông thường lợi nhuận từ hoạt động cho vay này chiếm tới 65- 70% trong tổng lợi nhuận của ngân hàng. Nghiệp vụ cho vay có thể được phân loại bằng nhiều cách: theo thời gian có cho vay ngắn hạn, cho vay trung hạn và dài hạn, theo hình thức đảm bảo có cho vay có đảm bảo, cho vay không có đảm bảo, theo mục đích có cho vay bất động sản, cho vay thương mại, cho vay cá nhân, cho vay nông nghiệp, cho vay thuê mua...

- **Nghiệp vụ đầu tư tài chính:**

Bên cạnh nghiệp vụ tín dụng, các NHTM còn dùng số vốn huy động được từ dân cư, từ các tổ chức kinh tế - xã hội để đầu tư vào nền kinh tế dưới các hình thức như : hùn vốn, góp vốn, kinh doanh chứng khoán trên thị trường... và trực tiếp thu lợi nhuận trên các khoản đầu tư đó.

- **Nghiệp vụ khác:**

Ngân hàng thương mại thực hiện các hoạt động kinh doanh như: kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và kim khí, đá quý; thực hiện các dịch vụ tư vấn, dịch vụ ngân quỹ; nghiệp vụ uỷ thác và đại lý; kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm...

1.1.5.3. Nghiệp vụ trung gian khác:

Ngoài hai nghiệp vụ cơ bản trên ngân hàng còn thực hiện một số nghiệp vụ khác như:

- Dịch vụ trong thanh toán: Có thể nói ngân hàng là thủ quỹ của nền kinh tế. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sẽ không phải mất thời gian sau khi mua hoặc bán hàng hoá và dịch vụ bởi việc thanh toán sẽ được ngân hàng thực hiện một cách nhanh chóng và chính xác.

- Dịch vụ tư vấn, môi giới: Ngân hàng đứng ra làm trung gian mua bán chứng khoán, tư vấn cho người đầu tư mua bán chứng khoán, bất động sản...

- Các dịch vụ khác: Ngân hàng đứng ra quản lý hộ tài sản; giữ hộ vàng, tiền; cho thuê két sắt, bảo mật...

1.2. Huy động vốn trong Ngân hàng thương mại

1.2.1. Khái niệm huy động vốn trong ngân hàng thương mại

Huy động vốn có thể được xem là một trong những nghiệp vụ xuất hiện sớm nhất trong hoạt động của các ngân hàng thương mại. Trong giai đoạn sơ khai của hoạt động ngân hàng, những nghiệp vụ này chỉ đơn giản là hoạt động cất giữ tài sản có giá nhằm mục đích đảm bảo an toàn, và lúc này người trả phí là người gửi tiền chứ không phải là ngân hàng, các khoản tiền chỉ đơn thuần là vật kí gửi chứ hoàn toàn không được đóng vai trò là nguồn vốn của các ngân hàng thương mại, tiền lúc này không được xem là tiền tệ đúng nghĩa vì nó không có khả năng luân chuyển và không sinh ra lợi nhuận. Khi nhu cầu tín dụng gia tăng, nghiệp vụ của ngân hàng thương mại phát triển, vị thế đó bị đảo ngược, ngân hàng là người phải trả phí (lãi suất – giá cả của tín dụng), và nguồn tiền kí gửi thay đổi vai trò của nó, trở thành nguồn vốn khả dụng và lớn nhất của các ngân hàng thương mại hiện nay. Chính vì vậy, trái ngược với quá khứ, ngân hàng trở thành người nài nỉ khách hàng gửi tiền. Nếu trước đây ngân hàng là người bị động trong mối quan hệ với khách hàng thì hiện nay, hầu hết tất cả các ngân hàng đều có các chính sách, phương thức để lôi kéo nguồn tiền gửi này và chính vì vậy phương thức huy động vốn ngày càng trở lên quan trọng, phong phú, đa dạng và hữu hiệu hơn. Có thể nói hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động thiết yếu, quan trọng và quyết định sự sống còn của các ngân hàng thương mại.

Xuất hiện khá lâu đời và không ngừng phát triển, thay đổi cùng với sự phát triển của các ngân hàng thương mại, nội hàm của khái niệm hoạt động huy

động vốn đã có những thay đổi rất đáng kể, cả về quy mô và hình thức thể hiện. Hơn nữa, gần như không tìm thấy một định nghĩa hoàn thiện về hoạt động này cũng như không có sự thống nhất hoàn toàn giữa các quan điểm. Đặc biệt, là sự khác biệt trong cách hiểu khi đề cập vấn đề này dưới các khía cạnh khác nhau. Trong các giáo trình Luật ngân hàng cũng như các văn bản luật hiện nay đều chưa đưa ra một khái niệm cụ thể về vấn đề này những thông qua các qui định của pháp luật cũng cho ta phần nào hình dung một cách chính xác nhất nội hàm của khái niệm này. Cụ thể, tại chương 3 Luật tổ chức tín dụng qui định các hình thực huy động vốn:

- Nhận tiền gửi
- Phát hành giấy tờ có giá
- Vay vốn giữa các tổ chức tín dụng
- Vay vốn ngân hàng nhà nước
- Hình thức khác.

Qua đó, ta có thể tạm thời đưa ra khái niệm huy động vốn như sau: *Hoạt động huy động vốn của ngân hàng thương mại là hoạt động mà trong đó các ngân hàng này tìm kiếm nguồn vốn khả dụng từ các chủ thể khác nhằm đảm bảo sự vận hành bình thường, hiệu quả của bản thân nó theo đúng quy định của pháp luật.*

1.2.2. Các hình thức huy động vốn của ngân hàng thương mại:

1.2.2.1. Nhận tiền gửi

Mỗi ngân hàng khi bắt đầu thành lập kinh doanh thì đều cần một số vốn riêng. Tuy nhiên số vốn riêng này của ngân hàng chủ yếu chỉ dùng để mua sắm trang bị thiết bị, thuê mua trụ sở ngân hàng. Trên thực tế, số vốn ban đầu của ngân hàng chỉ bằng một phần rất nhỏ so với số vốn mà ngân hàng cho vay, mà số vốn cho vay này chủ yếu bắt nguồn từ số vốn mà ngân hàng huy động được qua các kênh huy động vốn. Do đó hoạt động huy động vốn là hoạt động thường xuyên và là mối quan tâm quan trọng bậc nhất trong mỗi ngân hàng.

Tiền gửi là số tiền mà ngân hàng thương mại nhận được từ khách hàng dưới bất kỳ hình thức nào, dù là có phải trả lãi hay không phải trả lãi, với quyền sử dụng số tiền gửi đó cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng với việc cam kết thực hiện hoàn trả vào thời điểm mà người gửi tiền yêu cầu (đối với các loại tiền gửi không kỳ hạn hoặc vào ngày đáo hạn đối với loại tiền gửi có kỳ hạn). Các khoản tiền gửi theo qui định pháp lý nêu trên có mối liên quan mật thiết với

tài khoản của khách hàng tại ngân hàng). Người gửi có thể lựa chọn một hoặc nhiều sản phẩm tiền gửi và có thể làm cho tài sản bằng tiền sản sinh ra lãi theo các kì vọng, mong muốn của mình.

Xã hội ngày càng phát triển thì các sản phẩm tiền gửi ngày càng đa dạng, phong phú, phức tạp. Vì thế rất khó để phân định một cách chính xác từng nhóm tiền gửi riêng biệt. Song về mặt nghiệp vụ ngân hàng, ta có thể phân loại tiền gửi theo các tiêu chuẩn sau đây:

- *Tiền gửi không kỳ hạn:*

Đây là loại tiền gửi vào ngân hàng mà người gửi tiền và ngân hàng không có sự thỏa thuận trước về thời hạn rút tiền, nghĩa là người gửi có quyền rút tiền vào bất cứ thời điểm nào họ muốn. Loại tiền gửi này được ngân hàng phân vào nhóm tiền gửi không kỳ hạn, nghĩa là các khoản gửi có thời hạn không xác định. Do tính chất bất định về thời gian gửi, và có thể bị rút ra bất kì lúc nào, vì vậy ngân hàng rất khó có thể chủ động khi sử dụng số vốn này, chính vì thế ngân hàng thường xuyên phải dự trữ một số tiền để có thể đảm bảo khả năng thanh toán khi khách hàng có nhu cầu rút tiền. Đối với khách hàng, việc gửi tiền vào tài khoản này không nhằm sinh lời mà với mục đích chủ yếu là thanh toán và chi trả cho các hoạt động kinh doanh, các hoạt động dịch vụ phát sinh một cách thường xuyên. Chính vì vậy việc dễ dàng chuyển nhượng, dễ dàng thanh toán được xem là yếu tố rất quan trọng, còn việc hưởng lãi với khoản tiền gửi này chỉ là thứ yếu. Do đó, loại tiền gửi này còn được gọi là tiền gửi theo yêu cầu, nó không đem lại lợi tức cao cho người gửi. Ngược lại, đối với NHTM thì đây lại là một khoản vốn huy động với mức chi phí thấp nhất trong tất cả các khoản vốn huy động được khác. Ngân hàng chỉ phải bỏ ra những khoản chi phí thấp nhất trong tất cả các khoản vốn huy động được khác. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng chỉ phải bỏ ra những khoản chi phí nhỏ về quản lý tài khoản hoặc trả lãi (nếu có thì cũng rất nhỏ) bù lại là được sử dụng một phần lớn làm vốn kinh doanh

- *Huy động tiền gửi có kỳ hạn:*

Đây là loại tiền gửi mà đã có sự thỏa thuận giữa người gửi tiền và Ngân hàng một cách cụ thể về lãi suất và thời hạn rút tiền. Tiền gửi có kỳ hạn là loại tiền gửi tương đối ổn định vì ngân hàng xác định được thời gian rút tiền của khách hàng để thanh toán cho khách hàng đúng thời hạn. Khoản này thường gắn với các tổ chức kinh tế có chu kỳ hoạt động kinh doanh gần như xác định, chu kỳ thanh toán ổn định, ít có sự biến động. Do sự ổn định loại tiền gửi ngày giúp

ngân hàng có thể sử dụng dễ dàng nên mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn cũng cao hơn. Người gửi tiền bên cạnh mục đích sử dụng các dịch vụ ngân hàng thì mục đích chủ yếu là sinh lời. Chính vì thế, nếu có sự biến động của lãi suất sẽ có ảnh hưởng rất nhanh và rõ rệt đối với việc huy động nguồn vốn này của ngân hàng. Tuy nhiên, nhờ tính chất ổn định, ít biến động của loại tiền gửi này, giúp cho ngân hàng dễ dàng hoạch định hoạt động kinh doanh của mình.

• *Huy động tiền gửi tiết kiệm*

Đây là hình thức tiền gửi phổ biến nhất, lâu đời nhất của các ngân hàng thương mại. Bao gồm các loại sau:

- Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn: Là loại tiền gửi tiết kiệm không có sự thỏa thuận về thời hạn rút tiền của khách hàng tuy nhiên không được sử dụng như công cụ thanh toán để chi trả cho người khác. So với tiền gửi không kỳ hạn thì số dư của loại tiền gửi này không lớn, ổn định, ít biến động hơn nên ngân hàng phải trả lãi suất cao hơn.

- Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn: Đây là loại hình tiết kiệm vô cùng phổ biến và quen thuộc ở nước ta. Với loại tiền gửi này, khách hàng gửi tiền vào ngân hàng và rút ra sau thời hạn xác định. Tiền gửi tiết kiệm không được phép rút trước, nếu rút tiền trước hạn thì khách hàng sẽ bị phạt. Chính vì thế loại tiền gửi này có tính ổn định rất cao nên ngân hàng phải trả khách hàng với lãi suất gần như là cao nhất. Tuy nhiên, ở nước ta hiện nay, tăng sức cạnh tranh, và thu hút được nguồn vốn này các ngân hàng đã chủ động, linh hoạt với việc khách hàng rút ra trước thời hạn.

- Tiền gửi tiết kiệm có thời hạn dài: Loại hình tiền gửi tiết kiệm này được sử dụng khá phổ biến ở những nước công nghiệp phát triển nhưng ở nước ta còn rất mới mẻ. Loại tiết kiệm này có tính ổn định cao bởi vì thời gian gửi tiền từ một năm trở lên, do đó ngân hàng chủ động trong việc sử dụng nguồn vốn này, nó tạo cho ngân hàng có tính chủ động sử dụng vốn cho mục đích vốn dài hạn. Chính vì vậy chi phí huy động tiền gửi này rất cao.

1.2.2.2. Huy động vốn qua phát hành giấy tờ có giá

Đây là một hình thức huy động vốn vô cùng quan trọng đối với các ngân hàng thương mại. Đó là việc các NHTM phát hành các loại công cụ nợ ra thị trường để huy động vốn như: chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, kỳ phiếu... Việc huy động vốn bằng các công cụ nợ ngắn hạn có ý nghĩa quan trọng trong việc quản

lý tài sản nợ bên cạnh việc huy động vốn, bởi vì nó có thể được sử dụng mọi lúc khi cần thiết.

Mức lãi suất được áp dụng đối với các công cụ nợ ngắn hạn này thường được quy định bằng cách thỏa thuận trực tiếp giữa ngân hàng và khách hàng hoặc được quy định ở mức mà khách hàng có thể chấp nhận được. Có thể nói, những người mua chứng chỉ tiền gửi này chịu ảnh hưởng rất lớn với những biến động của lãi suất trên thị trường. Do vậy, để có thể tăng sức cạnh tranh đối với nguồn huy động này đòi hỏi NHTM phải đưa ra các mức lãi suất cao hơn so với mức lãi suất của các loại chứng chỉ tiền gửi khác hoặc cũng có thể cao hơn cả mức lãi suất của trái phiếu.

1.2.2.3. Huy động vốn qua vay các tổ chức tín dụng

Đó là các khoản vay thông thường mà các ngân hàng thương mại vay lẫn nhau trên thị trường liên ngân hàng hay thị trường tiền tệ. Giữa các ngân hàng thường được xây dựng các mối quan hệ tốt để khi thiếu hụt vốn có thể cho vay lẫn nhau chứ không vay ngân hàng trung ương. Các ngân hàng đang gặp tình trạng thiếu hụt dự trữ có thể vay các ngân hàng có lượng dự trữ dồi dào nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản. Trong khi đó, các ngân hàng có lượng dự trữ cao có thể tận dụng cho các ngân hàng khác vay nhằm sinh lãi cao. Như vậy nguồn vay các ngân hàng khác cũng vô cùng cần thiết, nó có thể đáp ứng được nhu cầu dự trữ và chi trả cấp bách và trong nhiều trường hợp nó cũng bổ sung hoặc thay thế cho nguồn vay mượn từ ngân hàng Nhà nước.

1.2.2.4. Vay từ ngân hàng trung ương

Đây là khoản vay nhằm giải quyết nhu cầu cấp bách trong việc thanh toán, chi trả của các ngân hàng thương mại. Trong trường hợp gặp khó khăn trong thanh khoản, ngân hàng thương mại thường vay ngân hàng trung ương. Ngân hàng trung ương cho ngân hàng trung gian vay với phương thức gọi là cho vay tái chiết khấu. Thông thường, ngân hàng trung ương chỉ chiết khấu cho những thương phiếu có chất lượng (thời gian đáo hạn ngắn, khả năng trả nợ cao) và phù hợp với mục tiêu của ngân hàng trung ương trong từng thời kỳ. Trong điều kiện chưa có thương phiếu, ngân hàng trung ương cho ngân hàng thương mại vay dưới hình thức tái cấp vốn theo hạn mức tín dụng nhất định

1.2.2.5. Huy động vốn qua các hình thức khác.

Bên cạnh các hình thức huy động trên, ngân hàng còn thực hiện huy động vốn thông qua các nguồn uỷ thác, nguồn trong thanh toán, các nguồn khác... cũng mang lại hiệu quả đáng kể đối với hoạt động huy động vốn ngân hàng.

Ngân hàng thương mại thực hiện việc huy động vốn thông qua cung cấp các dịch vụ uỷ thác như uỷ thác cho vay, uỷ thác đầu tư, uỷ thác cấp phát, uỷ thác giải ngân và thu hộ... Các hoạt động này tạo nên nguồn uỷ thác tại ngân hàng. Ngoài ra, các hoạt động cung cấp các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt có thể hình thành nguồn trong thanh toán (séc trong quá trình chi trả, tiền ký quỹ để mở L/C ...). Các khoản nợ khác như thuế chưa nộp, lương chưa trả ... cũng góp phần làm tăng nguồn huy động trong công tác huy động vốn của ngân hàng thương mại.

1.2.3. Vai trò của huy động vốn tại Ngân hàng thương mại

1.2.3.1. Vai trò của huy động vốn đứng trên góc độ Ngân hàng thương mại

Thứ nhất, hoạt động huy động vốn là cơ sở để ngân hàng tiến hành hoạt động kinh doanh. Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào, muốn hoạt động kinh doanh được thì phải có vốn, vì vốn phản ánh năng lực kinh doanh. Điều này thể hiện ở vốn tự có, vốn huy động, vốn đi vay của ngân hàng. Nếu vốn tự có giữ vai trò quan trọng trong việc thành lập thì sau khi đi vào hoạt động, vốn huy động quyết định tới quy mô đầu tư, cho vay nên sẽ ảnh hưởng tới thu nhập của ngân hàng. Vậy nên, trong ngân hàng, vốn huy động luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nguồn vốn ngân hàng. Chính vì thế, để có thể tiến hành hoạt động kinh doanh một cách thuận lợi thì trước hết hoạt động huy động vốn của ngân hàng phải đạt hiệu quả cao đã.

Thứ hai, hiệu quả của hoạt động huy động vốn ảnh hưởng trực tiếp đến quy mô các hoạt động kinh doanh, đầu tư, tín dụng của ngân hàng thương mại. Nguồn vốn huy động của ngân hàng có ảnh hưởng lớn đến việc mở rộng hay thu hẹp tín dụng, hoạt động bảo lãnh, kinh doanh ngoại tệ hay trong hoạt động thanh toán của các ngân hàng thương mại. Nếu khả năng huy động vốn của một ngân hàng dồi dào thì ngân hàng có thể mở rộng được các hoạt động của mình và đáp ứng được nhu cầu về vốn của khách hàng về cho vay, bảo lãnh, đầu tư...

Thứ ba, khi huy động vốn đạt hiệu quả sẽ giúp ngân hàng chủ động trong kinh doanh. Ngân hàng không thể hoạt động kinh doanh tốt nếu các hoạt động nghiệp vụ hoàn toàn phụ thuộc vào vốn đi vay: vay để cho vay, vay để đầu tư,

vay để thanh toán... Bởi vì khi đi vay vốn để thực hiện các hoạt động của mình, ngân hàng sẽ phụ thuộc hoàn toàn vào đối tượng cho vay về thời hạn vay, số lượng vay và chi phí vay cao. Do đó có thể ngân hàng sẽ bỏ lỡ cơ hội trong kinh doanh. Ngược lại, ngân hàng có lượng vốn huy động dồi dào sẽ hoàn toàn chủ động trong hoạt động kinh doanh của mình, không phụ thuộc vào ai, không bị bỏ lỡ cơ hội kinh doanh. Nguồn vốn huy động lớn cũng làm tăng khả năng hoạt động của ngân hàng như chủ động đa dạng hoá các hoạt động kinh doanh nhằm phân tán rủi ro và tăng thu nhập, đạt mục tiêu cuối cùng của ngân hàng là an toàn và sinh lợi.

Thứ tư, hoạt động huy động vốn giúp ngân hàng quyết định năng lực thanh toán và đảm bảo uy tín của mình trên thị trường. Trong nền kinh tế thị trường, để tồn tại và ngày càng mở rộng quy mô hoạt động đòi hỏi các ngân hàng phải coi uy tín của mình trên thị trường là điều quan trọng. Uy tín đó trước hết được thể hiện ở khả năng sẵn sàng thanh toán cho khách hàng. Khả năng thanh toán của ngân hàng càng cao thì vốn khả dụng càng lớn. Mặt khác, uy tín của ngân hàng còn thể hiện ở khả năng cho vay và đầu tư của ngân hàng (ngân hàng chỉ có thể cho vay những dự án lớn, thời hạn dài nếu như ngân hàng có nguồn vốn lớn). Điều này phụ thuộc vào hoạt động huy động vốn của ngân hàng. Với tiềm năng vốn và khả năng huy động vốn lớn, ngân hàng có thể hoạt động kinh doanh với quy mô ngày càng tăng, tiến hành cạnh tranh có hiệu quả; vừa giữ chữ tín vừa nâng cao thanh thế của ngân hàng trên thị trường.

Thứ năm, hoạt động huy động vốn quyết định năng lực cạnh tranh của ngân hàng. Quy mô, trình độ cán bộ, công nhân viên, phương tiện kỹ thuật hiện đại của ngân hàng là tiền đề thu hút vốn. Khả năng huy động vốn lớn là điều kiện thuận lợi đối với ngân hàng trong việc mở rộng quan hệ tín dụng đối với các thành phần kinh tế cả về quy mô tín dụng, lẫn việc chủ động về thời hạn cho vay và thậm chí trong khi quyết định lãi suất phù hợp với khách hàng. Điều này sẽ thu hút ngày càng nhiều khách hàng đến với mình, nghĩa là doanh số hoạt động của ngân hàng sẽ tăng lên trong tương lai và ngân hàng có nhiều thuận lợi hơn trong kinh doanh. Hơn nữa, khi huy động vốn đạt hiệu quả cao sẽ giúp cho ngân hàng có đủ năng lực tài chính kinh doanh đa năng trên thị trường không chỉ cho vay mà còn đầu tư trên thị trường tiền tệ, liên doanh, liên kết, thực hiện dịch vụ thuê mua... Và chính sự đa dạng hoá hoạt động sẽ góp phần phân tán rủi ro trong hoạt động kinh doanh và tạo lợi nhuận cho ngân hàng, đặc biệt là tăng sức

mạnh cạnh tranh của ngân hàng trên thị trường. Để ngân hàng tồn tại và phát triển, các ngân hàng phải chú trọng tới việc tăng trưởng nguồn vốn nghĩa là phải làm tốt công tác huy động vốn.

1.2.3.2. Vai trò của huy động vốn đứng trên góc độ khách hàng:

Khách hàng gửi tiền tại các ngân hàng thương mại có thể là các cá nhân, các tổ chức kinh tế và các tổ chức xã hội... Do nhu cầu gửi tiền khác nhau nên loại hình gửi tiền mà các khách hàng lựa chọn cũng khác nhau. Đối với khách hàng cá nhân, thì trước hết là họ nghĩ đến việc bảo quản số tiền tạm thời nhàn rỗi của họ như thế nào cho an toàn, với mục đích như vậy họ mang tiền đến ngân hàng để gửi. Sau đó, những đối tượng khách hàng này tính đến việc tìm kiếm lợi nhuận từ số tiền nhàn rỗi chưa sử dụng đến bằng việc sử dụng những dịch vụ, tiện ích do ngân hàng cung ứng. Đối với đối tượng khách hàng doanh nghiệp khi tiến hành hoạt động kinh doanh, họ thường dự trữ một lượng tiền lớn gửi trong ngân hàng, số tiền gửi vào ngân hàng không nhằm mục đích tìm kiếm thu nhập mà chủ yếu là để sử dụng các dịch vụ thanh toán của ngân hàng, từ đó ngân hàng sẽ tiến hành thanh toán hộ các khoản phải trả và thu hộ các khoản phải thu của khách hàng. Tóm lại, huy động vốn có vai trò sau:

Thứ nhất, hoạt động huy động vốn của các Ngân hàng thương mại đã cung cấp cho khách hàng một kênh tiết kiệm và đầu tư hiệu quả làm cho số tiền nhàn rỗi của họ sinh lợi, tạo cơ hội cho họ có thể mở rộng, tăng gia đầu tư, tiêu dùng trong tương lai.

Thứ hai, hoạt động huy động vốn của ngân hàng cung cấp cho khách hàng một nơi an toàn để cất trữ và tích lũy vốn tạm thời nhàn rỗi giúp đảm bảo cho tài sản của khách hàng được an toàn, giúp giảm thiểu, tránh được những tác động từ các tác nhân trong nền kinh tế như biến động của lạm phát, tỷ giá,

Thứ ba, hoạt động huy động vốn của ngân hàng giúp cho khách hàng có cơ hội tiếp cận với các dịch vụ khác của ngân hàng, đặc biệt là dịch vụ thanh toán, dịch vụ phát hành thẻ qua ngân hàng và các dịch vụ tín dụng khi khách hàng cần vốn cho sản xuất, kinh doanh hoặc cần tiền cho tiêu dùng.

1.2.3.3. Vai trò của huy động vốn đứng trên góc độ nền kinh tế:

Thứ nhất, hoạt động huy động vốn giúp thúc đẩy tiết kiệm và đầu tư, góp phần tăng trưởng kinh tế. Tiết kiệm và đầu tư luôn luôn đi kèm với nhau, và là những cơ sở nền tảng quan trọng của nền kinh tế. Tiết kiệm và đầu tư có mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau, trong khi tiết kiệm góp phần thúc đẩy, mở rộng phát

triển sản xuất kinh doanh, tăng cường đầu tư, thì đồng thời đầu tư cũng góp phần khuyến khích, gia tăng tiết kiệm. Nhưng trong nền kinh tế các khoản tiết kiệm thường nhỏ, lẻ và người tiên phong trong việc tập hợp vốn hiệu quả nhất chính là các trung gian tài chính mà tiêu biểu là ngân hàng thương mại. Thông qua các hình thức, các kênh huy động vốn, các khoản tiết kiệm được chuyển thành các khoản đầu tư góp phần làm thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. Việc huy động vốn của ngân hàng giúp cho nền kinh tế có được sự cân đối về vốn giữa các ngành, giữa các vùng miền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Các cơ hội, dự án đầu tư luôn được tạo điều kiện để thực hiện. Quá trình tái sản xuất mở rộng cũng sẽ được thực hiện dễ dàng hơn bởi hoạt động huy động vốn của các ngân hàng thương mại. Tuy huy động vốn có thể thực hiện bằng nhiều kênh như: thông qua thị trường chứng khoán, ngân sách nhà nước...nhưng trong điều kiện nước ta hiện nay thì huy động vốn qua các ngân hàng thương mại vẫn là hình thức chủ yếu, quan trọng nhất, và mang lại hiệu quả cao nhất.

Thứ hai, huy động vốn trong ngân hàng thương mại giúp ổn định, phát triển thị trường tài chính, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát. Hiện nay kênh huy động vốn qua phát hành các công cụ nợ như trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi đang có những đóng góp không nhỏ vào công tác huy động vốn của ngân hàng thương mại. Không những thế, việc lưu thông, mua bán các công cụ nợ này cũng góp phần đẩy mạnh phát triển thị trường tài chính. Bên cạnh đó việc tăng giảm lãi suất trong chính sách huy động vốn của các ngân hàng dưới sự chỉ đạo của ngân hàng trung ương cũng giúp kiểm soát lạm phát, bình ổn giá cả trong nền kinh tế.

1.2.4. Tiêu chí phản ánh hiệu quả huy động vốn

1.2.4.1. Khái niệm hiệu quả huy động vốn

Nhiệm vụ quan trọng của NHTM là phải tập trung và thu hút các nguồn vốn để đầu tư cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, các công trình văn hóa, kinh tế xã hội, biến chúng thành những đồng vốn mang lại hiệu quả kinh tế xã hội. Để có được điều đó, ngân hàng phải có công tác huy động vốn phù hợp và có hiệu quả.

Hiệu quả huy động vốn là huy động vốn ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu kinh doanh của NHTM.

1.2.4.2. Chỉ tiêu phản ánh hiệu quả huy động vốn

Ngân hàng huy động vốn bằng nhiều hình thức khác nhau. Mỗi cách thức huy động vốn đem lại cho ngân hàng thương mại một nguồn vốn có tính chất khác nhau, với chi phí khác nhau. Để đánh giá hiệu quả hoạt động huy động vốn của một ngân hàng thương mại ta cần dựa vào các chỉ tiêu cụ thể. Mỗi chỉ tiêu nêu lên một mặt của hoạt động huy động vốn của ngân hàng thương mại. Sau đây là một số chỉ tiêu:

- *Cân đối được tổng nguồn vốn huy động và nhu cầu vay vốn của ngân hàng.*

Nếu NHTM cân đối được giữa lượng vốn huy động được và nhu cầu vay vốn của các khách hàng truyền thống thì sẽ tránh được hiện tượng vốn huy động được bị tồn đọng, với lượng vốn tồn đọng đó, ngân hàng vẫn phải mất những chi phí bảo quản, chi phí trả lãi và các chi phí phát sinh trong khi không thu được phần bù đắp từ hoạt động tín dụng.

Việc cân đối này thể hiện năng lực quản lý tài chính của NHTM, đồng thời cho thấy rõ hiệu quả của việc huy động vốn.

- *Cơ cấu nguồn vốn phù hợp với cơ cấu sử dụng vốn của NHTM:*

Nguồn vốn huy động được so sánh với các nhu cầu tín dụng, thanh toán và các nhu cầu khác để thấy nguồn vốn huy động đã đáp ứng được bao nhiêu, ngân hàng phải vay thêm bao nhiêu để thỏa mãn nhu cầu, đáp ứng cho hoạt động kinh doanh tốt.

Mỗi loại tiền gửi có các yêu cầu khác nhau về chi phí, thanh khoản, thời hạn... Do đó, việc xác định rõ cơ cấu vốn huy động sẽ giúp cho NHTM hạn chế rủi ro có thể gặp phải và tối thiểu hoá chi phí đầu vào. Khi tiến hành so sánh những khoản vốn có tính thời hạn dài so với các khoản vốn có tính thời hạn thấp và những khoản vốn nội tệ với các khoản vốn ngoại tệ sẽ xem xét sự ổn định của nguồn vốn huy động. Từ đó tìm ra nguyên nhân và biện pháp để tăng các khoản huy động có thời hạn dài.

Chi phí huy động là vấn đề mà các ngân hàng đều quan tâm. Để có được chi phí đầu vào hợp lý, có lợi cho ngân hàng thì các ngân hàng phải xem xét khoản mục nào có tỷ trọng lớn nhất. Trong thực tế các khoản huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có tính ổn định tương đối cao, chi phí vừa phải rất có lợi cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Cho nên để đẩy mạnh hiệu quả công tác huy động vốn thì các ngân hàng phải tìm cách nâng cao tỷ trọng của nhóm này lên hơn nữa trong cơ cấu vốn huy động của mình. Bên cạnh đó các

khoản vốn huy động từ khu vực dân cư rất tiềm năng giúp Ngân hàng mở rộng kinh doanh tín dụng tiêu dùng, thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, tiết kiệm chi phí lưu thông có lợi cho nền kinh tế.

- **Chi phí huy động vốn**

Lãi suất huy động luôn là vấn đề quan tâm hàng đầu của các chủ thể kinh tế. Người gửi muốn một lãi suất cao, người vay lại muốn lãi suất thấp. Là trung gian đóng vai trò cầu nối giữa hai đối tượng trên, ngân hàng phải tìm cách điều chỉnh mức lãi suất sao cho hợp lý nhất đối với các bên, trong đó điều quan trọng là phải đảm bảo lợi ích của ngân hàng. Vì vậy trong huy động vốn, mỗi ngân hàng đều cố gắng áp dụng mọi biện pháp có thể nhằm tìm kiếm được những nguồn vốn sao cho chi phí huy động bình quân là nhỏ nhất và sử dụng số vốn đó để cho vay với một mức lãi suất chấp nhận được trên thị trường.

Mặt khác, sự đa dạng hoá trong lãi suất cho phù hợp với mỗi hình thức huy động vốn là cần thiết, sự đa dạng hoá lãi suất làm cho tăng tính hiệu quả của chính sách lãi suất mà ngân hàng đưa ra. Nếu có chính sách lãi suất phù hợp, hiệu quả, ngân hàng sẽ tối thiểu hoá được chi phí trong khi vẫn hoàn thành kế hoạch về nguồn vốn. Bên cạnh chi phí chính là lãi suất, trong quá trình huy động vốn còn có các chi phí khác như chi phí tiền lương cho cán bộ huy động, chi phí in ấn phát hành, chi phí cơ sở vật chất, chi phí giao dịch quảng cáo... Tuy chi phí này chiếm một tỷ trọng tương đối nhỏ nhưng nếu tiết kiệm được cũng góp phần giảm bớt gánh nặng cho ngân hàng. Việc tính toán chính xác chi phí huy động vốn được coi là một yếu tố cơ bản để xác định mức lợi nhuận mà Ngân hàng sẽ thu được, và căn cứ vào đó để Ngân hàng để xác định mức lợi nhuận mà Ngân hàng sẽ thu được, và căn cứ vào đó Ngân hàng sẽ định giá cho mỗi sản phẩm dịch vụ của mình.

Tổng chi phí

Chi phí huy động vốn = _____

Tổng nguồn vốn huy động

Đây là tiêu chí mà các ngân hàng luôn quan tâm. Khi huy động được nhiều vốn với chi phí thấp thì hiệu quả công tác huy động vốn càng được nâng cao. Chi phí huy động vốn chủ yếu là chi phí trả lãi (trả lãi cho tiền vay và tiền gửi). NHTM luôn muốn tìm kiếm nguồn vốn có chi phí thấp nhất để đáp ứng nhu cầu cho vay và đầu tư. Những nguồn vốn có chi phí thấp nhất sẽ là nguồn vốn có ưu thế nhất về phương diện chi phí. Từ đó, lợi nhuận của ngân hàng tăng bằng cách tăng thu

nhập sẽ nguy hiểm hơn là quản lý hiệu quả chi phí sử dụng vốn và nâng cao hiệu quả huy động vốn. Để mở rộng nguồn vốn huy động, các ngân hàng đều tạo ra các ưu thế của riêng mình về lãi suất, để nâng cao sức cạnh tranh với các ngân hàng khác.

- *Chênh lệch thu chi lãi / chi phí trả lãi của ngân hàng*

Mối liên hệ nguồn vốn và tài sản là mối liên hệ giữa huy động vốn và sử dụng vốn. Đó là hai mặt của quá trình hoạt động của ngân hàng. Tuy nhiên, để đánh giá hiệu quả huy động vốn của ngân hàng, tức là khả năng đáp ứng kịp thời các nhu cầu về sử dụng vốn hay khả năng sinh lời từ dòng vốn huy động được thì các ngân hàng cũng thường sử dụng chỉ tiêu chênh lệch thu chi lãi / chi phí trả lãi của ngân hàng để đánh giá mối liên hệ sinh lời của tài sản và nguồn vốn cũng như hiệu quả hoạt động huy động vốn.

Chỉ tiêu này được tính như sau:

$$\frac{\text{Chênh lệch thu chi lãi}}{\text{Chi phí trả lãi}} = \frac{\text{Thu lãi} - \text{Chi lãi}}{\text{Chi phí trả lãi}}$$

Chỉ tiêu này cho thấy một đồng chi phí ngân hàng bỏ ra để huy động vốn sẽ thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận từ đồng vốn đó. Chỉ tiêu này càng cao thì cho thấy ngân hàng đã sử dụng rất hiệu quả đồng vốn huy động của mình trong việc tối thiểu hóa chi phí huy động cho đồng vốn đó. Chỉ tiêu này cao do chênh lệch thu chi lãi trước thu, chi khác cao và chi phí trả lãi nhỏ. Chỉ tiêu chênh lệch thu, chi lãi/ chi phí trả lãi cao cũng có thể do chí phí tăng và thu nhập trước thu nhập khác và chi khác giảm, tuy nhiên tốc độ tăng của chi phí chậm hơn tốc độ giảm của thu nhập đó.

- *Sự ổn định vốn huy động của các hình thức huy động vốn*

Một hình thức huy động vốn được đánh giá là tốt ngoài những yếu tố như đáp ứng nhu cầu với chi phí thấp cần phải có sự ổn định, tức là không có sự thay đổi đột ngột trong thời gian sử dụng nguồn vốn đó của ngân hàng.

Thông thường các nguồn vốn huy động đều có thể dự tính được trước thời gian sử dụng như tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm,...

Vốn huy động phải có sự tăng trưởng ổn định về mặt số lượng để thoả mãn nhu cầu tín dụng cũng như nhu cầu của các hoạt động khác. Mặt khác vốn huy động đó cũng cần phải có sự ổn định về thời gian. Chẳng hạn như nếu ngân hàng huy động được một nguồn vốn lớn đáp ứng được yêu cầu tín dụng nhưng

lại không đánh giá được khả năng ổn định của nguồn vốn đó sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng, tạo cho ngân hàng những rủi ro khó lường trước được. Ngược lại, nếu ngân hàng chỉ huy động được nguồn vốn nhỏ nhưng ổn định về thời gian sẽ làm cho việc đầu tư của ngân hàng từ nguồn vốn đó đem lại lợi nhuận cao cho ngân hàng.

Chỉ tiêu này được đánh giá qua mức độ tăng giảm vốn huy động. Nếu vốn huy động tăng đều qua các năm, có tốc độ gia tăng ổn định, đều đặn thì vốn đó được coi là có hiệu quả trong việc huy động.

1.2.5. Sự cần thiết nâng cao hiệu quả huy động vốn.

+ Nguồn vốn huy động tăng trưởng, ổn định sẽ thoả mãn nhu cầu của NHTM

Các NHTM ngày nay đang rất chú trọng đến hoạt động huy động vốn. Và hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động chủ yếu để tạo ra lợi nhuận cho các ngân hàng. Hiệu quả huy động vốn có tác động nhiều đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Nguồn vốn huy động được phải xuất phát từ nhu cầu kinh doanh của NHTM. Nguồn vốn này phải có sự tăng trưởng, ổn định về số lượng để có thể thoả mãn các nhu cầu cho vay, thanh toán cũng như hoạt động kinh doanh khác ngày càng tăng của NHTM

Nếu NHTM huy động được nguồn vốn ổn định, ngân hàng sẽ yên tâm sử dụng phần vốn đó vào các hoạt động có lợi nhuận cao. Việc huy động vốn của NHTM phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của ngân hàng về vốn. Nếu huy động được ít vốn thì ngân hàng sẽ không đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, không đa dạng được các hoạt động kinh doanh, không mở rộng cạnh tranh và sẽ bị mất khách hàng. Nếu ngân hàng huy động được nhiều vốn mà không sử dụng hết thì vốn sẽ bị ứ đọng, khiến lợi nhuận giảm sút, do vẫn phải trả lãi và các chi phí kèm theo như chi phí bảo quản, kế toán, kho quỹ... mà không có khoản bù đắp lại.

Ngân hàng có nguồn vốn ổn định sẽ phục vụ được nhiều khách hàng cùng một lúc với nhiều dịch vụ, sẽ tạo được niềm tin của khách hàng. Đây là một nhân tố quan trọng quyết định thành công của ngân hàng.

+ Nguồn vốn huy động ổn định về mặt thời gian để hoạt động thanh toán, đầu tư, cho vay của NHTM diễn ra bình thường.

Ngoài sự cần thiết về lượng vốn lớn, NHTM phải có nguồn vốn huy động ổn định về mặt thời gian. Nếu các NHTM huy động được một lượng vốn lớn mà

không ổn định về mặt thời gian, thường xuyên có một lượng tiền lớn có khả năng bị rút ra thì lượng vốn dành cho hoạt động cho vay, đầu tư sẽ không lớn. Như vậy, hiệu quả sử dụng vốn sẽ không cao và các NHTM phải thường xuyên đối mặt về vấn đề thanh khoản.

Khi các ngân hàng nâng cao được hiệu quả huy động vốn, NHTM sẽ có điều kiện thuận lợi cho các hoạt động đầu tư cho vay. Từ đó, ngân hàng sẽ có nhiều lợi nhuận hơn. Các NHTM đã nhận ra được nhiều lợi ích từ việc nâng cao hiệu quả huy động vốn.

NHTM cần chú trọng đến việc nâng cao hiệu quả huy động vốn để tạo ra được nhiều lợi nhuận nhất, tạo dựng được thương hiệu, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường tài chính.

1.2.6. Các nhân tố tác động đến hoạt động huy động vốn của Ngân hàng thương mại

1.2.6.1. Các nhân tố khách quan

• *Pháp luật, chính sách của Nhà nước*

Pháp luật được đặt ra là để điều chỉnh mọi quan hệ xã hội, chính vì vậy tất cả các hoạt động của ngân hàng thương mại cũng đều chịu sự điều chỉnh của luật pháp. Trên thực tế, hệ thống luật pháp ở Việt Nam hiện hành về hoạt động ngân hàng đã được thiết lập kể từ ngày 12/12/1997 khi hai bộ luật cơ bản là Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật các Tổ chức tín dụng, được ban hành thay thế cho các Pháp lệnh cũ ban hành vào ngày 23/5/1990. Gần đây nhất, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã được sửa đổi vào ngày 17/6/2003 và Luật các Tổ chức tín dụng đã được sửa đổi vào ngày 15/6/2004. Hoạt động của các ngân hàng thương mại là vô cùng quan trọng đối với nền kinh tế, vì vậy các hoạt động của ngân hàng luôn được Nhà nước quản lý chặt chẽ bằng các văn bản quy phạm pháp luật. Mỗi văn bản đều có ảnh hưởng chặt chẽ, sâu sắc đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, đặc biệt là hoạt động huy động vốn.

Dưới sự ảnh hưởng, ràng buộc về luật pháp này thì các yếu tố trong nghiệp vụ huy động vốn chắc chắn sẽ bị tác động và kết quả làm ảnh hưởng đến quy mô và hiệu quả của hoạt động huy động vốn. Bởi khi qui định pháp luật, các chính sách của Chính phủ, của NHTW như: chính sách tiền tệ, tài chính, lãi suất, tín dụng thay đổi sẽ ảnh hưởng đến khả năng thu hút vốn cũng như chất lượng nguồn vốn huy động của NHTM.

• Tình hình chính trị – kinh tế – xã hội trong và ngoài nước

Bất kỳ hoạt động của nền kinh tế đều không thể thoát ly được những tác động của môi trường kinh doanh. Chính vì thế, hoạt động kinh doanh của NHTM nói chung hay hoạt động huy động vốn nói riêng cũng không thể tách biệt được với môi trường kinh tế - chính trị - xã hội.

Trên thực tế, các hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn của các NHTM luôn chịu ảnh hưởng trực tiếp của các tác nhân trong nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, thu nhập, tình trạng thất nghiệp, lạm phát... . Các ngân hàng thương mại có thể thu hút vốn hiệu quả hơn khi nền kinh tế tăng trưởng, do nhu cầu tích lũy của nền kinh tế tăng cao. Ngược lại, khi nền kinh tế suy thoái, hiệu quả huy động vốn bị giảm sút, do lạm phát tăng làm cho môi trường đầu tư của ngân hàng bị thu hẹp.

Hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại cũng không thể phát triển nếu môi trường chính trị quốc gia luôn bất ổn. Sự ổn định về chính trị hay về chính sách đối ngoại của quốc gia cũng ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động huy động vốn của ngân hàng với thị trường trong nước, cũng như với các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới. Điều này cũng là nhân tố quan trọng tác động tới công tác huy động vốn của ngân hàng

• Tâm lý, thói quen tiêu dùng của người gửi tiền

Thói quen, tập quán tiêu dùng của người dân có tầm ảnh hưởng rất lớn đối với hiệu quả công tác huy động vốn của ngân hàng. Cụ thể, đối với những vùng người dân thường có thói quen tiết kiệm bằng các gửi tiền vào ngân hàng thì ngân hàng sẽ huy động được dễ dàng hơn nhiều so với những vùng mà người dân quen với việc tích trữ tài sản của mình dưới dạng vàng, bất động sản.... Bên cạnh đó, công tác huy động vốn cũng đạt hiệu quả cao đối với những quốc gia, vùng, địa phương mà người dân có thói quen tiêu dùng, thanh toán không dùng tiền mặt. Việc thanh toán không dùng tiền mặt phổ biến sẽ đem lại nguồn vốn ngắn hạn không nhỏ cho ngân hàng. Ngược lại, công tác huy động vốn sẽ gặp khó khăn đối với những quốc gia, vùng mà thói quen dùng tiền mặt trong thanh toán đã ăn sâu vào đời sống thường ngày của người dân. Các tập quán tiêu dùng này tuy không thể được thay đổi ngay một sớm một chiều, nhưng công tác Marketing, giới thiệu sản phẩm, và các chính sách khách hàng của ngân hàng cũng có tác động sâu sắc đến tâm lý, thói quen thanh toán, tiết kiệm của người dân.

• ***Yếu tố cạnh tranh trên thị trường tài chính***

Cũng với sự phát triển của nền kinh tế, hệ thống, mạng lưới ngân hàng thương mại ngày càng được mở rộng, ngày càng có thêm nhiều các ngân hàng, các tổ chức tín dụng mới thì yếu tố cạnh tranh trên thị trường tài chính là không thể tránh khỏi. Xu hướng cạnh tranh ngày càng gia tăng mạnh, làm giảm đi sự khác biệt giữa các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính phi ngân hàng. Cạnh tranh trong ngành ngân hàng có xu hướng gia tăng là do các yếu tố như thay đổi chính sách tài chính tiền tệ đặc biệt là điều hành về lãi suất, ...

Sự cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng thương mại thúc đẩy các ngân hàng phải tích cực mở rộng, khai thác triệt để các kênh huy động, không ngừng đa dạng, quảng bá các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn, mang lại lợi ích to lớn cả khách hàng, ngân hàng và nền kinh tế.

1.2.6.2. Các nhân tố chủ quan

• ***Các hình thức huy động vốn và chất lượng các sản phẩm, dịch vụ do ngân hàng cung ứng, và hệ thống mạng lưới***

Các cá nhân, các doanh nghiệp và các tác nhân khác trong nền kinh tế gửi tiền vào ngân hàng với nhiều mục đích khác nhau. Chính vì thế hình thức, các sản phẩm dịch vụ huy động vốn của ngân hàng đưa ra càng phong phú, đa dạng linh hoạt, chất lượng cao và thuận tiện thì khả năng thu hút vốn trong nền kinh tế càng lớn. Chính sự đa dạng hoá các hình thức huy động vốn của Ngân hàng đã giúp cho mỗi người dân, mỗi doanh nghiệp tìm được cho mình một kênh tiết kiệm, đầu tư một cách hợp lý nhất.

Khi các ngân hàng thương mại tích cực đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn một cách hợp lý, cùng với việc luôn luôn nâng cao chất lượng hoạt động các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, đồng thời ngày càng mở rộng hệ thống mạng lưới hoạt động, từ đó sẽ thu hút ngày càng nhiều khách hàng đến với ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho ngân hàng trong hoạt động huy động vốn. Ngược lại khi các hình thức huy động vốn của ngân hàng chưa thực sự đa dạng, phong phú, chất lượng hoạt động dịch vụ chưa cao không đáp ứng được nhu cầu gửi tiền của khách hàng, hệ thống mạng lưới huy động còn nhỏ hẹp, không mang lại sự tiện nghi, thuận lợi cho khách hàng trong việc giao dịch với ngân hàng, thì nó tác động làm giảm hiệu quả huy động vốn của ngân hàng.

Hiện nay nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn cũng như khả năng cạnh tranh của mình, các ngân hàng thương mại còn không ngừng đổi mới về khoa học,

công nghệ ngân hàng, về phong cách làm việc, giao dịch, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, mở rộng thêm nhiều các hoạt động dịch vụ phục vụ khách hàng.

• ***Vị trí của ngân hàng trên thị trường***

Hiện nay, theo tâm lý của các nhân và các tổ chức kinh tế xã hội, bất kỳ ai cũng mong muốn được khoản tiền gửi của mình được bảo quản một cách an toàn nhất, và có thể đạt được kỳ vọng, mục đích gửi tiền. Chính vì thế họ luôn lựa chọn ngân hàng có danh tiếng, có kinh nghiệm hoạt động lâu năm trên thị trường tài chính, có tiềm lực về tài chính, quy mô mạng lưới hoạt động lớn, nguồn vốn lớn có thể đảm bảo khả năng thanh toán khi khách hàng có nhu cầu rút tiền. Do đó, để thu hút được khách hàng các ngân hàng luôn cố gắng củng cố vị thế cũng mình trên thị trường tài chính, bằng cách luôn tích cực đề ra giải pháp nhằm hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao, thu được lợi nhuận lớn, củng cố lòng tin của các chủ thể trong nền kinh tế vào ngân hàng.

• ***Chất lượng hoạt động tín dụng.***

Hoạt động huy động vốn và hoạt động tín dụng là hai nhân tố quan trọng nhất, quyết định đến sự sống còn của ngân hàng. Hai hoạt động này có mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau. Hoạt động huy động vốn huy động vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế, đáp ứng nhu cầu về vốn cần thiết để thực hiện hoạt động tín dụng. Nếu hoạt động tín dụng hay hoạt động sử dụng vốn nếu đạt hiệu quả cao, không chỉ đem lại lợi nhuận cho ngân hàng, bù đắp chi phí huy động vốn mà còn làm tăng thu nhập của các chủ thể trong nền kinh tế, từ đó ngân hàng có thể huy động được nhiều vốn hơn từ những chủ thể này. Do vậy nếu nghiệp vụ sử dụng vốn không hiệu quả tất yếu có thể dẫn đến việc công tác huy động vốn bị thu hẹp lại. Ngoài ra, khi sử dụng vốn kém hiệu quả, làm thất thoát, lãng phí vốn nhiều dẫn đến lòng tin của khách hàng vào ngân hàng bị giảm đi. Tóm lại, hoạt động tín dụng hiệu quả sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế xã hội kinh doanh có đạt hiệu quả cao, thu nhập xã hội ngày càng tăng, tỷ lệ thất nghiệp giảm, đời sống của dân cư ngày càng nâng cao, nguồn vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế ngày càng tăng, tạo cho nguồn vốn ngân hàng huy động ngày càng tăng trưởng để thực hiện đầu tư cho các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo.

• ***Chiến lược kinh doanh của ngân hàng***

Mỗi ngân hàng đều xây dựng cho mình một chiến lược, một kế hoạch kinh doanh cụ thể. Chiến lược kinh doanh được xây dựng dựa trên việc ngân hàng xác định được khả năng, vị trí hiện tại của bản thân ngân hàng trong hệ thống, thấy được

điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội thách thức trong kinh doanh đồng thời dự đoán được sự thay đổi của môi trường kinh tế trong tương lai. Thông qua chiến lược kinh doanh ngân hàng ngân hàng sẽ có thể quyết định việc mở rộng hay thu hẹp hoạt động huy động vốn về mặt quy mô, có thể thay đổi cơ cấu, tỷ lệ các nguồn vốn trên tổng nguồn vốn huy động, tăng hay giảm chi phí huy động. Với tác dụng to lớn như vậy, nếu chiến lược kinh doanh được cân nhắc, lựa chọn một cách hợp lý, đúng đắn, các nguồn vốn được khai thác một cách triệt để, tối đa thì công tác huy động vốn sẽ phát huy được hiệu quả.

• *Trình độ khoa học công nghệ ngân hàng*

Trình độ khoa học công nghệ ngân hàng bao gồm các cơ sở vật chất phục vụ ngân hàng; các loại hình dịch vụ ngân hàng cung ứng; trình độ nghiệp vụ của cán bộ, nhân viên ngân hàng.

Cơ sở vật chất của ngân hàng càng được trang bị hiện đại, các công nghệ khoa học tiên tiến được áp dụng mang lại lợi ích thiết thực, to lớn cho hoạt động, kinh doanh, luôn tạo điều kiện thuận lợi, tiện nghi nhất giúp phục vụ cho khách hàng tốt hơn, củng cố và tạo lòng tin cho khách hàng. Thực tế khách hàng sẽ tin tưởng yên tâm hơn khi gửi tiền ở một ngân hàng có trình độ công nghệ ngân hàng cao. Và khi khách hàng đã thực sự yên tâm gửi tiền thì ngân hàng dễ dàng hơn trong công tác huy động.

• *Năng lực, trình độ, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngân hàng*

Năng lực và trình độ nghiệp vụ của các cán bộ ngân hàng cũng là một nhân tố có ảnh hưởng sâu sắc đối với công tác huy động vốn. Trình độ nghiệp vụ của cán bộ ngân hàng càng cao, mọi thao tác qui trình nghiệp vụ thực hiện nhanh chóng, chính xác, có hiệu quả, có thể dễ dàng giải đáp những thắc mắc, và tư vấn một cách rõ ràng đầy đủ về các sản phẩm dịch vụ huy động vốn của ngân hàng; về thái độ phục vụ, tác phong làm việc của cán bộ ngân hàng tốt, nhiệt tình, cởi mở, tạo thuận lợi cho khách hàng sẽ gây được ấn tượng tốt đối với khách hàng, thu hút được nhiều khách hàng hơn. Thái độ phục vụ của cán bộ ngân hàng đối với khách hàng có tác động rất lớn đến việc huy động vốn cho ngân hàng. Do đó, để thu hút khách hàng gửi tiền, đi đôi với việc trau dồi kiến thức, nghiệp vụ, cán bộ ngân hàng phải thường xuyên chú ý đến thái độ phục vụ của mình sao cho vừa lòng khách hàng.

• *Công tác Marketing, quảng cáo, khuyến mãi*

Hoạt động marketing, quảng cáo, khuyến mãi cũng góp phần không nhỏ cho công tác huy động vốn của ngân hàng. Hiện nay các ngân hàng cũng đã từng bước

học tập và ứng dụng nghệ thuật Marketing, thông tin quảng cáo giới thiệu sản phẩm, các hình thức khuyến mãi...Việc tăng cường hoạt động Marketing, quảng cáo khuyến mãi giúp khách hàng có thể tiếp cận, hiểu rõ hơn về tác dụng và lợi ích của các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mang lại, từ đó ngân hàng sẽ thu hút được nhiều vốn hơn. Thông tin quảng cáo,Marketing, tiếp thị khuyến mại, rõ ràng sẽ ngày càng phát triển mạnh mẽ trong cơ chế thị trường.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN TẠI NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

2.1. Giới thiệu về Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng

2.1.1.1. Khái quát về Ngân hàng Công thương Việt Nam

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) được thành lập từ năm 1988 sau khi tách ra từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng công thương Việt Nam là Ngân hàng thương mại cổ phần lớn, giữ vai trò quan trọng, trụ cột trong ngành Ngân hàng Việt Nam. Hiện nay, ngân hàng có hệ thống qui mô, mạng lưới hoạt động trải rộng khắp toàn quốc với 01 Sở giao dịch, 150 Chi nhánh và trên 1000 Phòng giao dịch/ Quỹ tiết kiệm. NHCTVN hiện tại có 7 Công ty hạch toán độc lập là Công ty Cho thuê Tài chính, Công ty Chứng khoán Công thương, Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản, Công ty TNHH MTV Bảo hiểm, Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ, Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý, Công ty TNHH MTV Công đoàn và 3 đơn vị sự nghiệp là Trung tâm Công nghệ Thông tin, Trung tâm Thẻ, Trường Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, Ngân hàng Công thương Việt Nam là một trong những thành viên sáng lập và là đối tác liên doanh của Ngân hàng INDOVINA, có quan hệ đại lý với trên 900 ngân hàng nước ngoài, có định chế tài chính tại hơn 90 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. NHCTVN đang là thành viên của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam, Hiệp hội ngân hàng Châu Á, Hiệp hội Tài chính viễn thông Liên ngân hàng toàn cầu (SWIFT), Tổ chức Phát hành và Thanh toán thẻ VISA, MASTER quốc tế, là ngân hàng Việt Nam đầu tiên mở chi nhánh tại Châu Âu, đánh dấu bước phát triển vượt bậc của nền tài chính Việt Nam trên thị trường khu vực và quốc tế. Ngân hàng luôn luôn không ngừng nghiên cứu, cải tiến các sản phẩm, dịch vụ hiện có và phát triển các sản phẩm mới nhằm đáp ứng cao nhất nhu cầu của khách hàng.

Tạp chí chuyên xếp hạng Forbes của Hoa Kỳ đã công bố danh sách thường niên 2.000 DN lớn nhất thế giới. NHCTVN là doanh nghiệp đầu tiên và duy nhất của Việt Nam nằm trong danh sách này. trở thành “Tổ chức huy động tiền gửi hiệu quả nhất Việt Nam” (Best Borrower in Vietnam) theo bình chọn của Tạp chí FinanceAsia..

Tròn ¼ thế kỷ hình thành và phát triển, NHCTVN đã đi trọn vẹn một hành trình, vượt qua muôn vàn thách thức, chinh phục những đỉnh cao thành công để rồi được vinh danh Anh hùng. Nhưng như những con sóng cả chưa bao giờ hết khát những bến bờ, con thuyền NHCTVN vẫn nuôi tham vọng vươn xa và phát triển bền vững hơn nữa, hoàn thiện sứ mệnh và tầm nhìn: là một Tập đoàn tài chính ngân hàng hàng đầu của Việt Nam, hoạt động đa năng, cung cấp sản phẩm và dịch vụ theo chuẩn mực quốc tế, nhằm *nâng giá trị cuộc sống*.

2.1.1.2. Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng:

Đứng trước tình hình đổi mới của nền kinh tế, nhu cầu vốn ngày càng tăng. Để đáp ứng nhu cầu đó các NHTM phải mở rộng mạng lưới hoạt động, đa dạng hóa các dịch vụ ngân hàng. Lúc này ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng đã được thành lập theo Nghị định 53/HĐBT vào tháng 6/1988, với mô hình tổ chức ba cấp(Trung Ương- Thành phố- Quận), là một chi nhánh thuộc hệ thống Ngân hàng Công Thương Việt Nam, gồm có 4 chi nhánh trực thuộc, với hơn 500 lao động: Chi nhánh NHTMCP Công Thương Hồng Bàng, Chi nhánh NHTMCP Công Thương quận Ngô Quyền, Chi nhánh NHTMCP Công Thương quận Lê Chân, Chi nhánh NHTMCP Công Thương thị xã Đồ Sơn. Một số thông tin về ngân hàng như sau:

- Tên gọi: Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng
- Địa chỉ: 36 Điện Biên Phủ - Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng
- Điện thoại: 031.3859969 – 031.3859913
- Fax: 031.3859895
- Swift: ICBVVNVX160

Tháng 10/1994, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ , Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chuyển đổi thực hiện mô hình tổ chức thành Ngân hàng 2 cấp, đã chia tách các Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương quận, thị xã thành đơn vị trực thuộc thẳng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Đến nay, Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Hải Phòng là đơn vị phụ thuộc NHTMCP Công Thương Việt Nam, xếp hạng II với 114 lao động, gồm 10 phòng, 5 điểm giao dịch và 1 quỹ tiết kiệm.

Hai mươi năm xây dựng và trưởng thành, hoạt động của Ngân hàng công thương Hải Phòng đã luôn luôn cố gắng tập trung sức mạnh tổng hợp, mặc dù thường xuyên phải đương đầu với nền kinh tế thị trường hết sức sôi động và cạnh tranh, chi nhánh không tránh khỏi những khó khăn trở ngại trong lĩnh vực

kinh doanh – tiền tệ nhưng bằng ý chí vươn lên mọi khó khăn từ nội lực của toàn thể cán bộ công nhân viên chức, dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của Ngân hàng Công thương Việt Nam, của các cấp, các ngành chính quyền địa phương, từng bước NHCT chi nhánh Hải Phòng đã lập lại thể chủ động, khẳng định vị trí là một trong những NHTM hàng đầu, thể hiện thế đi lên vững chắc và khả năng to lớn góp phần thực hiện có kết quả chính sách tiền tệ tín dụng Quốc gia, hòa nhập với cơ chế thị trường mở cửa, nâng cao năng lực cạnh tranh, từng bước hạn chế và đẩy lùi lạm phát, thúc đẩy sự hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, góp phần vào phát triển kinh tế của cả nước với ba chương trình kinh tế lớn, công nghiệp hóa hiện đại hóa góp phần tạo ra bước phát triển mới của kinh tế xã hội thành phố cảng Hải Phòng.

Trong những năm qua, chi nhánh liên tục mở rộng về quy mô hoạt động, về tổ chức bộ máy và mạng lưới. Hiện tại, ngân hàng có 5 phòng giao dịch trên địa bàn Hải Phòng:

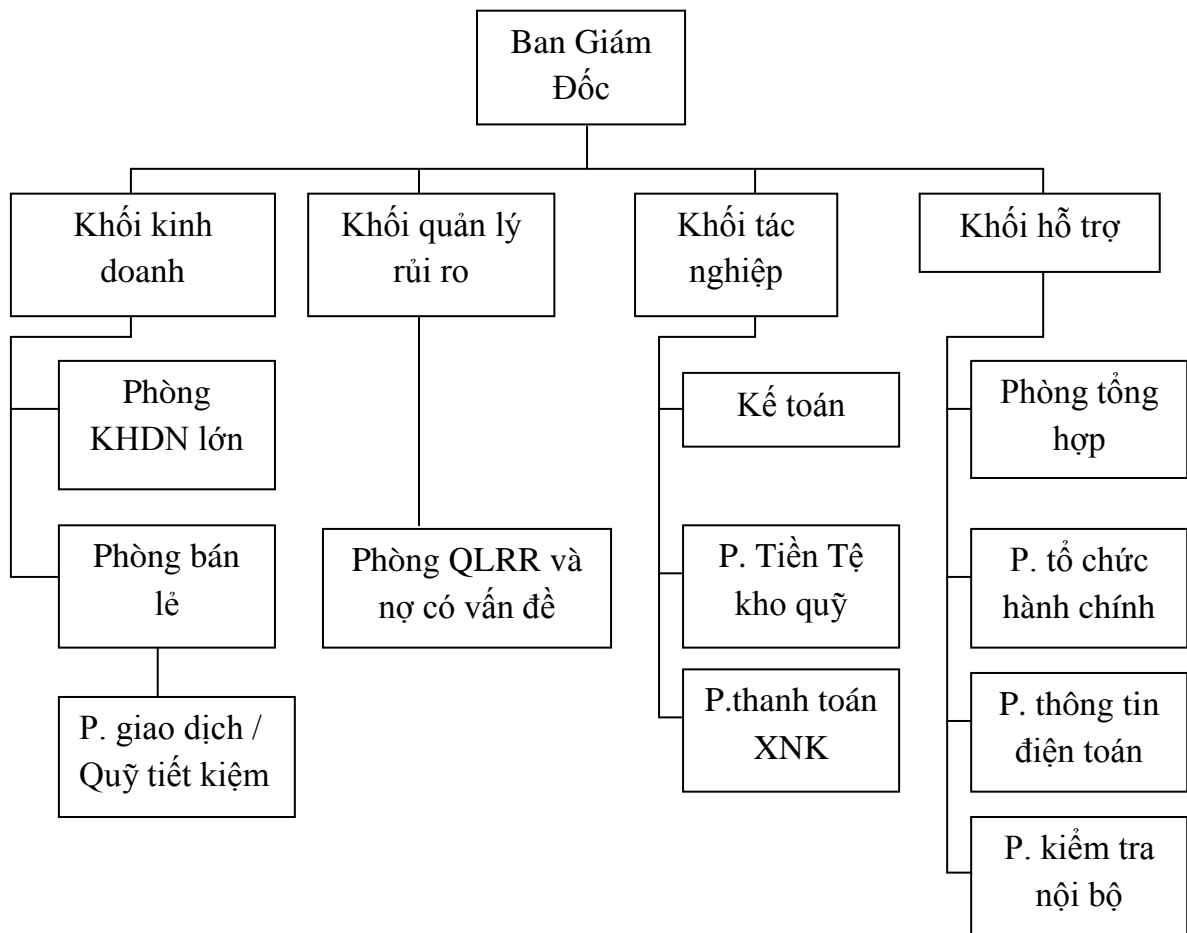
- Tổ tiền gửi tiết kiệm dân cư - Số 36 Điện Biên Phủ, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng, ĐT: 031.3859977.
- PGD Cầu Đất - Số 44 Cầu Đất, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng, ĐT: 031.3734209.
- PGD Mê Linh - Số 275 Lạch Tray, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng. ĐT: 031.3733938 - 031.3733937.
- PGD Số 56 - Số 56 Mê Linh, quận Lê Chân, TP Hải Phòng, ĐT: 031.3510619.
- PGD Thủy Nguyên - Số 15 đường Đà Nẵng, TT Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, ĐT: 031.3973654.

Đồng thời, kết quả hoạt động kinh doanh cũng không ngừng tăng trưởng cho nên chi nhánh ngày càng có uy tín được nhiều bạn hàng đánh giá cao. Chính vì vậy, đến nay chi nhánh luôn giữ vững là (Đơn vị kinh doanh xuất sắc trong hệ thống NHCT Việt Nam.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng:

2.1.2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy, quản lý điều hành:

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy điều hành



(Nguồn: Phòng Tổ chức hành chính Ngân hàng công thương HP cấp)

Thông qua hình vẽ trên ta nhận thấy hệ thống tổ chức của NHCT Chi nhánh Hải Phòng được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Hệ thống tổ chức phải chịu sự quản lý theo chiều dọc từ trên xuống:

- Ban giám đốc trực tiếp điều hành các phó giám đốc và các khối phòng nghiệp vụ.
- Trong mỗi phòng ban lại có trưởng phòng trực tiếp quản lý các hoạt động và chỉ thị xuống cho phó phòng và các nhân viên.

2.1.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban:

- **Giám đốc:**
 - Là người tổ chức điều hành NH; xây dựng chiến lược phát triển lâu dài và hàng năm của NH; phụ trách công tác kinh doanh, trực tiếp điều hành công tác huy động vốn, trực tiếp ký cho vay, tham gia thẩm định các món vay không trực tiếp ký cho vay; thực hiện nhiệm vụ bổ nhiệm khen thưởng, kỉ luật cán bộ.

- Giám đốc là đại diện pháp nhân của NH, chịu trách nhiệm trước cấp trên về mặt pháp lý về mọi hoạt động của NH. Sau khi có quyết định của cấp trên, giám đốc có thẩm quyền điều hành cao nhất của NH và thực hiện chức năng quản lý đối với các phòng.

• Phòng kế toán:

- Là phòng nghiệp vụ giúp cho Giám đốc thực hiện công tác quản lý tài chính, thực hiện nhiệm vụ chi tiêu nội bộ tại chi nhánh và còn thực hiện các giao dịch trực tiếp với khách hàng.

- Cung cấp các dịch vụ Ngân hàng liên quan đến nghiệp vụ thanh toán, xử lý hạch toán các giao dịch.

- Quản lý và chịu trách nhiệm đối với hệ thống giao dịch trên máy, quản lý quỹ tiền mặt đến từng giao dịch viên theo đúng quy định của Nhà nước và của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

- Thực hiện tư vấn cho khách hàng về sử dụng các sản phẩm của Ngân hàng theo đúng quy định của của Nhà nước và của Ngân hàng TMCP Công Thương.

• Phòng khách hàng doanh nghiệp:

- Là phòng trực tiếp giao dịch với khách hàng là các Doanh nghiệp nhằm khai thác vốn bằng VNĐ và ngoại tệ.

- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến tín dụng.

- Quản lý các khoản tín dụng đã được cấp; quản lý tài sản đảm bảo theo qui định của NHCTVN. Tìm mọi biện pháp thu hồi nợ nhóm 2,3,4,5. Cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin của khách hàng cho phòng quản lý rủi ro để thẩm định độc lập và tái thẩm định của chi nhánh và NH TMCP Công thương Việt Nam.

- Quản lý các sản phẩm tín dụng phù hợp với chế độ, thể lệ hiện hành và hướng dẫn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

- Trực tiếp quảng cáo, tiếp thị, giới thiệu các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng cho các doanh nghiệp.

- Phản ánh kịp thời các vướng mắc về cơ chế, chính sách, qui trình nghiệp vụ và những vấn đề mới nảy sinh, đề xuất những biện pháp trình Giám đốc Chi nhánh xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị lên cấp trên giải quyết.

• Phòng bán lẻ:

- Là phòng nghiệp vụ trực tiếp giao dịch với khách hàng là các cá nhân để huy động vốn bằng VNĐ và ngoại tệ.

- Thực hiện tiếp thị, hỗ trợ khách hàng và tư vấn khách hàng về các sản phẩm dịch vụ của NHCTVN: tín dụng đầu tư, chuyên tiền, mua bán ngoại tệ, thanh toán xuất nhập khẩu,... Làm đầu mối bán các sản phẩm của NHCTVN đến khách hàng cá nhân.

- Thực hiện, xử lý các nghiệp vụ tín dụng liên quan đến cho vay, quản lý các sản phẩm cho vay phù hợp với chế độ, thể lệ hiện hành của Ngân hàng Nhà nước và hướng dẫn của Ngân hàng TMCP Công Thương, quản lý hoạt động của các quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch.

-
Thực hiện chấm điểm xếp hạng tín nhiệm đối với khách hàng có nhu cầu quan hệ giao dịch và đang có quan hệ giao dịch tín dụng với Chi nhánh.

-
Phản ánh kịp thời các vấn đề vướng mắc trong cơ chế nghiệp vụ và các vấn đề mới nảy sinh, đề xuất biện pháp trình Giám đốc xem xét, giải quyết.

• Phòng quản lý rủi ro và nợ có vấn đề:

- Phòng quản lý rủi ro có trách nhiệm tham mưu cho Giám đốc Chi nhánh về công tác quản lý rủi ro của chi nhánh; quản lý giám sát thực hiện danh mục cho vay, đầu tư đảm bảo tuân thủ các giới hạn tín dụng cho từng đối tượng khách hàng.

- Thẩm định, tài thẩm định khách hàng, phương án, dự án đề nghị cấp tín dụng.

- Đề xuất mức tăng trưởng theo nhóm khách hàng, ngành nghề, khu vực kinh tế... phù hợp với năng lực quản trị rủi ro của Chi nhánh và tình hình phát triển kinh tế của địa phương.

- Thực hiện chức năng đánh giá, quản lý rủi ro trong toàn bộ các hoạt động Ngân hàng theo chỉ đạo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

- Chịu trách nhiệm về quản lý và xử lý các khoản nợ có vấn đề (bao gồm các khoản nợ, cơ cấu lại các khoản nợ, nợ quá hạn, nợ xấu), quản lý, khai thác và xử lý tài sản đảm bảo nợ vay theo quy định của Nhà nước nhằm thu hồi các khoản nợ gốc và lãi tiền vay.

-
Tổng hợp, thống kê, lưu trữ tài liệu, số liệu liên quan đến các khoản nợ có vấn đề và các tài sản bảo đảm tồn đọng. Làm báo cáo định kì hoặc đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc chi nhánh và NHCTVN.

• Phòng thanh toán xuất nhập khẩu:

- Là phòng tổ chức thực hiện các nghiệp vụ về thanh toán xuất nhập khẩu và kinh doanh ngoại tệ tại chi nhánh theo quy định của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

- Thực hiện các nghiệp vụ về thanh toán xuất nhập khẩu theo hạn mức được cấp.

- Hỗ trợ phòng kế toán thực hiện chuyển tiền nước ngoài (nếu có).

- Phối hợp với phòng kiểm soát sau thuộc phòng kế toán kiểm soát, đối chiếu các bút toán phát sinh trên các tài khoản liên quan đến nghiệp vụ của phòng và xử lý các khoản sai sót.

- Tư vấn khách hàng sử dụng sản phẩm tài trợ thương mại, thanh toán xuất nhập khẩu.

• Phòng tiền tệ kho quỹ:

- Là phòng nghiệp vụ quản lý an toàn kho quỹ, quản lý quỹ tiền mặt theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

- Ứng và thu tiền cho các quỹ tiết kiệm, các điểm giao dịch trong và ngoài quầy, thu chi tiền mặt cho các doanh nghiệp có thu, chi tiền mặt lớn.

- Phối hợp với phòng kế toán, phòng tổ chức hành chính thực hiện điều chuyển tiền quỹ giữa quỹ nghiệp vụ của Chi nhánh với NHNN, các NHCTVN trên địa bàn, các quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch, phòng giao dịch, máy ATM an toàn, đúng chế độ trên cơ sở đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của Chi nhánh.

- Thường xuyên kiểm tra và phát hiện kịp thời các hiện tượng hoặc sự cố ảnh hưởng đến an toàn kho quỹ, báo cáo Ban giám đốc kịp thời xử lý.

- Thực hiện ghi chép theo sổ sách, thu chi xuất nhập kho quỹ đầy đủ, kịp thời. Làm báo cáo theo qui định của NHNN và NHCTVN.

• Phòng tổ chức hành chính:

- Là phòng tham mưu cho Ban giám đốc về công tác tổ chức cán bộ và đào tạo tại chi nhánh theo đúng chủ trương và chính sách của Nhà nước và quy định của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

- Thực hiện công tác quản trị và văn phòng phục vụ hoạt động kinh doanh tại chi nhánh, thực hiện công tác bảo vệ, an ninh toàn chi nhánh.

• **Phòng tổ chức thông tin điện toán:**

- Thực hiện công tác quản lý, duy trì hệ thống thông tin điện toán tại chi nhánh.

-
Thực hiện quản lý về mặt công nghệ và kỹ thuật đối với toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin của chi nhánh theo thẩm quyền được giao. Bảo trì, bảo dưỡng máy tính đảm bảo thông suốt hoạt động của hệ thống mạng, máy tính của chi nhánh.

- Kết hợp các phòng nghiệp vụ khác thực hiện quản lý, duy trì về kỹ thuật các hoạt động giao dịch ngoài quầy trên các kênh giao dịch của NHCTVN.

• **Phòng tổng hợp tiếp thị:** Là phòng nghiệp vụ tham mưu cho Giám đốc chi nhánh dự kiến kế hoạch kinh doanh, tổng hợp, phân tích đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, thực hiện báo cáo hoạt động hàng năm của chi nhánh.

• **Phòng kiểm tra nội bộ:** Là phòng nghiệp vụ có chức năng giúp Giám đốc giám sát, kiểm tra, kiểm toán các mặt hoạt động kinh doanh của chi nhánh nhằm đảm bảo việc thực hiện theo đúng pháp luật của Nhà nước và cơ chế quản lý của ngành.

2.1.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của chi nhánh

Cùng với sự phát triển của ngân hàng tài chính nói chung và hệ thống ngân hàng Công thương Việt Nam nói riêng, trong những năm qua NHCT chi nhánh Hải Phòng đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận thông qua các hoạt động chủ yếu của ngân hàng như sau:

• **Huy động vốn:**

Huy động vốn là một trong những hoạt động quan trọng nhất của Ngân hàng Công thương Hải Phòng. Mặc dù nền kinh tế trong những năm gần đây gặp nhiều khó khăn, nhưng với những kinh nghiệm lâu năm trên thị trường tài chính, cùng với uy tín và thương hiệu mạnh sẵn có, kết hợp với các biện pháp khuyến mãi hấp dẫn, chính sách lãi suất linh hoạt hợp lý, nên nguồn vốn huy động được tại Ngân hàng Công thương Hải Phòng qua các năm luôn có sự tăng trưởng, năm sau cao hơn năm trước về giá trị tuyệt đối. Trong những năm qua, nguồn vốn huy động của NHCT Hải Phòng luôn luôn được sử dụng hợp lý, cùng với hệ thống các ngân hàng quốc doanh, ngân hàng thương mại khác, góp phần thúc đẩy sự phát triển các ngành nghề, tăng trưởng kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Mặc dù nguồn vốn huy động chiếm tỷ trọng cao trong tổng nguồn vốn

nhưng NHCT Hải Phòng luôn bảo đảm được tỷ lệ huy động vốn đúng theo qui định.

Huy động vốn tại NHCT Hải Phòng từ năm 2011 - 2013 được thể hiện theo bảng số liệu sau:

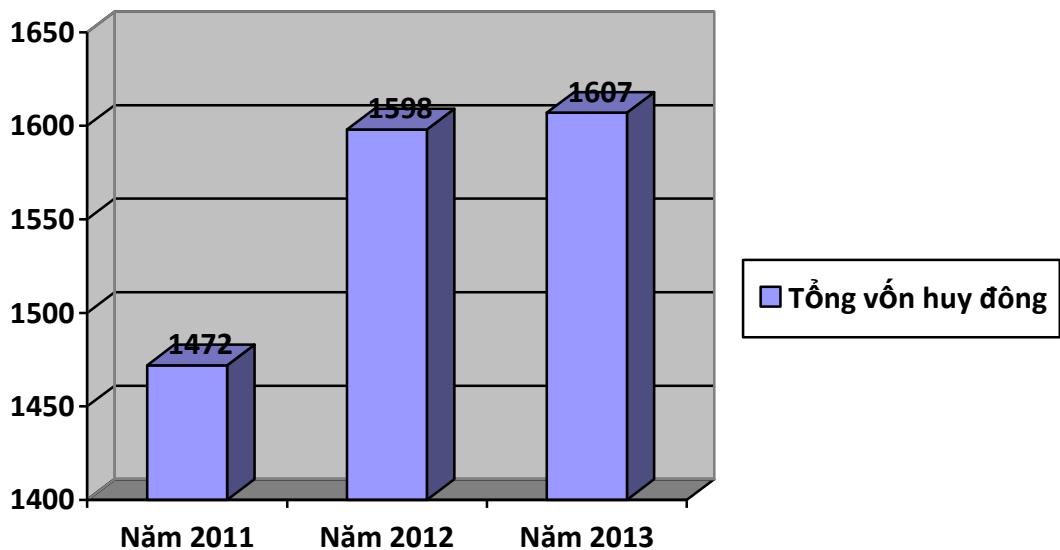
Bảng 2.1: Biến động của nguồn vốn huy động qua các thời điểm

(Đơn vị: tỷ đồng)

| Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | So sánh 2012/2011 | | So sánh 2013/2012 | |
|-------------|----------|----------|----------|-------------------|------|-------------------|------|
| | | | | +/- | % | +/- | % |
| NV huy động | 1472 | 1598 | 1607 | 126 | 8.56 | 9 | 0.46 |

(Nguồn: Báo cáo KQHĐKD NHCTVN Chi nhánh Hải Phòng)

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng vốn huy động giai đoạn 2011-2013



Qua những số liệu trên ta có thể thấy rõ sự tăng trưởng về nguồn vốn mà NH đã huy động:

- Tính đến 31/12/2011, tổng nguồn vốn huy động (đã quy đổi) là 1472 tỷ đồng và đến ngày 31/12/2012 con số này lên tới 1598 chỉ tăng có 126 tỷ đồng so với năm 2011, tỷ lệ tăng là 8.56 %

- Đến ngày 31/12/2013 tổng nguồn vốn huy động (đã quy đổi) đạt 1607 tỷ đồng chỉ tăng 9 tỷ đồng so với năm 2012, tỷ lệ tăng là 0.46%.

- **Kết quả hoạt động kinh doanh:**

Kết quả kinh doanh phản ánh phần nào hoạt động tài chính của NH, qua đó ta có thể đánh giá năng lực của NH cũng như sức khỏe của NH đó. Để tìm hiểu rõ hơn về hiệu quả hoạt động của Chi nhánh Hải Phòng ta sẽ xem xét kết quả kinh doanh của NH qua 3 năm gần đây:

Bảng 2.2: Kết quả hoạt động kinh doanh

(Đơn vị: tỷ đồng)

| Nội dung | 2011 | 2012 | 2013 | So sánh 2012/2011 | | So sánh 2013/2012 | |
|----------------------------|-------|-------|-------|-------------------|-------|-------------------|--------|
| | | | | +/- | % | +/- | % |
| Phần thu | 289.4 | 304.8 | 257.8 | 15.4 | 5.3 | -47 | -15.4 |
| Thu lãi cho vay | 244.6 | 241.3 | 209.5 | -3.3 | -1.3 | -31.8 | -13.2 |
| Thu dịch vụ | 8.4 | 12.6 | 7.1 | 4.2 | 50.0 | -5.5 | -43.7 |
| Thu khác | 36.4 | 50.9 | 41.2 | 14.5 | 39.8 | -9.7 | -19.1 |
| Phần chi | 260.1 | 267.8 | 274.9 | 7.7 | 3.0 | 7.1 | 2.7 |
| Chi trả lãi tiền gửi | 148.5 | 156.2 | 167.9 | 7.7 | 5.2 | 11.7 | 7.5 |
| Chi dịch vụ | 4.2 | 5.7 | 6.4 | 1.5 | 35.7 | 0.7 | 12.3 |
| Chi nội bộ | 55.8 | 69.2 | 75.3 | 13.4 | 24.0 | 6.1 | 8.8% |
| Trích dự phòng rủi ro | 51.6 | 36.7 | 25.3 | -14.9 | -28.8 | -11.4 | -31.1 |
| Tổng Thu – Tổng Chi | 29.3 | 37.0 | -17.1 | 7.7 | 26.3 | -54.1 | -146.2 |

(Nguồn: Báo cáo KQHĐKD NHCTVN Chi nhánh Hải Phòng)

Qua bảng số liệu, ta thấy tình hình kinh doanh của NHCT chi nhánh Hải Phòng như sau :

- Tổng thu năm 2011 là 289.4 tỷ đồng, đến năm 2012 tăng 15.4 tỷ đồng lên 304.8 tỷ đồng với tỷ lệ tăng là 5.3 % . Tuy nhiên đến năm 2013 tổng thu là 257.8 tỷ đồng, giảm 47 tỷ đồng với tỷ lệ giảm là 15.4%.

- Tổng chi năm 2011 là 260.1 tỷ đồng đến năm 2012 là 267.8 tỷ đồng, tăng 7.7 tỷ đồng với tỷ lệ tăng là 3.0%; đến năm 2013 tăng lên là 274.9 tỷ đồng với tỷ lệ tăng là 2.7 %.

- Tổng Thu – Tổng chi năm 2012 tăng đáng kể 7.7 tỷ đồng của Chi nhánh là điều hợp lý bởi một phần do tốc độ lạm phát khá cao, hơn thế nữa chi nhánh có tình hình huy động tốt nên số tiền phải trích ra trả lãi cũng cao hơn. Mặt khác, chi nhánh đã mở rộng quy mô kinh doanh, tăng cường mở rộng các nghiệp vụ ngân hàng. Sang năm 2013, do nền kinh tế gặp nhiều khó khăn khiến Chi nhánh phải đối mặt với nhiều thách thức nguồn vốn huy động và đặc biệt là tín dụng cho vay tiềm ẩn nhiều rủi ro nên thu lãi từ hoạt động cho vay giảm đi khá nhiều: giảm 31.8 tỷ đồng với tỷ lệ giảm là 13.2 % so với năm 2012. Mặc dù Chi nhánh đã chú trọng giảm thiểu các chi phí không cần thiết để góp phần nâng cao lợi nhuận nhưng không thể tránh khỏi Thu – Chi của Chi nhánh đã giảm mạnh xuống – 17.1 tỷ đồng trong năm 2013.

• *Đánh giá chung về tình hình hoạt động kinh doanh của NHCTVN chi nhánh Hải Phòng:*

Qua các bảng số liệu về tình hình huy động vốn, sử dụng vốn và kết quả hoạt động kinh doanh của NHCTVN chi nhánh Hải Phòng trong giai đoạn 2011 -2013 ta thấy:

Hiệu quả hoạt động của công tác huy động vốn chi nhánh trong những năm qua khá cao, qui mô nguồn vốn huy động luôn có sự tăng trưởng về giá trị tuyệt đối. Mặc dù trong năm 2012 và năm 2013, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế chi nhánh luôn có những biện pháp, chiến lược huy động vốn cụ thể, luôn duy trì mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng giúp khả năng thu hút vốn nhàn rỗi trong địa bàn của chi nhánh được nâng cao, duy trì giữ vững vị trí là một trong những ngân hàng huy động vốn hàng đầu của địa bàn thành phố Hải Phòng.

Tuy nhiên tình hình sử dụng vốn của chi nhánh trong thời gian qua vẫn chưa thực sự đạt hiệu quả cao, qui mô nguồn vốn sử dụng có xu hướng giảm đặc biệt trong năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu do sự khó khăn của nền kinh tế nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng, cũng với sự bất ổn về lãi suất trong những năm qua khiến cho hoạt động tín dụng của chi nhánh gặp không ít những bất cập.

Hoạt động sử dụng vốn gặp khó khăn dẫn đến hậu quả tất yếu là lợi nhuận của chi nhánh trong năm 2013 đã giảm mạnh rõ rệt. Con số “ Tổng thu – tổng chi” năm 2013 là - 17.1 tỷ đồng, là một kết quả đáng ngại với một chi nhánh ngân hàng có bề dày hoạt động trong địa bàn Hải Phòng. Trong thời gian tới, chi

nhánh cần có những kế hoạch, biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả tín dụng, thu được lợi nhuận cao hơn, củng cố, giữ vững lòng tin của khách hàng đối với chi nhánh.

2.2. Thực trạng huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương VN Chi nhánh Hải Phòng:

2.2.1. Tổng quan về nguồn vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng trong thời gian qua

Cũng như những ngân hàng khác, trong cơ cấu nguồn vốn của NHCTVN Chi nhánh Hải Phòng, thì nguồn vốn huy động từ bên ngoài vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất. Ngân hàng chủ yếu huy động vốn qua tiền gửi, trong trường hợp đặc biệt ngân hàng huy động vốn bằng cách đi vay của các tổ chức tín dụng khác để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Trong những năm qua hoạt động huy động vốn của Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng đã đạt được nhiều thành công xuất sắc. Nguồn vốn huy động của chi nhánh luôn dồi dào, năm nào cũng hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Để đạt được mục tiêu hoạt động kinh doanh, tối đa hóa giá trị tài sản chủ sở hữu, cũng như lợi nhuận, với các chỉ tiêu được xác định trên cơ sở nguồn thu nhập và chi phí, NHCTVN chi nhánh Hải Phòng đã khai thác triệt để, tối đa nguồn vốn huy động từ bên ngoài và không ngừng nâng cao hiệu suất sử dụng vốn nhằm tăng cường quy mô tài sản sinh lời. Điều này được thể hiện rõ qua sự biến động nguồn vốn của NHCTVN chi nhánh Hải Phòng trong thời gian qua:

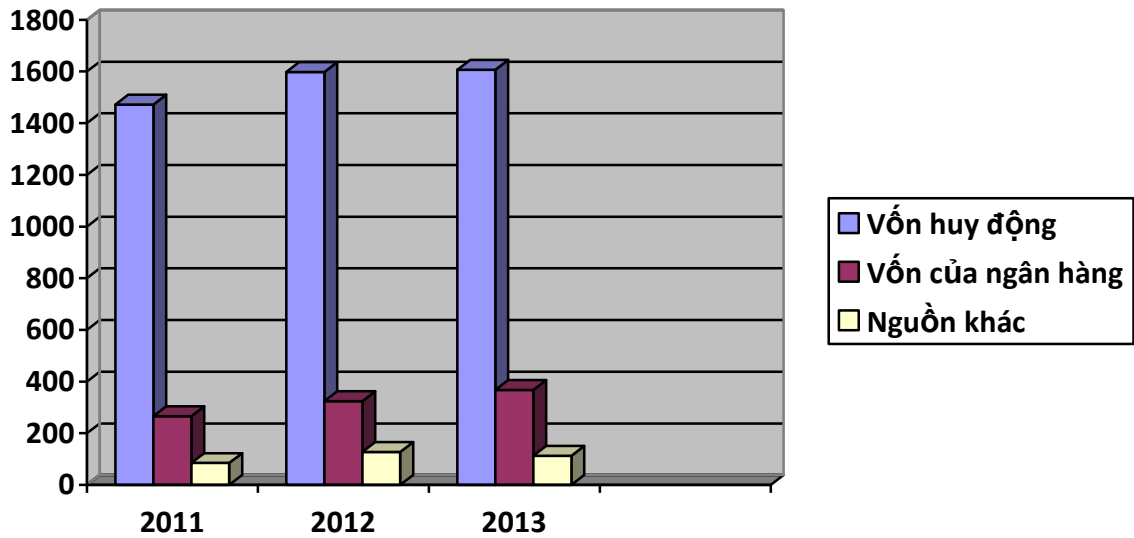
Bảng 2.3: Nguồn vốn tại Ngân hàng Công thương Chi nhánh Hải Phòng

(Đơn vị: tỷ đồng)

| Chỉ tiêu | Năm 2011 | | Năm 2012 | | Năm 2013 | |
|----------------------|-------------|------------|-------------|------------|-------------|------------|
| | Số dư | Tỷ trọng | Số dư | Tỷ trọng | Số dư | Tỷ trọng |
| 1. Vốn huy động | 1472 | 80.7 | 1598 | 80.0 | 1607 | 77.0 |
| 2. Vốn của ngân hàng | 266 | 14.6 | 324 | 15.8 | 368 | 17.6 |
| 3. Nguồn khác | 85 | 4.7 | 128 | 6.2 | 113 | 5.4 |
| Nguồn vốn | 1823 | 100 | 2050 | 100 | 2088 | 100 |

(Nguồn: Báo cáo thường niên NHCTVN Chi nhánh Hải Phòng)

Biểu đồ 2: Cơ cấu nguồn vốn năm 2013-2014



Theo bảng số liệu trên, trong cơ cấu nguồn vốn của Ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng thì vốn huy động có qui mô lớn nhất và chiếm tỷ trọng cao nhất. Năm 2012, thị trường tài chính có diễn biến căng thẳng, đặc biệt sự biến động lãi suất khiến các ngân hàng thương mại gặp nhiều khó khăn trong việc huy động vốn, nhiều ngân hàng nhỏ lẻ khốn khổ trong việc huy động vốn, lượng khách hàng mới đến gửi tiền hầu như không có. Mặc dù vậy, là một ngân hàng có uy tín và có kinh nghiệm hoạt động lâu năm trong lĩnh vực ngân hàng, do đó vốn huy động của ngân hàng trong năm 2012 vẫn có sự tăng trưởng rõ rệt: Năm 2012 vốn huy động của chi nhánh là 1598 tỷ đồng tăng 126 tỷ đồng so với năm 2011. Đến năm 2013, một năm đầy khó khăn với nền kinh tế nói chung và các ngân hàng thương mại nói riêng. Tuy nhiên nguồn vốn huy động của chi nhánh vẫn có sự tăng trưởng: năm 2013 vốn huy động của chi nhánh đạt 1607 tỷ đồng tăng 9 tỷ đồng so với năm 2012. Vốn của ngân hàng cũng tăng trưởng đều qua các năm, tuy nhiên vẫn chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong quy mô tổng nguồn vốn của ngân hàng, năm 2013 vốn của ngân hàng đạt 368 tỷ đồng chiếm 17.6 % tổng nguồn vốn

Trong cơ cấu vốn huy động, thì tiền gửi dân cư chiếm tỷ trọng cao nhất, sau đó đến tiền gửi từ các tổ chức kinh tế xã hội, rồi cuối cùng là vốn huy động từ các tổ chức tín dụng chiếm tỷ trọng nhỏ do chi nhánh đã đảm bảo được tính thanh khoản, thu hút vốn đạt hiệu quả cao từ dân cư và các tổ chức kinh tế xã hội. Trong cơ cấu nguồn vốn huy động, tiền gửi từ dân cư có xu hướng biến

động tương tự với tổng nguồn vốn huy động, còn nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế xã hội và các tổ chức tín dụng có sự tăng trưởng trong năm 2012 và giảm sút trong năm 2013.

Trên đây là tổng quan về nguồn vốn của Ngân hàng Công thương, để đạt được những kết quả như trên, Ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng trong thời gian qua đã áp dụng các biện pháp nhằm tăng cường công tác huy động vốn như sau:

2.2.1.1. Một số biện pháp nghiệp vụ đã áp dụng để tăng cường công tác huy động vốn tại Ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng thời gian qua

- Với kinh nghiệm lâu năm hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chi nhánh ngân hàng luôn biết cách chủ động thu hút khách hàng đến với chính sách huy động vốn của mình. Để đảm bảo thị phần huy động vốn của mình, chi nhánh đã thường xuyên nghiên cứu thị trường, nhu cầu khách hàng, đồng thời nắm bắt tình hình phát triển các dịch vụ huy động vốn trên thị trường. Từ đó ngân hàng đề xuất, bổ sung, đưa ra các sản phẩm dịch vụ có tính nổi trội, thu hút và giữ khách hàng, đa dạng hóa các loại hình sản phẩm, dịch vụ huy động vốn nâng cao khả năng cạnh tranh của mình đối với các ngân hàng khác trên thị trường. Các sản phẩm tiền gửi huy động được áp dụng với một mức lãi suất hợp lý, cạnh tranh, tạo được chênh lệch giữa lãi suất huy động và lãi suất cho vay. Đồng thời việc đa dạng hóa danh mục sản phẩm dịch vụ huy động vốn cũng giúp ngân hàng giảm thiểu những rủi ro, nguy cơ bị mất hoặc giảm thị phần, ngăn ngừa tình trạng khách hàng rút tiền gửi ra khỏi chi nhánh NHCT Hải Phòng sang gửi tiền vào NHTM khác trên địa bàn.

- Đối với khách hàng, NHCT chi nhánh Hải Phòng luôn tập trung tiếp thị sản phẩm, đặc biệt đối với những khách hàng tiềm năng. Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách khách hàng, mở rộng đối tượng khách hàng xem xét phân loại khách hàng để có những chính sách đặc biệt với những khách hàng có nguồn tiền gửi lớn.

- Bên cạnh đó, NHCT chi nhánh Hải Phòng cũng biết cách tận dụng các mối quan hệ với khách hàng, đặc biệt là các tổ chức kinh tế xã hội để tạo điều kiện hợp tác với các doanh nghiệp trong việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu. Cụ thể là chi nhánh đã triển khai, bắt tay với các doanh nghiệp phát hành trái phiếu và cổ phiếu doanh nghiệp để thực hiện nghiệp vụ tư vấn bảo lãnh phát hành.

Việc hợp tác này đã đem lại cho ngân hàng những nguồn lợi không nhỏ, đồng thời giúp duy trì mối quan hệ với những khách hàng tiềm năng.

- Cũng như những ngân hàng khác trong nền kinh tế, chi nhánh NHCT Hải Phòng đã phát triển các dịch vụ thanh toán hiện đại, liên kết với những nhà cung cấp dịch vụ (viễn thông, bảo hiểm...) để phát triển dịch vụ thu hộ. Qua các dịch vụ này, ngân hàng đã phát huy được lợi thế là ngân hàng có mạng lưới rộng, đẩy mạnh việc liên kết với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, bảo hiểm... nhằm phát triển các dịch vụ thu hộ cước phí, dịch vụ thanh toán định kì qua hệ thống NHCTVN. Khi đó, NHCT Hải Phòng không những duy trì được nguồn tiền gửi không kỳ hạn của các nhà cung cấp dịch vụ, mà còn tăng được nguồn tiền gửi không kỳ hạn của các khách hàng cá nhân mở tài khoản thanh toán để sử dụng dịch vụ thanh toán định kỳ.

- Các thủ tục hành chính trong công tác huy động vốn ngày càng được chi nhánh đơn giản hóa, tạo ra sự tiện lợi, nhanh chóng, giúp khách hàng cảm thấy thoải mái, và tiếp tục giữ mối quan hệ lâu dài với chi nhánh .

2.2.1.2. Một số biện pháp khác đã áp dụng để tăng cường công tác huy động vốn tại Ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng thời gian qua

- Chi nhánh đã từng bước hoàn thiện tác phong, lề lối làm việc, văn hóa giao dịch, quan tâm, chăm sóc khách hàng có số dư tiền gửi tại Chi nhánh, tích cực khai thác, tiếp thị khách hàng có nguồn tiền gửi lớn, nhằm tạo sự tăng trưởng ổn định các nguồn vốn huy động , góp phần hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh.

- Về công nghệ ngân hàng, thì thường xuyên được cập nhật, bổ sung, nâng cấp nhằm đáp ứng các nhu cầu của khách hàng, thị trường, giúp công tác huy động vốn diễn ra mau lẹ, hiệu quả.

- Hoạt động marketing của ngân hàng bắt đầu được quan tâm một cách cần thiết. Chi nhánh luôn quan tâm đến việc xây dựng hình ảnh của ngân hàng trong mắt khách hàng; luôn tìm tòi nghiên cứu thị trường, tìm hiểu các nhu cầu của khách hàng để tiếp cận, tiếp thị khách hàng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của mình. Hiện nay, ngân hàng đã và đang tổ chức công tác thông tin tuyên truyền, tạo hình ảnh tích cực và nổi bật của ngân hàng trên một số phương tiện thông tin đại chúng như: truyền hình, báo, tạp chí.....

- Chi nhánh đã có những chính sách tuyển dụng, đào tạo cán bộ chuyên nghiệp về kỹ năng nghiệp vụ, đáp ứng điều kiện hoạt động kinh doanh của Chi nhánh .

2.2.2. Thực trạng huy động vốn của Ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng

Công tác huy động vốn của chi nhánh NHCT Hải Phòng luôn luôn đạt được những kết quả đáng mong đợi trong những năm vừa qua. Như bao chi nhánh ngân hàng khác trên địa bàn, hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động thường xuyên được chi nhánh quan tâm, bồi dưỡng một cách sâu sắc. Hiện nay, chi nhánh đang là một trong những ngân hàng có nguồn vốn huy động lớn nhất trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong những năm qua. Sự tăng trưởng lớn về nguồn vốn đã khẳng định uy tín và vị thế của Ngân hàng trên thị trường tài chính. Ta có thể thấy rõ sự tăng trưởng trong huy động vốn của ngân hàng qua Bảng 2.1. Có thể nói trong điều kiện việc huy động vốn đang gặp rất nhiều bất cập, khó khăn, sự cạnh tranh lãi suất diễn ra quyết liệt, lãi suất huy động bị các ngân hàng đẩy tăng lên liên tục trong khi lãi suất cho vay không thể tăng lên với cùng tốc độ, thì đây là kết quả rất đáng hoan nghênh, khích lệ. Có được kết quả trên là vì ngay từ khi nguồn vốn còn dồi dào, dưới sự chỉ đạo của NHCTVN, chi nhánh đã xác định nhu cầu vốn đầu tư cho nền kinh tế là rất lớn, vốn không bao giờ thừa cho một địa bàn có nền kinh tế năng động như Hải Phòng, nên đã xác định một kế hoạch, chiến lược tăng trưởng vốn lâu dài.

Để hiểu rõ hơn về nguồn vốn huy động của chi nhánh NHCT Hải Phòng, ta sẽ phân tích nguồn vốn huy động của chi nhánh theo những góc độ sau:

2.2.2.1. Theo loại hình tiền gửi

Vì là một chi nhánh ngân hàng thương mại quốc doanh nên nguồn vốn huy động chủ yếu là vốn nội tệ. Vốn nội tệ chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu nguồn vốn huy động, là nguồn vốn chủ yếu mà ngân hàng sử dụng để cho vay, cung cấp vốn cho nền kinh tế, cho các doanh nghiệp tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh như mở rộng sản xuất, cải tiến máy móc, công nghệ để tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế và chất lượng sản phẩm cho xã hội. Cơ cấu huy động vốn theo loại tiền gửi được thể hiện trong bảng sau:

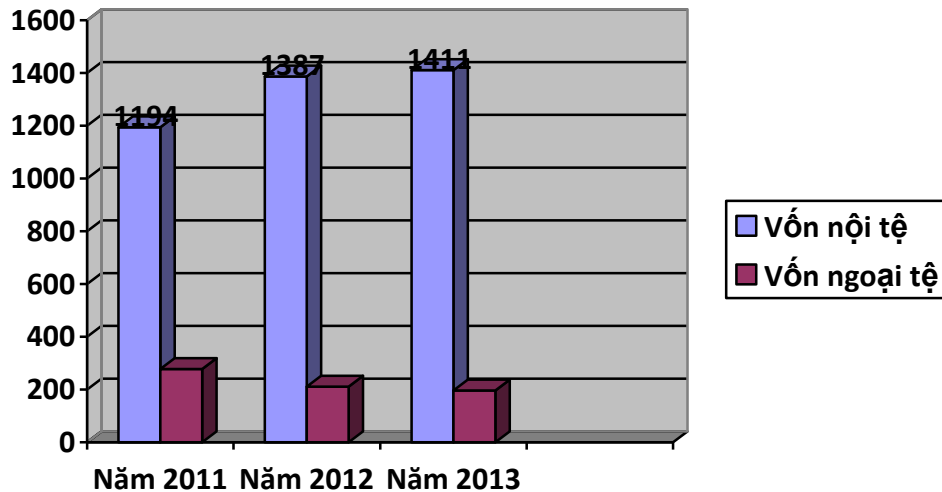
Bảng 2.4: Vốn VNĐ và ngoại tệ của NHCT chi nhánh Hải Phòng

(Đơn vị: tỷ đồng)

| Chỉ tiêu | Năm 2011 | | Năm 2012 | | Năm 2013 | |
|----------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| | Số dư | Tỷ trọng | Số dư | Tỷ trọng | Số dư | Tỷ trọng |
| Vốn VNĐ | 1194 | 81.11% | 1387 | 86.8% | 1411 | 87.8% |
| Vốn ngoại tệ | 278 | 18.89% | 211 | 13.2% | 196 | 12.2% |
| Tổng nguồn vốn | 1472 | 100% | 1598 | 100% | 1607 | 100% |

(Nguồn: Báo cáo hoạt động kinh doanh NHCT chi nhánh Hải Phòng)

Biểu đồ 3: Tốc độ tăng trưởng của vốn ngoại tệ và nội tệ năm 2011-2013



Qua bảng số liệu trên, ta thấy về quy mô, vốn VNĐ có sự tăng trưởng đều qua các năm, trong khi vốn ngoại tệ có sự tăng trưởng không đều. Cụ thể vốn VNĐ năm 2012 là 1387 tỷ đồng, tăng 193 tỷ đồng so với năm 2011, đến năm 2013 vốn VNĐ là 1411 tỷ đồng tăng 24 tỷ đồng so với năm 2012. Ngược lại, vốn ngoại tệ trong 3 năm này lại có xu hướng giảm dần. Cụ thể, vốn ngoại tệ năm 2012 là 211 tỷ đồng giảm so với năm 2011: 67 tỷ đồng, cao hơn so với năm 2013 :15 tỷ đồng.

Nguyên nhân của sự biến động không đều của ngoại tệ là do trong năm 2012 do đề hạn chế “đôla hóa” trong nền kinh tế và kiểm soát tăng trưởng tín dụng ngoại tệ ở mức hợp lý, góp phần ổn định thị trường ngoại hối, NHNN đã ban hành thông tư số 3/TT-NHNN ngày 08/3/2012 thu hẹp các trường hợp được vay vốn bằng ngoại tệ. Theo đó, khách hàng chỉ được vay ngoại tệ nếu có đủ nguồn thu ngoại

tệ từ hoạt động sản xuất kinh doanh để trả nợ vay, những trường hợp khác phải có sự chấp thuận bằng văn bản của NHNN. Đến năm 2013, thị trường tài chính có sự biến chuyển, sự ổn định của tỷ giá, cùng với chênh lệch lãi suất giữa tiền đồng và ngoại tệ ở mức cao, là yếu tố cơ bản để các ngân hàng thu hút nguồn vốn tiền gửi VND. Bên cạnh đó, việc giảm lãi vay ở khu vực tiền đồng đã kéo lãi vay hai đồng tiền này xích lại gần nhau, người vay không còn phải cân nhắc vay USD để tránh tiền đồng lãi suất cao.

Về tỷ trọng, tỷ trọng vốn VND trong cơ cấu nguồn vốn huy động tăng dần từ năm 2011-2013 và ngược lại tỷ trọng vốn ngoại tệ giảm dần từ năm 2011-2013 là do như đã giải thích trên.

Qua cơ cấu nguồn vốn huy động của chi nhánh, ta thấy nguồn vốn huy động ngoại tệ vẫn còn hạn chế: năm 2013 tỷ trọng vốn ngoại tệ chỉ chiếm 12.2% tổng vốn huy động. Trong những năm qua, nhằm đáp ứng, thực hiện tiến trình mở cửa và hội nhập nền kinh tế quốc tế của đất nước, ngân hàng đã chủ động mở rộng hoạt động, dịch vụ kinh doanh ngoại hối, kết quả là ngân hàng đã thu hút được một khối lượng vốn ngoại tệ tương đối lớn. Đó là do ngân hàng đã tích cực huy động thêm được từ nguồn tiền gửi của dân cư và mở rộng mối quan hệ với nhiều khách hàng mới, đã biết tận dụng lợi thế địa bàn hoạt động là thành phố cảng Hải Phòng, nơi chung chuyên nhiều hàng hóa xuất nhập khẩu quốc tế, ngân hàng đã gây dựng được mối quan hệ lâu dài với nhiều doanh nghiệp xuất nhập khẩu nên đã giúp ngân hàng dễ dàng huy động được vốn ngoại tệ thông qua việc hỗ trợ các doanh nghiệp này thanh toán. Nhìn chung, nguồn vốn ngoại tệ vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nguồn vốn huy động, đồng thời trong những năm gần đây có sự biến động không ổn định. Chính vì vậy, trong thời gian tới, chi nhánh cần tích cực tìm kiếm khai thác thêm các khách hàng. đặc biệt là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, người nước ngoài có nguồn ngoại tệ thanh toán nhằm tăng trưởng vốn ngoại tệ phục vụ cho nhu cầu tín dụng ngoại tệ và tạo thuận lợi cho việc kinh doanh của ngân hàng.

2.2.2.2. Theo kỳ hạn

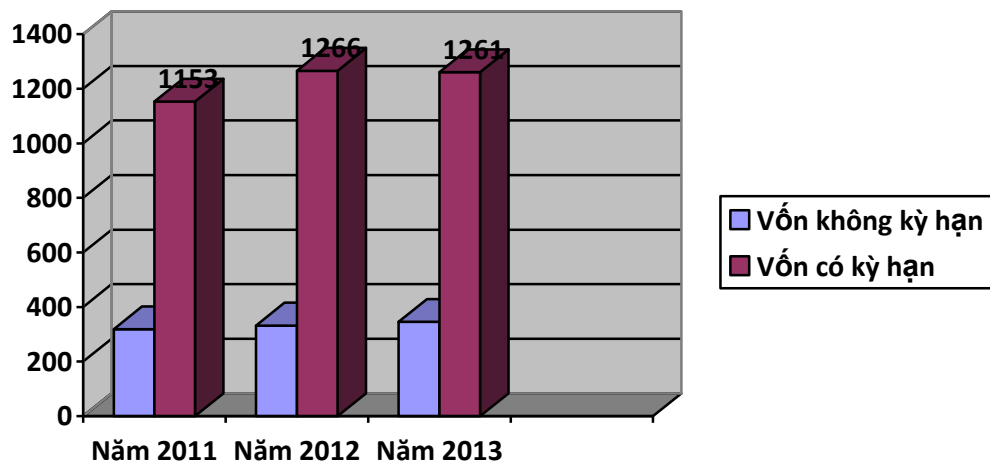
Bảng 2.5: Cơ cấu nguồn vốn theo kỳ hạn

(Đơn vị: tỷ đồng)

| Chỉ tiêu | Năm 2011 | | Năm 2012 | | Năm 2013 | |
|-------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| | Số dư | Tỷ trọng | Số dư | Tỷ trọng | Số dư | Tỷ trọng |
| Tổng nguồn vốn huy động | 1472 | 100 | 1598 | 100 | 1607 | 100 |
| Vốn không kỳ hạn | 319 | 21.7 | 332 | 20.8 | 346 | 21.5 |
| Vốn có kỳ hạn | 1153 | 78.3 | 1266 | 79.2 | 1261 | 78.5 |

(Nguồn: Báo cáo KQHĐKD NHCTVN chi nhánh Hải Phòng)

Biểu đồ 4: Tốc độ tăng trưởng của vốn không kỳ hạn và vốn có kỳ hạn năm 2011-2013



Cũng như các ngân hàng thương mại khác trong nền kinh tế, chi nhánh NHCT Hải Phòng đặc biệt chú ý huy động nguồn vốn có kỳ hạn bởi đây là nguồn vốn an toàn, ổn định, đảm bảo khả năng thanh khoản cho ngân hàng, do đó ngân hàng có thể sử dụng nguồn vốn này với nhiều mục đích như cấp tín dụng, đầu tư, tài trợ cho các dự án phát triển trung và dài hạn, hoặc cho vay với kì hạn dài, ..đem lại nguồn lợi lớn cho ngân hàng.

Qua bảng số liệu, ta thấy mục tiêu của ngân hàng thể hiện rõ trong cơ cấu vốn theo kỳ hạn. Nguồn vốn có kỳ hạn của ngân hàng luôn chiếm tỷ trọng cao

(xấp xỉ 80% tổng nguồn vốn huy động). Về qui mô, nguồn vốn huy động không kỳ hạn có sự tăng trưởng liên tục trong những năm gần đây, còn vốn có kỳ hạn thì tăng trong năm 2012 nhưng đến năm 2013 qui mô có xu hướng giảm. Cụ thể như sau: vốn không có kỳ hạn năm 2012 là 332 tỷ đồng, tăng 13 tỷ đồng so với năm 2011, đến năm 2013 vốn không kỳ hạn là 346 tỷ đồng, tăng 14 tỷ đồng so với năm 2012; vốn có kỳ hạn năm 2012 là 1266 tỷ đồng, tăng 113 tỷ đồng so với năm 2011, đến năm 2013 là 1261 tỷ đồng, giảm 5 tỷ đồng so với năm 2012.

Đứng trên góc độ chi nhánh, có thể nói chi nhánh NHCT Hải Phòng là một trong những chi nhánh ngân hàng hàng đầu trong việc quan hệ với các đối tượng khách hàng lớn. Đây không phải ngẫu nhiên, mà do kết quả của hoạt động kinh doanh chiến lược lâu dài của chi nhánh. Các khách hàng lớn như các tập đoàn, tổng công ty, tổ chức kinh tế có tiềm lực tài chính, quy mô làm ăn lớn. Ngoài ra chi nhánh còn có mối quan hệ với các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng rất nhiều. Những khách hàng tiềm năng này đã đóng góp rất lớn vào nguồn vốn huy động không kỳ hạn của chi nhánh. Nhìn vào bảng số liệu ta có thể thấy, vốn không có kỳ hạn tuy có tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu vốn huy động của ngân hàng, nhưng về quy mô liên tục tăng trong những năm gần đây. Nguồn huy động vốn không kỳ hạn chủ yếu từ dân cư và các tổ chức kinh tế - xã hội. Mục đích của việc huy động vốn không kỳ hạn không nhằm sinh lời mà chủ yếu là nhằm phục vụ nhu cầu thanh toán. Vốn không kỳ hạn của chi nhánh có sự chuyển biến tích cực trong những năm vừa qua, liên tục tăng về tỷ trọng trong cơ cấu tổng nguồn vốn huy động là do nguồn vốn này đã đóng góp rất quan trọng, cần thiết vào hiệu quả hoạt động kinh doanh của chi nhánh vì đây là nguồn có chi phí lãi thấp, ngân hàng gần như không mất chi phí huy động vốn, góp phần làm giảm lãi suất bình quân đầu vào, nguồn vốn tăng nhanh, an toàn và dồi dào, tạo điều kiện cho ngân hàng đa dạng hóa danh mục tài sản. Có như: cho vay tổ chức tín dụng khác, đầu tư trên thị trường tiền gửi, đầu tư khác... Tuy nhiên, do là nguồn vốn không kỳ hạn nên tần suất biến động của nguồn vốn này khá cao nhưng do chi nhánh là một ngân hàng uy tín, hoạt động lâu năm trong lĩnh vực ngân hàng nên đã duy trì được lượng khách hàng tương đối ổn định thì sự rút gửi thường xuyên không gây quá nhiều lo ngại về sự thanh khoản của ngân hàng. Mặt khác, chi nhánh cũng đã có những biện pháp tích cực để phòng ngừa loại rủi ro này, đó là luôn duy trì, đảm bảo khả năng thanh khoản.

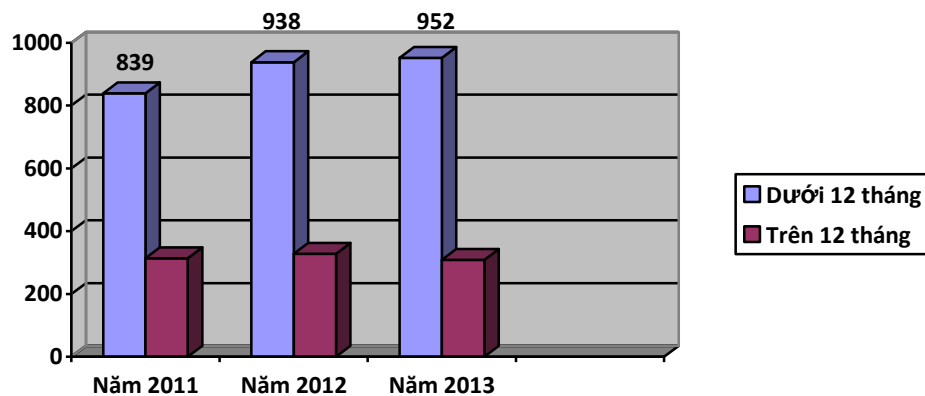
Bảng 2.6: Cơ cấu nguồn vốn có kỳ hạn

(Đơn vị: tỷ đồng)

| Chỉ tiêu | Năm 2011 | | Năm 2012 | | Năm 2013 | |
|---------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| | Số dư | Tỷ trọng | Số dư | Tỷ trọng | Số dư | Tỷ trọng |
| Nguồn vốn có kỳ hạn | 1153 | 100 % | 1266 | 100% | 1261 | 100% |
| Dưới 12 tháng | 839 | 72.8% | 938 | 74.1% | 952 | 75.5% |
| Trên 12 tháng | 314 | 27.2% | 328 | 25.9% | 309 | 24.5% |

(Nguồn: Báo cáo thường niên NHCTVN chi nhánh Hải Phòng)

Biểu đồ 5: Tốc độ tăng trưởng của Nguồn vốn ngắn hạn và dài hạn năm 2011-2013



Nguồn huy động vốn kỳ hạn chủ yếu của ngân hàng là tiền gửi của các tổ chức kinh tế xã hội và tiền gửi tiết kiệm của dân cư. Đây là nguồn vốn huy động chiếm tỷ trọng cao nhất và quan trọng bậc nhất trong cơ cấu vốn ngân hàng. Để huy động được nguồn vốn này, ngân hàng thường phải bỏ chi phí cao biểu hiện bằng lãi suất huy động vốn kỳ hạn. Lãi suất này cao hơn rất nhiều so với lãi suất tiền gửi thanh toán, nhưng bù lại nguồn vốn có tính ổn định cao, đồng thời ngân hàng có thể chủ động trong hoạt động kinh doanh, kế hoạch hóa việc sử dụng vốn một cách hợp lý, đem lại lợi nhuận cao cho ngân hàng.

Theo bảng số liệu trên, ta thấy nguồn vốn kỳ hạn dưới 12 tháng hay còn gọi là nguồn vốn huy động ngắn hạn có quy mô cũng như tỷ trọng tăng trưởng liên tục qua các năm. Cụ thể năm 2011 vốn kỳ hạn dưới 12 tháng có số dư là 839 tỷ đồng, đến năm 2012 tăng lên 938 tỷ đồng, và năm 2013 tăng lên 952 tỷ

đồng. Nguồn vốn này luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu nguồn vốn có kì hạn, năm 2013 vốn có kì hạn dưới 12 tháng chiếm 75.5% trong cơ cấu vốn huy động có kì hạn. Nguồn vốn này cũng có mức biến động cao, mặc dù vẫn ổn định hơn so với nguồn vốn huy động không kì hạn. Do trong những năm gần đây, lãi suất trên thị trường thường xuyên có sự điều chỉnh của Ngân hàng nhà nước nên để đảm bảo an toàn, lại thu được lợi nhuận, thì tiền gửi ngắn hạn được nhiều cá nhân trong nền kinh tế lựa chọn, khiến cho nguồn vốn này trong ngân hàng luôn chiếm tỷ trọng cao, liên tục. Chính vì vậy, đối tượng huy động chủ yếu của nguồn vốn này thường là từ dân cư, là các khách hàng có thu nhập ổn định, thường xuyên gửi tiền nhằm mục đích an toàn, sinh lợi. Việc nguồn vốn kì hạn ngắn luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nguồn vốn ngân hàng khiến cho chi nhánh gặp nhiều khó khăn trong việc quản trị nguồn vốn, khó bảo đảm cân đối kỳ hạn. Kỳ hạn huy động vốn bình quân có xu hướng rút ngắn trong khi kỳ hạn cho vay bình quân dài, tạo nguy cơ rủi ro kỳ hạn và lãi suất.

Để huy động được vốn ở bất kỳ kì hạn nào, lãi suất luôn là tiêu chí quan trọng hàng đầu để lựa chọn, cân nhắc. Mặc dù trong những năm gần đây, thường xuyên có sự điều chỉnh lãi suất thị trường từ phía ngân hàng nhà nước, nhưng chi nhánh NHCT Hải Phòng luôn có những giải pháp điều chỉnh lãi suất sao cho phù hợp với nhu cầu khách hàng, tổ chức nhiều chương trình ưu đãi, sáng tạo, quảng bá thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ mới nhằm thu hút thêm nhiều khách hàng.

Trong khi vốn huy động ngắn hạn luôn có sự tăng trưởng trong giai đoạn 2011 – 2013 thì nguồn vốn huy động có kì hạn > 12 tháng về quy mô lẫn tỷ trọng thì đều có sự giảm sút trong năm 2012 và 2013. Cụ thể là năm 2012 số dư nguồn vốn có kì hạn trên 12 tháng là 328 tỷ đồng tăng 7 tỷ đồng so với năm 2011, nhưng đến năm 2013 số dư lại giảm 19 tỷ đồng xuống còn 309 tỷ đồng. Nguồn huy động vốn trung và dài hạn này bao gồm tiền gửi tiết kiệm của dân cư, phát hành công cụ nợ, và tiền gửi trung, dài hạn của các tổ chức kinh tế xã hội, tuy nhiên khoản tiền gửi trung dài hạn của các tổ chức kinh tế xã hội thường rất thấp do nguồn vốn của các doanh nghiệp dành để kinh doanh chứ không đơn thuần là gửi ngân hàng lấy lãi. Nguyên nhân khiến nguồn vốn này liên tục giảm cả về tỷ trọng lẫn quy mô trong những năm qua là do mức lãi suất huy động của những khoản vốn này kém hấp dẫn hơn lãi suất huy động vốn có kì hạn dưới 12 tháng. Điều đáng nói ở đây là tỷ trọng vốn trung và dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng

thấp trong cơ cấu huy động vốn, đến năm 2013 nguồn vốn này chỉ chiếm 24.5 % tổng nguồn vốn huy động có kì hạn, như đã nói ở trên, điều này sẽ dẫn đến sự mất cân đối kỳ hạn vốn của ngân hàng, đó là một trong những nguyên nhân có thể khiến chi nhánh ngân hàng nếu không có một kế hoạch sử dụng vốn hợp lý sẽ có thể không đáp ứng được nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, do các doanh nghiệp này chủ yếu vay vốn trung và dài hạn để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh. Chính vì thế trong thời gian tới, ngân hàng cần có những giải pháp nhằm tăng cường huy động nguồn vốn này, từ đó sẽ giúp ngân hàng trước hết đảm bảo được khả năng thanh khoản, sau đó sẽ đem lại cho ngân hàng thêm nhiều cơ hội đầu tư sinh lời, chủ động hơn trong quá trình kinh doanh, đặc biệt là với những dự án đầu tư lớn, thời gian hoàn vốn lâu thì ngân hàng phải có kế hoạch huy động nguồn vốn kỳ hạn trên 12 tháng với lãi suất cao hơn nguồn có kỳ hạn dưới 12 tháng.

Như vậy, có thể thấy, lợi nhuận mà nguồn vốn trung và dài hạn đem lại là rất cao. Vì vậy chi nhánh cần có những chính sách, biện pháp, mở rộng thêm nhiều hình thức huy động nguồn vốn trung và dài hạn khác nhau như mở loại hình dự thưởng, khuyến mại với các sản phẩm tiền gửi trung và dài hạn, tiết kiệm bậc thang, phát hành kỳ phiếu dự thưởng...nhằm thúc đẩy tăng trưởng lượng vốn trung và dài hạn trong thời gian tới.

2.2.2.3. Theo nguồn huy động

Để đạt được kết quả tốt trong nghiệp vụ huy động vốn, thì việc xác định một cách đầy đủ, chính xác và trọng tâm các nguồn hình thành nên nguồn vốn huy động là vô cùng quan trọng, cần thiết, bởi vì nó có ảnh hưởng, liên quan đến hàng loạt các yếu tố, chính vì vậy nó ảnh hưởng đến nội dung của việc hoạch định chính sách huy động vốn và kế hoạch hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong thời gian tới. Một trong những thế mạnh của chi nhánh NHCT Hải Phòng là sự đa dạng về các kênh huy động vốn bao gồm: tiền gửi từ dân cư, tiền gửi từ tổ chức kinh tế xã hội, huy động vốn qua phát hành công cụ nợ, các nguồn đi vay, và nguồn khác. Việc xác định được những nguồn huy động vào là rất quan trọng, để từ đó chi nhánh sẽ có thể điều tiết được luồng tiền sao cho hợp lý, luôn duy trì, đảm bảo được tính thanh khoản của ngân hàng ở mức cao nhất. Cơ cấu nguồn vốn theo nguồn huy động được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 2.7: Cơ cấu nguồn vốn theo nguồn huy động

(Đơn vị: tỷ đồng)

| Chỉ tiêu | Năm 2011 | | Năm 2012 | | Năm 2013 | |
|------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| | Số dư | Tỷ trọng | Số dư | Tỷ trọng | Số dư | Tỷ trọng |
| Tổng nguồn vốn huy động | 1472 | 100% | 1598 | 100% | 1607 | 100% |
| Tiền gửi từ dân cư | 785 | 53.3% | 851 | 53.3% | 970 | 60.4% |
| Phát hành công cụ nợ | 32 | 2.2% | 41 | 2.6% | 38 | 2.4% |
| Tiền gửi từ tổ chức kinh tế xã hội | 458 | 31.1% | 488 | 30.5% | 416 | 25.9% |
| Nguồn đi vay | 147 | 10.0% | 152 | 9.5% | 103 | 6.4% |
| Nguồn khác | 50 | 3.4 | 68 | 4.3% | 80 | 5.0% |

(Nguồn : Báo cáo thường niên NHCTVN chi nhánh Hải Phòng)

Vốn huy động từ dân cư là nguồn huy động quan trọng, chủ yếu, thường xuyên đối với chi nhánh, tỷ trọng của nguồn vốn này luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu vốn huy động của chi nhánh (luôn chiếm trên 50% tổng nguồn vốn huy động). Qua bảng số liệu trên ta thấy nguồn vốn huy động từ dân cư tương đối ổn định và luôn có sự tăng trưởng về quy mô, đồng thời về tỷ trọng cũng có xu hướng tăng dần trong những năm vừa qua. Cụ thể là năm 2011 số dư vốn huy động từ dân cư là 785 tỷ đồng, năm 2012 số dư tăng 66 tỷ đồng lên 851 tỷ đồng, đến năm 2013 số dư là 970 tỷ đồng tăng 119 tỷ đồng so với năm 2012. Việc qui mô huy động vốn từ dân cư liên tục tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây chứng tỏ chi nhánh ngày càng khẳng định được vị thế, uy tín của mình trên thị trường, ngày càng có nhiều người dân tin nhiệm, và gửi tiền vào ngân hàng.

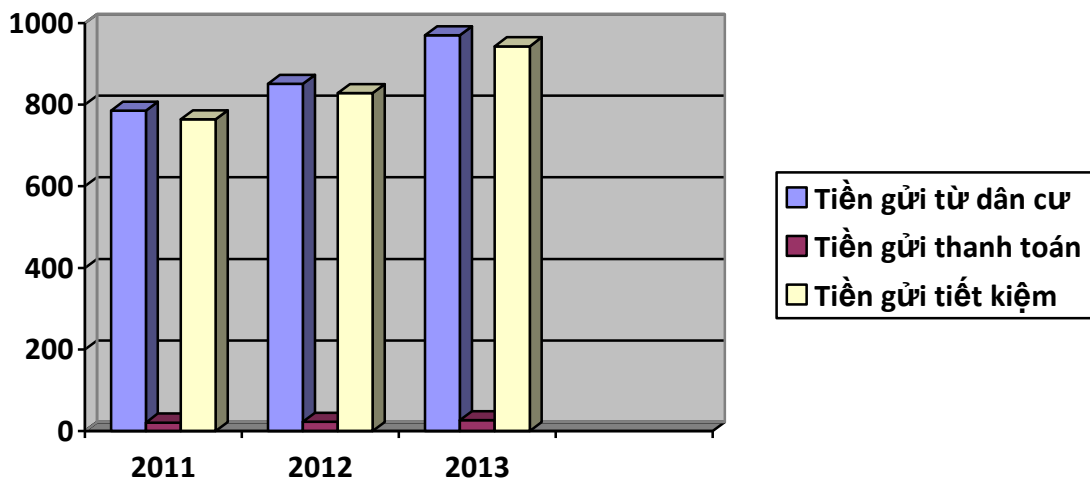
Bảng 2.8: Cơ cấu tiền gửi từ dân cư

(Đơn vị: tỷ đồng)

| Chỉ tiêu | Năm 2011 | | Năm 2012 | | Năm 2013 | |
|---------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| | Số dư | Tỷ trọng | Số dư | Tỷ trọng | Số dư | Tỷ trọng |
| Tiền gửi từ dân cư | 785 | 100 | 851 | 100 | 970 | 100 |
| Tiền gửi thanh toán | 21 | 2.7 | 23 | 2.7 | 27 | 2.8 |
| Tiền gửi tiết kiệm | 764 | 97.3 | 828 | 97.3 | 943 | 97.2 |

(Nguồn: Phòng Khách hàng cá nhân NHCTVN chi nhánh Hải Phòng)

Biểu đồ 6: Tốc độ tăng trưởng từ tiền gửi của dân cư năm 2011-2013



Trong cơ cấu tiền gửi từ dân cư bao gồm có tiền gửi thanh toán và tiền gửi tiết kiệm. Tiền gửi thanh toán thường chiếm tỷ trọng thấp và khá ổn định, không có nhiều biến động. Năm 2013 tiền gửi thanh toán chỉ chiếm khoảng 2.8% tiền gửi từ dân cư của chi nhánh. Nguồn tiền gửi thanh toán chủ yếu là huy động thông qua dịch vụ phát hành thẻ ATM cho các cá nhân có nhu cầu thanh toán không dùng tiền mặt hoặc khách hàng gửi vào tài khoản thẻ ATM một số tiền nhỏ rồi rút dần dần nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu. Nguồn tiền gửi thanh toán còn huy động thông qua các khách hàng mở tài khoản tiền gửi ngoại tệ để nhận tiền từ người thân ở nước ngoài gửi về. Trong cơ cấu tiền gửi từ dân cư, tiền gửi tiết kiệm chiếm tỷ trọng cao nhất, trong những năm qua tỷ trọng nguồn tiền này đều chiếm trên 97 % vốn dân cư của chi nhánh. Vì độ an toàn, tính ổn định của

nguồn tiền tiết kiệm từ dân cư này rất cao nên trong những năm qua, ngân hàng đã liên tục đưa ra các chính sách gia tăng lãi suất tiền gửi tiết kiệm và quảng cáo, đa dạng hóa các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm dưới nhiều hình thức phong phú, đồng thời tổ chức nhiều chương trình tiết kiệm dự thưởng nhằm khuyến khích dân cư gửi tiền vào ngân hàng. Các sản phẩm tiết kiệm mới, nhiều ưu đãi có thể kể đến như: tiết kiệm gửi góp, tiết kiệm bậc thang...

Nguồn huy động vốn lớn thứ hai sau tiền gửi từ dân cư là tiền gửi từ các tổ chức kinh tế. Trong năm 2012 nguồn vốn này vẫn có sự tăng trưởng về quy mô, cụ thể là năm 2012 số dư tiền gửi từ các tổ chức kinh tế là 488 tỷ đồng tăng 30 tỷ đồng so với năm 2011. Tuy nhiên đến 2013, nguồn huy động này lại giảm mạnh, cụ thể năm 2013 số dư là 416 tỷ đồng, giảm 72 tỷ đồng so với năm 2012. Về tỷ trọng của tiền gửi của các tổ chức kinh tế xã hội trong cơ cấu nguồn vốn huy động thì liên tục giảm trong giai đoạn 2011- 2013. Nguyên nhân chủ yếu là do tình hình khó khăn chung của nền kinh tế trong năm 2011 và 2012 khiến cho nhiều doanh nghiệp thiếu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nên huy động vốn từ các tổ chức kinh tế xã hội trong giai đoạn này gặp nhiều bất cập, chi nhánh chủ yếu huy động vốn dựa trên những khách hàng tiềm năng có quan hệ lâu dài.

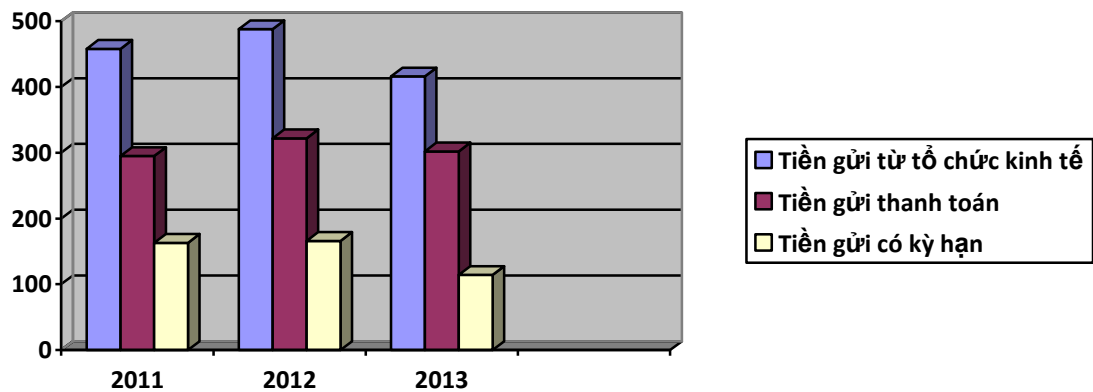
Bảng 2.9: Cơ cấu tiền gửi từ tổ chức kinh tế xã hội

(Đơn vị : tỷ đồng)

| Chỉ tiêu | Năm 2011 | | Năm 2012 | | Năm 2013 | |
|------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| | Số dư | Tỷ trọng | Số dư | Tỷ trọng | Số dư | Tỷ trọng |
| Tiền gửi từ tổ chức kinh tế xã hội | 458 | 100% | 488 | 100% | 416 | 100% |
| Tiền gửi thanh toán | 295 | 64.4% | 322 | 66.0% | 302 | 72.6% |
| Tiền gửi có kì hạn | 163 | 35.6% | 166 | 34.0% | 114 | 27.4% |

(Nguồn: Phòng Khách hàng doanh nghiệp NHCTVN chi nhánh Hải Phòng)

Biểu đồ 7: Tốc độ tăng trưởng của tiền gửi từ tổ chức kinh tế xã hội năm 2011-2013



Qua bảng số liệu trên, ta thấy trong cơ cấu tiền gửi từ tổ chức kinh tế xã hội thì tiền gửi thanh toán chiếm tỷ trọng cao nhất, luôn trên 64% tổng tiền gửi từ tổ chức kinh tế xã hội, đồng thời tỷ trọng nguồn vốn này luôn tăng qua các năm qua, để năm 2013 tỷ trọng là 72.6%. Nguyên nhân nguồn tiền gửi thanh toán luôn chiếm tỷ trọng cao là do để tiết kiệm thời gian và chi phí trong thanh toán, các doanh nghiệp dù lớn hay nhỏ hầu hết đều có tài khoản mở tại ngân hàng nhằm đảm bảo nhu cầu thanh toán khi cần thiết. Do tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp là khác nhau nên chu kỳ thanh toán của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội cũng không giống nhau. Chính vì thế, khi xác định được những chu kỳ này, ngân hàng luôn có thể sử dụng các khoản tiền gửi nhàn rỗi để thực hiện cấp tín dụng, cho vay, đầu tư, tài trợ vào các dự án bởi vì trong quá trình lưu chuyển vốn của ngân hàng thường có sự chênh lệch giữa các khoản tiền gửi vào và rút ra của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nguồn tiền gửi có kì hạn luôn chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu tiền gửi từ tổ chức kinh tế xã hội là do mục đích chính của các doanh nghiệp là sử dụng vốn để hoạt động sản xuất, kinh doanh chứ không dùng để gửi ngân hàng lấy lãi, đồng thời mặc lãi suất huy động nguồn tiền gửi kì hạn cũng khá cao nhưng cũng không đủ để hấp dẫn doanh nghiệp gửi tiền. Tuy nhiên đối với các doanh nghiệp có một chu kì kinh doanh, thanh toán ổn định thì có thể gửi tiền nhàn rỗi với kì hạn ngắn ở ngân hàng nhằm sinh lời. Vì vậy trong cơ cấu tiền gửi kì hạn của các tổ chức kinh tế xã hội thì chủ yếu là nguồn tiền gửi có kì hạn ngắn.

Nguồn huy động vốn tiếp theo là nguồn đi vay. Huy động vốn qua đi vay thường từ các tổ chức tín dụng và từ Ngân hàng Nhà nước. Trong giai đoạn 2011-2013, nguồn vốn đi vay của chi nhánh luôn chiếm tỷ trọng thấp và liên tục giảm, cụ thể đến năm 2013 nguồn huy động từ đi vay của chi nhánh về quy mô chỉ đạt 103 tỷ đồng chiếm 6.4 % tổng nguồn vốn huy động. Nguyên nhân nguồn vốn này có xu hướng liên tục giảm trong những năm gần đây mặc dù chi nhánh có những mối quan hệ thân tín với nhiều ngân hàng, tổ chức tín dụng khác trên địa bàn, là do trong những năm qua chi nhánh đã đạt được nhiều thành công trong huy động vốn từ dân cư và các tổ chức kinh tế xã hội, vì vậy nguồn vốn luôn ở trạng thái dồi dào, đủ khả năng đáp ứng nhu cầu vay vốn của các tác nhân trong địa bàn, đồng thời chi phí của việc huy động vốn vay cũng tương đối cao, dẫn đến nguồn vốn đi vay cũng dần giảm bớt.

Việc phát hành công cụ nợ cũng là một hình thức huy động vốn hết sức quan trọng đối với chi nhánh. Phát hành công cụ nợ là chủ yếu phát hành các giấy tờ có giá như trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi. Phát hành các công cụ nợ không chỉ đem lại cho chi nhánh một nguồn đáng kể có tính ổn định cao mà chi phí cũng thấp hơn hẳn so với việc phải đi vay từ các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên việc phát hành các công cụ nợ của chi nhánh trong những năm qua vẫn chưa được quan tâm đúng mức, bằng chứng là nguồn vốn huy động từ nguồn này vẫn có quy mô và tỷ trọng thấp, cụ thể năm 2013 số dư phát hành công cụ nợ đạt 38 tỷ đồng chiếm 2.4 % tổng nguồn vốn huy động. So với tiềm năng và vị thế của chi nhánh trên địa bàn thành phố Hải Phòng thì con số này vẫn còn rất khiêm tốn.

Nguồn huy động khác của chi nhánh hiện nay là nguồn vốn ủy thác. Nguồn vốn ủy thác là một trong những nguồn huy động đang ngày càng khẳng định được vai trò và liên tục gia tăng khi Ngân hàng hoạt động trong một nền kinh tế hiện đại. Chi nhánh NHCT Hải Phòng hiện nay là một trong những chi nhánh có tình hình hoạt động kinh doanh hiệu quả nhất trong hệ thống NHCT Việt Nam. Tại chi nhánh, với các hình thức dịch vụ có chất lượng cao, có nhiều hướng đầu tư có hiệu quả, nên có nhiều các chi nhánh khác, Ngân hàng khác chuyển vốn ủy thác đầu tư đến. Ngân hàng trở thành một địa chỉ quen thuộc không chỉ đối với khách hàng mà còn đối với cả các chi nhánh khác. Điều này thể hiện ở nguồn vốn ủy thác qua các năm của Ngân Hàng liên tục tăng, cụ thể năm 2012 nguồn vốn ủy thác là 68 tỷ đồng tăng 18 tỷ so với năm 2011, đến năm

2013 là 80 tỷ đồng tăng 12 tỷ so với năm 2012. Tuy nguồn vốn này vẫn chiếm tỷ trọng rất nhỏ (năm 2013 chiếm 5% tổng nguồn vốn huy động), nhưng về quy mô liên tục tăng trưởng. Trong thời gian tới, chi nhánh cần có những giải pháp phát triển nguồn vốn tiềm năng này.

Như vậy có thể thấy nguồn vốn huy động của chi nhánh NHCT Hải Phòng được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, có cơ cấu đa dạng và không ngừng tăng trưởng. Điều này đã cho thấy được chi nhánh đã có những chính sách và biện pháp hiệu quả trong việc huy động vốn của mình. Việc xác định cơ cấu nguồn vốn huy động của ngân hàng là rất quan trọng, nó vừa giúp chi nhánh ổn định hoạt động của mình, xây dựng được chính xác chiến lược phát triển lâu dài, đặc biệt là xác định được đúng đối tượng khách hàng, từ đó có những chính sách hợp lý, tạo điều kiện để nâng cao hoạt động kinh doanh, cũng như việc hoạch định chính sách huy động vốn sao cho có hiệu quả.

2.3. Sự cân đối giữa cơ cấu huy động vốn và sử dụng vốn của NHTM CP Công thương chi nhánh Hải Phòng.

Như ta đã biết, hoạt động chính của ngân hàng là huy động vốn để sử dụng nhằm thu lợi nhuận. Ngân hàng sẽ tìm cách chuyển hoá nguồn vốn - tiền gửi, tiền vay, vốn của chủ thành các loại tài sản như ngân quỹ, tín dụng, chứng khoán, các tài sản khác theo một phương thức thích hợp, nhằm đạt được lợi nhuận cao nhất.

Nếu ngân hàng huy động vốn nhiều mà sử dụng ít sẽ dẫn tới sự dư thừa, ứ đọng vốn. Ngược lại, nếu ngân hàng sử dụng vốn vượt quá khả năng huy động thì sẽ dẫn tới nguy cơ xảy ra rủi ro thanh khoản. Bởi vậy, sự phù hợp giữa cơ cấu huy động và sử dụng vốn là một yếu tố rất quan trọng trong công tác huy động vốn của ngân hàng. Để phân tích sự phù hợp giữa cơ cấu huy động và sử dụng vốn của ngân hàng thì trước hết ta cần xem xét mối quan hệ giữa tổng vốn huy động với tổng doanh số cho vay.

- ***Sử dụng vốn:***

Hoạt động cho vay là một hoạt động quan trọng đối với ngân hàng, tạo đối trọng cho các hoạt động khác, cho vay hiệu quả và hợp lý mới có thể duy trì tốt các hoạt động của ngân hàng. Bằng nguyên tắc thận trọng nhưng cũng không để mất đi cơ hội đầu tư, chi nhánh luôn cố gắng trong công tác thẩm định và sử dụng nguồn vốn một cách hợp lý, tổng khối lượng cho vay luôn tăng trưởng tốt, năm sau cao hơn năm trước, thể hiện sự tiến bộ của cán bộ ngân hàng trong hoạt

động tiếp thị, quảng cáo các dịch vụ của ngân hàng ngày càng chuyên nghiệp. Điều đó được thể hiện rõ qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.10: Tình hình sử dụng vốn

(Đơn vị: Tỷ đồng)

| Chỉ tiêu | 2011 | 2012 | 2013 | So sánh 2012/2011 | | So sánh 2013/2012 | |
|------------|------|------|------|----------------------|------|----------------------|-------|
| | | | | +/- | % | +/- | % |
| Tổng dư nợ | 1724 | 1993 | 1467 | 269 | 15.6 | -526 | -26.4 |
| Nợ xấu | 30 | 18 | 13 | -12 | -40 | -5 | -27.7 |

(Nguồn: Báo cáo KQHĐKD NHCT Chi nhánh Hải Phòng)

Qua bảng 2.2 trên ta nhận thấy:

- Tổng dư nợ của chi nhánh ngân hàng năm 2012 là 1993 tỷ đồng tăng 269 tỷ so với năm 2011 với tỷ lệ tăng 15.6%. Năm 2013 tổng dư nợ là 1467 tỷ đồng giảm 526 tỷ đồng so với năm 2012

- Nợ xấu năm 2012: 18 tỷ đồng, giảm 12 tỷ đồng, tỷ lệ giảm 40,0 % so với năm 2011; chiếm 0,9% tổng dư nợ. Nợ xấu năm 2013: 13 tỷ đồng, tỷ lệ giảm 27.7 % so với năm 2012; chiếm 0,88% tổng dư nợ.

⇒ Điều này thể hiện sự nỗ lực của CBTD trong việc thu nợ cũng như tìm ra giải pháp nhằm tránh chuyển dư nợ trong hạn sang nợ quá hạn thông qua công tác thẩm định, thay đổi món cho vay, lựa chọn khách hàng đã giảm được nợ quá hạn.

Bảng 2.11. Tổng dư nợ/tổng vốn huy động

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 |
|------------------------------|----------|----------|----------|
| Tổng dư nợ | 1724 | 1993 | 1467 |
| Tổng vốn huy động | 1472 | 1598 | 1607 |
| Tổng dư nợ/tổng vốn huy động | 1,17 | 1,25 | 0,91 |

(Nguồn: Báo cáo KQHĐKD NHCT Chi nhánh Hải Phòng)

Ta thấy rằng chi nhánh ngân hàng Công thương Hải Phòng, vào năm 2011, cứ 1,17 đồng dư nợ thì có sự đóng góp của một đồng vốn huy động. sang

tới năm 2012, tỷ lệ này tăng lên, cứ 1,25 đồng dư nợ thì có một đồng vốn huy động.

Nhận xét: Qua hai năm trên, ta thấy số dư nợ đã vượt quá số vốn huy động, như vậy, nhu cầu sử dụng vốn cho sản xuất và tiêu dùng tăng đáng kể, đồng thời, nguồn vốn huy động của ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng chưa đủ để thỏa mãn nhu cầu sử dụng vốn, nhằm đạt lợi nhuận cao. Sang năm 2013, tỷ lệ này có phần giảm đi so với 2 năm trước, đây là tín hiệu đáng mừng bởi NH đã chủ động hơn trong việc quản lý và sử dụng vốn của mình. Tuy nhiên, bên cạnh việc đầu tư cho hoạt động tín dụng, thì ngân hàng cần chú trọng đa dạng hóa các hình thức huy động vốn nhằm đạt được số vốn huy động nhiều hơn nữa, nhằm đem lại lợi nhuận cao cho chi nhánh.

Bảng 2.12. Huy động và sử dụng vốn ngắn, dài hạn

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 |
|----------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Vốn huy động ngắn hạn | 839 | 938 | 952 |
| Cho vay ngắn hạn | 1035 | 1127 | 880 |
| Vốn huy động trung dài hạn | 314 | 328 | 309 |
| Cho vay trung và dài hạn | 700 | 889 | 599 |

(Nguồn: Phòng Khách hàng doanh nghiệp NHCTVN chi nhánh Hải Phòng)

Nhìn chung, ta thấy, trong ba năm, ngân hàng tập chung cho vay ngắn hạn, chiếm khoảng 60% dư nợ cho vay, phù hợp với cơ cấu huy động vốn của chi nhánh. Tuy nhiên, cơ cấu huy động vốn và cho vay của ngân hàng vẫn chưa được hợp lý, ngân hàng thiếu vốn trong cả ngắn hạn và dài hạn, huy động không đáp ứng được nhu cầu cho vay, chi phí gia tăng nhiều, do phải sử dụng vốn đi vay và vốn điều chuyển từ hội sở chính. Để khắc phục điều này, chi nhánh cần phải đẩy mạnh các biện pháp huy động vốn hiệu quả hơn.

2.4. Đánh giá hiệu quả công tác huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Hải Phòng

2.4.1. Đánh giá theo các chỉ tiêu

Công tác huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Hải Phòng được đánh giá theo một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

- *Nguồn vốn tăng trưởng hàng năm:* Tại chi nhánh, nguồn vốn huy động trong 3 năm qua đã tăng lên rất nhiều so với giai đoạn trước.. Đây là thành quả đạt được rất khả quan của Chi nhánh trong tình hình kinh tế có nhiều khó khăn trong năm

2013. Chi nhánh Hải Phòng đã đẩy mạnh hoạt động huy động vốn, tạo điều kiện tăng nguồn vốn kinh doanh, doanh số cho vay và lợi nhuận đạt được luôn ở mức cao.

- *Nguồn vốn có khả năng đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh của NHTM:* Việc quan tâm đến công tác sử dụng vốn cũng quan trọng như công tác huy động vốn trong một ngân hàng. Vấn đề đặt ra là nguồn vốn huy động tại Chi nhánh đã đáp ứng được phần lớn nhu cầu tín dụng, thanh toán của Chi nhánh.

- *Chi phí huy động vốn:* Đây là chỉ tiêu mà các ngân hàng luôn quan tâm. Khi huy động được nhiều vốn với chi phí thấp thì hiệu quả công tác huy động vốn càng được nâng cao.

+ Lãi suất huy động vốn của NHTMCP Công thương Hải Phòng tháng 3/2014:

| Kỳ hạn | Lãi suất huy động (%/năm) | | | | | |
|-------------------------------|---------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|
| | VND | | USD | | EUR | |
| | Cá nhân | Tổ chức | Cá nhân | Tổ chức | Cá nhân | Tổ chức |
| Không kỳ hạn | 1,20 | | 0,10 | 0,10 | 0,10 | 0,10 |
| Dưới 1 tháng | 1,20 | 1,20 | 1,00 | 0,25 | | |
| 1 tháng | 5,50 | 5,50 | 2,00 | 0,50 | 1,00 | 1,00 |
| Trên 1 tháng đến 2 tháng | 6,00 | 6,00 | 2,00 | 0,50 | 1,00 | 1,00 |
| Trên 2 tháng đến dưới 3 tháng | 6,50 | 6,00 | 2,00 | 0,50 | 1,00 | 1,00 |
| Từ 3 tháng đến 6 tháng | 6,50 | 6,50 | 2,00 | 0,50 | 1,00 | 1,00 |
| Trên 6 tháng đến dưới 9 tháng | 7,00 | 7,00 | 2,00 | 0,50 | 1,00 | 1,00 |
| Từ 9 tháng đến dưới 12 tháng | 7,00 | 7,00 | 2,00 | 0,50 | 1,50 | 1,50 |
| Từ 12 tháng đến 13 tháng | 8,00 | 7,50 | 2,00 | 0,50 | 1,50 | 1,50 |
| Trên 13 tháng đến 18 tháng | 8,00 | 8,00 | 2,00 | 0,50 | 1,50 | 1,50 |
| Trên 18 tháng đến 24 tháng | 8,00 | 8,00 | 2,00 | 0,50 | 1,50 | 1,50 |
| Trên 24 tháng đến 36 tháng | 8,00 | 8,00 | 2,00 | 0,50 | 1,50 | 1,50 |
| Trên 36 tháng | 8,00 | 8,00 | 2,00 | 0,50 | 1,50 | 1,50 |

(Nguồn: Báo cáo KQHĐKD của NHCT chi nhánh Hải Phòng)

Từ bảng lãi suất huy động vốn ,ta thấy lãi suất của chi nhánh NHCT Hải Phòng đa dạng ,linh hoạt về kỳ hạn,áp dụng cho từng loại tiền và tương đối hợp lý đối với nhu cầu của người dân trên địa bàn.Đây có thể coi là một yếu tố đẩy nhanh mức độ tăng trưởng của nguồn vốn huy động của ngân hàng.

+ Chi phí huy động/Tổng vốn huy động

Bảng 2.13. Chi phí huy động vốn/tổng vốn huy động

Đơn vị: Tỷ đồng.

| Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Tổng vốn huy động | 1472 | 1598 | 1607 |
| Chi phí trả lãi | 148.5 | 156.2 | 167.9 |
| Chi phí phi trả lãi | 50.8 | 52 | 53.5 |
| Chi phí huy động/tổng vốn huy động | 13,5% | 13,02% | 13,78% |

(Nguồn: Báo cáo KQHĐKD NHCT Chi nhánh Hải Phòng)

Tỷ lệ giữa chi phí huy động và tổng nguồn vốn huy động giai đoạn 2011-2013 có sự thay đổi mặc dù không quá chênh lệch, điều này là do sự biến động của tổng nguồn vốn huy động, sự biến động không đều của các thành phần vốn trong tổng nguồn vốn huy động được của Chi nhánh và lãi suất huy động áp dụng cho từng thời kỳ.

Bên cạnh đó,việc xác định chi phí trả lãi là một điều cần thiết, giúp ngân hàng có các chiến lược và kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn, giúp ngân hàng huy động được nhiều vốn hơn với chi phí huy động vốn thấp nhất.Đồng thời giảm các chi phí phi trả lãi cũng sẽ làm cho hiệu quả của hoạt động huy động vốn của ngân hàng có hiệu quả hơn.

+Chênh lệch thu chi lãi /chi phí trả lãi của ngân hàng

Bảng 2.14: Chênh lệch thu chi lãi/chi phí trả lãi của ngân hàng

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 |
|--|-----------------|-----------------|-----------------|
| Chênh lệch thu chi lãi=Thu lãi-Chi lãi | 96,1 | 85,1 | 41,6 |
| Chi phí trả lãi | 148,5 | 156,2 | 167,9 |
| Chênh lệch thu chi lãi/chi phí trả lãi của ngân hàng | 64,7% | 54,48% | 24,78% |

(Nguồn: Báo cáo KQHĐKD NHCT Chi nhánh Hải Phòng)

Ta thấy, năm 2011, chỉ tiêu này cho thấy một đồng chi phí ngân hàng bỏ ra để huy động vốn sẽ thu được 64,7 đồng lợi nhuận từ đồng vốn đó. Tuy nhiên tỷ lệ này giảm dần trong năm 2012 và đặc biệt là năm 2013 là do chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và khủng hoảng nợ công Châu Âu, nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành ngân hàng nói riêng cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. VietinBank Hải Phòng cũng chịu ảnh hưởng của những tác động này khiến cho lợi nhuận và tổng thu nhập của ngân hàng trong 3 năm gần đây có xu hướng giảm. Đồng thời, Ngân hàng cũng đã cố gắng thực hiện chính sách cắt giảm chi phí theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước trong điều kiện nền kinh tế vẫn khó khăn. Như vậy, để có thể sử dụng hiệu quả đồng vốn huy động của mình, NH cần phải có những biện pháp để tối thiểu hóa chi phí huy động cho đồng vốn đó.

2.4.2. Đánh giá chung

Trong giai đoạn 2011 – 2013, hoạt động huy động vốn ngân hàng NHCT VN chi nhánh Hải Phòng đã đạt được nhiều kết quả nổi bật:

Thứ nhất, nguồn vốn huy động được luôn có sự tăng trưởng về quy mô cũng như luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nguồn vốn ngân hàng. Trong những năm vừa qua, chi nhánh NHCT Hải Phòng luôn tìm tòi, nghiên cứu tìm ra những giải pháp để gia tăng nguồn huy động vốn như đa dạng hóa sản phẩm tiền gửi với những kì hạn và hình thức trả lãi khác nhau đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng, mở rộng các hình thức huy động tiết kiệm, tích cực tổ chức phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi.....Không chỉ thế chi nhánh luôn

có dự trù một kế hoạch huy động vốn chi tiết, chu đáo cũng như kế hoạch quản lý nguồn vốn huy động một cách tỉ mỉ, cẩn thận khiến cho lượng vốn huy động vốn không ngừng tăng, trở thành một trong những chi nhánh ngân hàng thu hút vốn lớn nhất trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Thứ hai, về cơ cấu của nguồn vốn huy động, tiền gửi từ dân cư và các tổ chức kinh tế xã hội là luôn là hai nguồn huy động chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu nguồn vốn huy động trong những năm qua của chi nhánh. Đặc biệt nguồn huy động từ dân cư tăng mạnh trong thời gian qua, chứng tỏ chi nhánh ngày càng được sự tín nhiệm, tin tưởng của người dân thành phố Hải Phòng. Đây là hai nguồn quan trọng, an toàn, giúp ngân hàng dễ dàng hoạch định các hoạt động kinh doanh, đầu tư vào các dự án lớn có kì hạn dài, thu được nguồn lợi nhuận lớn.

2.4.2.1. Những tồn tại

Bên cạnh những kết quả tích cực mà hoạt động huy động vốn của chi nhánh NHCT Hải Phòng đã đạt được trong thời gian qua, vẫn còn tồn tại những vấn đề bất cập như sau:

Mặc dù về quy mô nguồn vốn huy động đều có sự tăng trưởng trong giai đoạn 2011- 2013, tuy nhiên về tốc độ tăng trưởng thì vẫn chưa thực sự cao, đặc biệt là năm 2013 tổng nguồn vốn huy động là 1607 tỷ đồng chỉ tăng 9 tỷ so với năm 2012. Về cơ cấu nguồn vốn huy động thì chưa thực sự hợp lý. Trước hết phải nói đến nguồn vốn huy động ngoại tệ của chi nhánh trong những năm qua chưa có sự tăng trưởng, năm 2013 số dư vốn huy động ngoại tệ chỉ là 196 tỷ đồng chiếm 12.2% tổng nguồn vốn huy động, số liệu này thực sự chưa tương xứng với tiềm lực của ngân hàng với lợi thế địa bàn có cảng Hải Phòng là nơi thông thương, vận chuyển hàng hóa quốc tế, có nhiều mối quan hệ lâu năm với những đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu. Hiện nay, nguồn huy động vốn của chi nhánh chủ yếu vẫn được hình thành từ thị trường trong nước mà chưa thực sự vươn tới các thị trường quốc tế để huy động vốn nhằm tài trợ, đầu tư cho sự phát triển của nền kinh tế nước nhà. Mặc dù thời gian qua, chi nhánh đã thiết lập được nhiều mối quan hệ với nhiều ngân hàng nước ngoài trong và ngoài địa bàn nhưng trong mối quan hệ này, chi nhánh mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp các dịch vụ bảo lãnh và thanh toán quốc tế cho đối tác mà vẫn chưa thể tận dụng nhằm mở rộng nguồn vốn của mình. Bên cạnh đó, nguồn vốn huy động trung và dài hạn trong thời

gian qua vẫn còn có qui mô cũng như tỷ trọng trong cơ cấu nguồn vốn huy động thấp. Đây là nguồn vốn vô cùng quan trọng và tiềm năng, giúp chi nhánh dễ dàng xây dựng, hoạch định những hoạt động kinh doanh. Chính vì thế chi nhánh cần thực hiện cải thiện cơ cấu nguồn vốn huy động đảm bảo phát triển bền vững lâu dài. Đồng thời, cơ cấu huy động vốn và cho vay của ngân hàng vẫn chưa được hợp lý, ngân hàng thiếu vốn trong cả ngắn hạn và dài hạn, huy động không đáp ứng được triệt để nhu cầu cho vay, chi phí gia tăng nhiều.

Về nguồn vốn huy động qua phát hành công cụ nợ như trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và qua nguồn vốn ủy thác vẫn chiếm quy mô và tỷ trọng thấp trong cơ cấu nguồn vốn huy động. Đây là những nguồn huy động có chi phí thấp, có khả năng đem lại lợi nhuận cao cho chi nhánh, nhưng vẫn chưa được thực sự quan tâm phát triển đúng mức.

2.4.2.2. Nguyên nhân:

- Nguyên nhân khách quan:

Năm 2011, năm 2012 và 2013 là 3 năm khó khăn chồng chất của nền kinh tế. Khó khăn hiển hiện ở mọi góc ngách của nền kinh tế, khiến hàng chục nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động, cả triệu người thất nghiệp, hàng trăm nghìn tỷ đồng nguy cơ mất trắng khi thị trường bất động sản đóng băng. Kinh tế không ổn định cộng thêm những diễn biến phức tạp trên thị trường vàng, thị trường ngoại tệ, lãi suất trên thị trường có sự biến động liên miên... khiến cho các chủ thể trong nền kinh tế nhằm tránh rủi ro, không dám gửi tiền có kỳ hạn dài vào trong ngân hàng. Môi trường kinh tế xã hội có nhiều bất cập, không ổn định; các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế xã hội gặp khó khăn do thiếu vốn đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy tốc độ tăng trưởng của nguồn vốn huy động của chi nhánh thực sự chưa cao, đặc biệt là trong năm 2012.

Môi trường kinh tế đã gặp nhiều khó khăn, chi nhánh lại thường xuyên phải đối mặt sự cạnh tranh quyết liệt về thị phần, đặc biệt là huy động vốn giữa các ngân hàng trên địa bàn. Hiện nay trên địa bàn Hải Phòng có hơn 80 chi nhánh các ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội, công ty tài chính, QTDND, phòng giao dịch, điểm giao dịch của NHCSXH & QTDND cơ sở. Trong quá trình cạnh tranh, chiếm dụng thị phần của nhau, các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng này đã đua nhau tăng lãi suất huy động mà không dựa trên cơ sở cung – cầu về vốn, những cuộc chạy đua lãi suất điển hình diễn ra liên tục trong năm

2012 và 2013 khiến cho lãi suất biến động bất thường, gây khó khăn cho công tác huy động vốn.

Thực tế hiện nay, môi trường pháp lý nước ta vẫn còn chưa đồng bộ và thống nhất, mặc dù Luật các tổ chức tín dụng đã ra đời song còn nhiều bất cập cần có sự điều chỉnh cho hợp lý hơn, ngoài ra các hệ thống luật, các văn bản pháp quy có liên quan hầu như chưa hoàn chỉnh do vậy gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động huy động vốn nói riêng của chi nhánh.

Một nguyên nhân khác là do tâm lý, thị hiếu của người dân trong địa bàn thành phố Hải Phòng. Thói quen sử dụng tiền mặt trong giao dịch thanh toán hàng ngày đã ăn sâu vào tư duy của người Việt và không dễ gì có thể thay đổi trong một sớm một chiều. Tâm lý không muốn thay đổi thói quen chi tiêu do trình độ dân trí của người dân còn thấp cộng thêm với sự lo ngại khi không được trực tiếp quản lý đồng tiền của mình mà chỉ nhìn thấy những con số trên chứng từ và trên máy khiến cho nhiều người dân chưa muốn tiếp cận với những dịch vụ mới. Mặt khác, nhu cầu sử dụng đối với các dịch vụ ngân hàng hiện đại trên thực tế đối với nhiều bộ phận dân cư không thực sự cấp bách, cần thiết, vì không làm “hiện đại hóa” được cuộc sống của họ. Thậm chí, nhiều người còn coi các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại thực chất chỉ dành cho những người nhiều tiền. Ngay như đối với dịch vụ thẻ, nhiều người còn cảm thấy rắc rối khi dùng thẻ bởi vì cho tới thời điểm hiện nay, các dịch vụ thanh toán bằng thẻ chưa nhiều, các tiện ích, tính năng của thẻ chưa được khai thác hết, trong khi đó nhiều người vẫn còn quan niệm rằng thẻ ATM là để rút tiền mặt. Một hạn chế nữa là do tâm lý người Việt rất lo ngại người khác biết thu nhập của mình. Chính vì vậy nhiều người không mặn mà trong mở tài khoản ở ngân hàng nếu mục tiêu chỉ phục vụ cho nhu cầu chi tiêu cá nhân. Vì thế, dù có rất nhiều phương thức thanh toán không dùng tiền mặt thay thế như thẻ, uỷ nhiệm chi, séc nhưng khách hàng vẫn rút ra thanh toán và người bán lại mang tiền đến nộp vào ngân hàng.

- Nguyên nhân chủ quan:

Thứ nhất, chi nhánh chưa thực sự có một kế hoạch, chiến lược kinh doanh phù hợp với đặc điểm hoạt động của ngân hàng trong điều kiện cơ chế thị trường cạnh tranh tại địa bàn hoạt động. Cho đến nay chi nhánh vẫn chưa một chiến lược kinh doanh tổng thể thích hợp, trong đó bao gồm các chiến lược cụ thể như: chiến lược phát triển sản phẩm, dịch vụ; chiến lược marketing; chiến

lược quản lý rủi ro;... nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng khả năng chiếm lĩnh thị trường cho ngân hàng của riêng mình. Chi nhánh vẫn còn phụ thuộc khá nhiều vào những chỉ đạo, chính sách điều hành từ phía Hội sở chính Ngân hàng Công thương Việt Nam, mà chưa có những kế hoạch, chiến lược phải triển phù hợp với hoàn cảnh, tình hình nội tại của chi nhánh.

Thứ hai, Chất lượng và số lượng các sản phẩm, dịch vụ tuy ngày càng được nâng cao, cải thiện nhưng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Các sản phẩm dịch vụ ưu đãi tuy ngày càng đa dạng, được tổ chức dưới có nhiều hình thức, tuy nhiên giải thưởng ưu đãi có giá trị còn thấp, hoặc khả năng trúng thưởng rất thấp nên chưa đủ hấp dẫn khách hàng tham gia sử dụng sản phẩm. Các chương trình ưu đãi với giải thưởng lớn hiện này chi nhánh vẫn chỉ ưu tiên áp dụng với những đối tượng khách hàng tiềm năng, có mối quan hệ lâu dài, nên sẽ không thu hút được lượng khách hàng mới vào ngân hàng. Đối với dịch vụ phát hành thẻ - một lĩnh vực mà chi nhánh được đánh giá là có bước phát triển vượt bậc thời gian qua nhưng thực tế vẫn mang tính rời rạc. Quy mô, mạng lưới phát hành và sử dụng thẻ của chi nhánh mới chỉ chủ yếu tập trung vào tầng lớp, các cá nhân đang làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, trong các khu chế xuất, khu công nghiệp, các đối tượng hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước, cho thấy dịch vụ phát hành thẻ vẫn chưa được mở rộng, hướng tới toàn bộ các chủ thể trong địa bàn thành phố. Các dịch vụ khách hàng của ngân hàng còn thiếu tính cạnh tranh, chưa tích cực đầu tư phát triển các kênh cung cấp dịch vụ khách hàng, do vậy dẫn đến nảy sinh nhiều vấn đề khó khăn, hạn chế trong công tác phát triển và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ mới. Đồng thời các dịch vụ thanh toán vẫn chưa thực sự hoàn thiện, chưa có được sự hài lòng từ phía khách hàng đặc biệt là các dịch vụ thanh toán chuyển tiền quốc tế và chuyển tiền kiều hối, đây là dịch vụ quan trọng giúp thu hút một lượng vốn huy động dồi dào cả về nội tệ lẫn ngoại tệ nhưng lại chưa được quan tâm triệt để.

Thứ ba, chi nhánh vẫn chưa có sự linh hoạt, năng động trong việc tìm tòi khám phá thêm các kênh huy động vốn mới, đặc biệt là đối với các nguồn vốn bằng ngoại tệ. Với điều kiện địa bàn tốt, Hải Phòng là một trong những trung tâm kinh tế phát triển nhất, nơi có rất nhiều các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, nơi có rất nhiều người nước ngoài đang sinh sống, làm việc và đang đi du lịch. Chi nhánh vẫn chưa thực tận dụng, thu hút được các nguồn vốn nhàn rỗi từ

những đối tượng khách hàng này. Đây là một nguồn vốn ngoại tệ vô cùng lớn và tiềm năng đối với chi nhánh.

Thứ tư, ứng dụng công nghệ ngân hàng chưa cao, công nghệ chưa được đổi mới kịp thời với nhu cầu kinh doanh hiện đại trong cơ chế thị trường. Hiện nay, tuy chi nhánh đã có các phần mềm ứng dụng trong công tác huy động vốn, quản lý luồng tiền vào – ra hàng ngày, các phần mềm hỗ trợ hoạt động giao dịch, thanh toán nhưng vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để phần mềm vận hành tốt nên đôi lúc vẫn xảy ra lỗi hệ thống, mạng bị treo gây ảnh hưởng đến các nghiệp vụ đang thao tác, khiến khách hàng phải chờ đợi... Trình độ quản lý công nghệ của các kỹ thuật viên trong chi nhánh vẫn chưa cao, khả năng tiếp thu, vận hành, sửa chữa khi nâng cấp cập nhật những công nghệ mới vẫn còn hạn chế. Tại một số phòng giao dịch vẫn còn tồn tại tình trạng, kỹ thuật viên xử lý chậm, hoặc không xử lý được những sự cố về máy móc, phần mềm trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh cũng như huy động vốn của chi nhánh.

Thứ năm, Nghiệp vụ Marketing của chi nhánh được tiến hành chưa đạt hiệu quả cao. Các công tác quảng cáo, tiếp thị giới thiệu sản phẩm, dịch vụ mới cũng như nghiên cứu thị trường, tìm hiểu tâm lý, thị hiếu của khách hàng chưa được chú trọng, đầu tư. Công tác Marketing đã được đặt ra nhưng chưa được quan tâm đúng mực nhất là quảng bá sản phẩm tại các địa phương ở ngoại thành, những vùng chưa có điều kiện được tiếp cận nhiều với các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng.

Thứ sáu, năng lực và trình độ nghiệp vụ của đội ngũ nhân sự còn bất cập. Khả năng tiếp thị, tư vấn cho khách hàng về sử dụng các sản phẩm tiền gửi, tiết kiệm của các giao dịch vẫn chưa thực sự rõ ràng, cụ thể về công dụng của sản phẩm, khiến cho khách hàng e dè, do dự chấp nhận sử dụng sản phẩm.

Thứ bảy, do tình hình hoạt động tín dụng của ngân hàng trong thời gian qua gặp nhiều bất cập. Qua số liệu từ Báo cáo KQHĐ kinh doanh của chi nhánh ta thấy hoạt động tín dụng trong những năm qua không đạt hiệu quả cao, đặc biệt trong năm 2013 dư nợ cho vay nền kinh tế giảm sút chỉ đạt 1467 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do tình hình kinh tế suy thoái, mở tín dụng ưu đãi tiềm ẩn nhiều rủi ro nhưng bên cạnh đó bất động sản giảm giá khiến cho tài sản đảm bảo bằng nhà đất không đủ để đảm bảo các khoản vay khi quá hạn và rất khó bán. Điều này khiến cho hoạt động tín dụng không đạt hiệu quả cao khiến

cho nỗ lực huy động vốn của ngân hàng cũng phần nào bị giảm sút. Bên cạnh đó, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế không vay được vốn từ ngân hàng dẫn đến thiếu vốn, không tiến hành được các hoạt động kinh doanh, làm giảm một lượng vốn huy động qua dịch vụ tiền gửi thanh toán của chi nhánh.

CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HUY ĐỘNG VỐN TẠI NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

3.1. Định hướng phát triển của ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng trong thời gian tới

3.1.1. Định hướng phát triển của ngân hàng Công thương Việt Nam trong thời gian tới

- Trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn, Ngân hàng Công thương Việt Nam cần đảm bảo thực hiện tốt cùng lúc hai nhiệm vụ đó là: (i) hoạt động kinh doanh phát triển an toàn, hiệu quả, hướng tới chuẩn mực quốc tế, (ii) tiếp tục giữ vững, phát huy vai trò ngân hàng thương mại hàng đầu, trụ cột trong đầu tư vốn cho nền kinh tế đất nước, chủ đạo, chủ lực trên thị trường tài chính, tiền tệ, tích cực đi đầu triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Chính phủ và NHNN, thực hiện chính sách tiền tệ của NHNN, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội, vươn tầm hội nhập quốc tế.. Tập trung toàn hệ thống và bằng mọi giải pháp để huy động tối đa nguồn vốn trong và ngoài nước

- Tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực hoạt động của ngân hàng thông qua nâng cao năng lực tài chính, duy trì tăng trưởng tín dụng một cách hợp lý, tạo sự an toàn cho cả khách hàng lẫn bản thân ngân hàng, cải tiến công nghệ và quản trị rủi ro; Không ngừng thay đổi tư duy quản trị theo hướng áp dụng các chuẩn mực tiên tiến, hiện đại trên thế giới trong hoạt động ngân hàng; Tập trung phát huy các lợi thế, khắc phục các tồn tại/hạn chế, tận dụng tối đa các cơ hội trên thị trường, nhằm hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kinh doanh năm 2014, tạo tiền đề cho việc thực hiện chiến lược kinh doanh của ngân hàng đến năm 2015, xây dựng NHCTVN trở thành một Tập đoàn tài chính ngân hàng lớn mạnh, có sức cạnh tranh cao theo phương châm: “An toàn - Hiệu quả - Hiện đại - Tăng trưởng bền vững”

- Tập trung thực hiện tái cấu trúc toàn diện ngân hàng theo hướng hiện đại; Đổi mới, nâng cấp mô hình tổ chức, mô hình kinh doanh, quản trị điều hành phù hợp với thông lệ và chuẩn mực Quốc tế; Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhất là cán bộ trẻ để nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ, đẩy mạnh đầu tư đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ; Đổi mới và nâng cao năng lực quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II;... đảm bảo hoạt động

của NHCTVN tăng trưởng an toàn, hiệu quả, bền vững đồng thời thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, thể hiện trách nhiệm của NHCTVN với cộng đồng.

3.1.2. Định hướng phát triển của Ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng trong thời gian tới

- Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn trong kinh doanh, tăng cường các biện pháp để huy động vốn từ các tổ chức kinh tế, tranh thủ nguồn vốn với lãi suất và thời hạn hợp lý phù hợp với xu hướng biến động của thị trường trong nước và khu vực để đa dạng hóa các hình thức đầu tư và kinh doanh.

- Giữ vững và không ngừng củng cố vị thế chi nhánh ngân hàng chủ đạo, và chủ lực trong vai trò cung cấp tín dụng, dịch vụ ngân hàng hàng đầu đáp ứng cho công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa của thành phố Hải Phòng, nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới bền vững về mặt tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo động lực cho hoạt động huy động vốn.

- Từng bước hiện đại hóa công nghệ để cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính có chất lượng cao để nâng cao uy tín đối với khách hàng, góp phần tạo lập nguồn vốn ổn định với quy mô, cơ cấu phù hợp với yêu cầu phát triển.

- Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn huy động theo thời gian, đặc biệt nguồn vốn trung và dài hạn đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tài sản có thời hạn dài, ngăn ngừa và phòng chống rủi ro. Thiết lập và áp dụng hệ thống quản trị rủi ro thanh khoản để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và an toàn trong kinh doanh.

- Tập trung triển khai toàn diện có hiệu quả, chất lượng cao công tác quảng cáo, quảng bá kịp thời toàn diện, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, công nghệ hiện đại có hiệu quả. Song song với đó là phải tổ chức thực hiện các dịch vụ ngân hàng huy động, cho vay nội, ngoại tệ, thanh toán trong nước và quốc tế để nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút khách hàng giao dịch.

- Có chiến lược huy động vốn phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, với từng địa bàn hoạt động để tăng cường nguồn vốn với chi phí vốn hợp lý. Tập trung huy động nguồn vốn đặc biệt là nguồn vốn huy động từ dân cư, các tổ chức kinh tế xã hội.

- Mở rộng cho vay các thành phần kinh tế làm ăn có hiệu quả, các dự án khả thi, các tổ chức kinh tế xã hội có tình hình tài chính lành mạnh, đáp ứng đầy đủ các qui định. Tiếp tục nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung thu hồi nợ xấu.

- Kiện toàn và ổn định bộ máy tổ chức, tiếp tục đào tạo, đào tạo lại toàn diện các mặt nghiệp vụ tín dụng, kế toán, thanh toán quốc tế... đặc biệt là nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học. Bên cạnh đó, công tác thi đua, phát động phong trào thi đua của cơ quan, các đoàn thể, công đoàn, đoàn thanh niên cần thường xuyên gắn liền với từng đợt, kỳ hoạt động kinh doanh quý năm. Song phải đánh giá kết quả thông báo đến toàn thể cán bộ nhân viên từ đó nhân điển hình tốt trong toàn chi nhánh.

- Nâng cao hiệu quả kinh doanh nguồn vốn trên cơ sở tập trung các lĩnh vực sinh lời, hạn chế đầu tư vào các lĩnh vực rủi ro, ban hành và thực thi chính sách quản trị tài sản nợ và tài sản có.

3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn tại Ngân hàng Công thương chi nhánh Hải Phòng

3.2.1. Giải pháp về chính sách huy động vốn.

- Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu thị trường, đối thủ cạnh tranh, đa dạng hóa, nâng cao hiệu quả của sản phẩm huy động vốn

Hiện đại hóa, đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ hiện nay đang là xu thế phát triển tất yếu của hệ thống các ngân hàng thương mại nói chung và NHCTVN chi nhánh Hải Phòng nói riêng nhằm duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng truyền thống và tiếp cận khách hàng tiềm năng. Việc cải thiện, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ huy động vốn của chi nhánh thông qua áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại sẽ thu hút được thêm nhiều khách hàng, tăng được nguồn vốn huy động, đồng thời giúp chi nhánh có khả năng phân tán, hạn chế rủi ro, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Cụ thể, chi nhánh có thể linh hoạt đưa ra các hình thức nhận lãi khác nhau như nhận lãi trước, nhận lãi sau và nhận lãi mang tính định kỳ nhằm tăng sự lựa chọn cho khách hàng. Trong đó nhận lãi định kỳ có ý nghĩa vô cùng thiết thực đối với đa số khách hàng gửi tiền có thể rút lãi để sử dụng như một phần thu nhập. Tuy nhiên, qua quá trình phân tích thực trạng huy động vốn của Chi nhánh NHCT Hải Phòng và thăm dò ý kiến khách hàng trong thời gian qua, cho thấy những sản phẩm dịch vụ huy động vốn của ngân hàng tuy phong phú nhưng về sức cạnh tranh vẫn kém hơn so với những sản phẩm dịch vụ của những ngân hàng thương mại khác trên địa bàn, cụ thể là những sản phẩm dịch vụ ưu đãi vẫn chưa thực sự hấp dẫn khách hàng do lãi suất chưa cao, phần thưởng ưu đãi có giá trị

thấp, không đủ thu hút khách hàng sử dụng sản phẩm như sản phẩm, dịch vụ của những chi nhánh khác trên địa bàn như Vietcombank, BIDV,...

Chính vì thế, việc nghiên cứu thị trường, đối thủ cạnh tranh nhằm đưa ra những chiến lược kinh doanh phù hợp là vô cùng cần thiết. Nghiên cứu thị trường nhằm phát hiện những nhu cầu, thị hiếu của khách hàng; nghiên cứu những sản phẩm, dịch vụ huy động vốn đang được lưu hành, sử dụng trên thị trường. Nghiên cứu đối thủ cạnh tranh là tìm hiểu về tình hình hoạt động kinh doanh, năng lực tài chính cũng như các sản phẩm dịch vụ, cũng như lãi suất niêm yết của danh mục sản phẩm dịch vụ mà các đối thủ cạnh tranh đang cung cấp. Từ đó, sau khi đã có sự phân tích, đánh giá về thị trường, và các đối thủ cạnh tranh, trên cơ sở các sản phẩm đã được NHCT hướng dẫn thực hiện, Chi nhánh quảng bá, cung cấp, đưa ra các sản phẩm dịch vụ, mới lạ với nhiều tính năng mới, độc đáo cùng với những phần thưởng ưu đãi, lãi suất hấp dẫn hơn so với sản phẩm dịch vụ của đối thủ cạnh tranh phù hợp với nhu cầu, thị hiếu từng đối tượng khách hàng cụ thể. Chú ý cung cấp những sản phẩm trọn gói, đảm bảo tính hiệu quả đối với khách hàng và NHCT. Đối với những khách hàng đã có quan hệ tín dụng cần có chính sách khuyến khích mở tài khoản thực hiện dịch vụ thanh toán và các dịch vụ khác. Bên cạnh đó, việc phát triển loại hình dịch vụ huy động vốn phải được thực hiện cho cả tiền gửi bằng đồng Việt Nam và cả các loại ngoại tệ, cho khách hàng cá nhân và cả khách hàng tổ chức.

-Thường xuyên tổ chức, triển khai hoạt động huy động vốn thông qua phát hành các công cụ nợ

Qua quá trình phân tích, đánh giá những số liệu về việc phát hành những công cụ nợ, thì nguồn vốn huy động từ việc phát hành những công cụ nợ trong thời gian qua vẫn có qui mô và chiếm tỷ trọng rất thấp trong cơ cấu nguồn vốn huy động. Điều này chưa thực sự tương xứng với tiềm năng của một chi nhánh ngân hàng đang hoạt động trên địa bàn thành phố Hải Phòng – một trong những trung tâm phát triển kinh tế hàng đầu của cả nước. Chính vì vậy để phát huy nguồn vốn huy động này, chi nhánh NHCT Hải Phòng cần đề xuất lên Hội sở chính hoặc phối hợp cũng với những chi nhánh NHCT khác trên cùng địa bàn thực hiện, tổ chức quảng bá rộng rãi trước khi phát hành.

Ngoài ra, hiện nay các sản phẩm giấy tờ có giá của chi nhánh có vẫn tồn tại những hạn chế, chưa hấp dẫn hoặc chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng của khách hàng. Các chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu mà chi nhánh phát hành vẫn có thời

gian huy động ngắn, không được tự động quay vòng tiền gốc khi đáo hạn và tiền lãi khi đáo hạn không được chuyển vào tài khoản tiền gửi không kỳ hạn. Trong khi đó, các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm thông thường đều có thể được quay vòng tự động, lãi có thể được nhập vào gốc để quay vòng hoặc chuyển vào tài khoản tiền gửi không kỳ hạn để sinh lãi tiếp nếu khách hàng chưa có nhu cầu rút ra khi đáo hạn.

Trong thời gian tới, NHCT Hải Phòng cần chú ý xây dựng chính sách lãi suất hợp lý để thu hút khách hàng, như vậy sẽ bù đắp được những nhược điểm trên của giấy tờ có giá. Chính sách lãi suất cần phải được cụ thể, bao gồm lãi suất huy động và lãi suất chiết khấu, cầm cố giấy tờ có giá. Để nâng cao sức hấp dẫn của giấy tờ có giá, lãi suất huy động áp dụng phải cao hơn so với sản phẩm tiền gửi tiết kiệm thông thường và có tính cạnh tranh so với các sản phẩm tiền gửi của các NHTM khác trên địa bàn. Đồng thời, lãi suất áp dụng khi cầm cố, chiết khấu phải thấp hơn so với mức lãi suất cầm cố Sổ tiết kiệm.

- Tiếp tục thực hiện hoàn thiện cơ cấu nguồn vốn, tăng tỷ trọng vốn trung, dài hạn, tăng nguồn vốn huy động từ các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế xã hội.

Trong thời gian qua, nguồn vốn huy động trung và dài hạn của chi nhánh vẫn có quy mô thấp, đến cuối năm 2013 số dư nguồn vốn huy động trung và dài hạn là 309 tỷ đồng, so về tỷ trọng cũng chỉ chiếm khoảng 19.2% trên tổng nguồn vốn huy động. Chính vì vậy để tăng quy mô cũng như tỷ trọng vốn trung và dài hạn, thì trong thời gian tới giải pháp tốt nhất chính là ngân hàng nên hoàn thiện và thiết kế thêm những sản phẩm tiền gửi tiết kiệm kì hạn dài mới hoặc những sản phẩm tương tự như kỳ phiếu, trái phiếu, dưới dạng VND hay ngoại tệ, phát hành thêm các giấy tờ có giá dài hạn nhằm gia tăng sự lựa chọn cho các đối tượng khách hàng. Để các nguồn vốn này có thể đảm bảo tương đối ổn định về thời gian khai thác sử dụng thì chi nhánh nên có quy định về thời gian duy trì trước khi khách hàng có ý định thanh toán trước hạn, có thể ít nhất là nửa kỳ hạn. Nguồn vốn huy động này giúp ngân hàng chủ động hơn trong việc sử dụng vốn để cấp tín dụng, cho vay, đầu tư nhưng hiện tại mức lãi suất ngân hàng áp dụng cho các khoản tiền gửi trên 12 tháng không cao hơn lãi suất áp dụng với các kỳ hạn từ 12 tháng trở xuống, thêm vào đó kỳ hạn quá dài làm cho người dân có tâm lý lo ngại về những biến động bất lợi không thể lường trước được đặc biệt là biến động về lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước, do đó

khách hàng sẽ lựa chọn sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn ngắn hơn nhưng có được sự chủ động hơn, ít rủi ro hơn, lại được hưởng lãi cao hơn... Vì vậy, chi nhánh cần lưu ý đối với những sản phẩm huy động có kỳ hạn dài thì cần được áp dụng mức lãi suất hấp dẫn hơn và đồng thời cần áp dụng tính lãi theo quý hay tháng cho tiền gửi dài hạn để khách hàng có thể yên tâm, tự tin hơn khi lựa chọn hình thức này

Bên cạnh đó, chi nhánh cũng nên tận dụng, khai thác tối đa tiềm năng huy động vốn từ các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội, bằng cách duy trì, mở rộng, tạo mối quan hệ tốt đẹp, lâu dài với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế xã hội, đồng thời nâng cao độ an toàn, chính xác và nhanh chóng trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi... để thu hút các tổ chức này mở tài khoản tại chi nhánh.

- Tăng cường huy động vốn bằng ngoại tệ thông qua các dịch vụ thanh toán đối với người nước ngoài, các dịch vụ về kiều hối.

Nhằm giúp tăng trưởng nguồn vốn ngoại tệ cả về qui mô lẫn tỷ trọng trong cơ cấu huy động vốn của chi nhánh, trong thời gian tới chi nhánh cần tăng cường mở rộng các kênh phân phối, tiếp cận các siêu thị, nhà hàng khách sạn, bến cảng Hải Phòng, các khu công nghiệp,.....khu vực có nhiều người nước ngoài đang sinh sống và làm việc, để mở các cơ sở chấp nhận thẻ Visa, Master, Cash Card.... Bên cạnh đó chi nhánh cần tăng cường tiếp cận, hợp tác với các công ty xuất khẩu lao động trên địa bàn để hướng dẫn cách thức chuyển tiền kiều hối, phân phát tờ rơi, thẻ chuyển tiền, giải đáp mọi thắc mắc của khách hàng, đồng thời chủ động phối hợp tác với chính quyền địa phương nhằm quảng bá dịch vụ chi trả kiều hối, viết thư giới thiệu dịch vụ tới người lao động của địa phương mình đang ở nước ngoài. Các công tác chi trả kiều hối, tư vấn, hỗ trợ khách hàng, quảng bá và tiếp thị dịch vụ này tại các điểm giao dịch và CN cần được tổ chức tốt, nghiêm chỉnh, linh hoạt.

- Xây dựng chính sách lãi suất huy động, linh hoạt, hợp lý kết hợp với những chính sách ưu đãi phí dịch vụ

Chính sách lãi suất là một công cụ rất quan trọng để thúc đẩy mở rộng hay hạn chế nguồn vốn huy động, đồng thời cũng là một trong những yếu tố rất khó khăn đặt ra cho ngân hàng trong việc xác định mức lãi suất hợp lý, vừa không quá cao vượt mức trần quy định của Ngân hàng Nhà nước và cũng không quá thấp sẽ làm giảm sức cạnh tranh của ngân hàng. Khi hoạch định chính sách lãi

suất, ngân hàng cần lưu ý đưa ra các mức lãi suất huy động và cho vay thật hợp lý sao cho những đồng vốn huy động được sử dụng hiệu quả, đem lại kết quả cuối cùng là “có lãi”. Chính vì thế, khi cung cấp các sản phẩm ưu đãi cũng cần xem xét Ngân hàng có thể theo đuổi mục tiêu huy động thật nhiều vốn hay không, trong khi không có kế hoạch cụ thể về một đầu ra ổn định, có khả năng sinh lời.

- Mở rộng, hoàn thiện, nâng cao chất lượng các dịch vụ ngân hàng

Dịch vụ ngân hàng là một công cụ để chi nhánh khuyến khích khách hàng mở và sử dụng tài khoản tại chi nhánh. Để thực hiện được chi nhánh cần cho các tăng cường mở rộng các dịch vụ ưu đãi, thuận tiện theo những biện pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường chất lượng, củng cố, hoàn thiện, hiện đại hóa dịch vụ thanh toán. Dịch vụ thanh toán không chỉ đáp ứng nhu cầu thanh toán của đối tượng khách hàng mà còn giúp cho ngân hàng có thể huy động được khoản vốn nhàn rỗi đáng kể phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Trong thời gian vừa qua, dịch vụ thanh toán do chi nhánh NHCT Hải Phòng cung cấp cũng đã thỏa mãn được những nhu cầu khách hàng như: thanh toán chuyển tiền qua mạng nội bộ, mạng của NHNN, thanh toán nhờ thu, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, thanh toán chuyển tiền, tín dụng chứng từ,... Trong thời gian tới, chi nhánh cần phải đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán cả về chất và lượng để hấp dẫn khách hàng, đặc biệt là các dịch vụ thanh toán chuyển tiền quốc tế và chuyển tiền kiều hối. Trước mắt, chi nhánh cần lưu ý, tăng cường việc ủy quyền cho các chi nhánh cấp 2, các phòng giao dịch có thể tham gia vào mạng thanh toán điện tử nội bộ để thúc đẩy tốc độ chuyển tiền trong toàn hệ thống. Không ngừng tiến hành cải tiến quy trình thanh toán nội bộ trong hệ thống, đảm bảo duy trì tính cân đối hài hòa giữa nhu cầu tài khoản có quy mô đủ lớn cho các loại hình thanh toán và tính năng thanh toán trong tương lai và nhu cầu tài khoản có quy mô nhỏ để đảm bảo các lệnh thanh toán được xử lý nhanh chóng, chính xác và hiệu quả.

Thứ hai, chi nhánh cần triển khai thêm các dịch vụ mới hỗ trợ huy động vốn. Dịch vụ thẻ ATM thời gian qua đã đem lại hiệu quả đáng kể huy động vốn của chi nhánh. Ngoài những loại thẻ truyền thống, chi nhánh cũng đã đưa ra nhiều loại thẻ tích hợp mới với nhiều tính năng mới làm cho thị trường thẻ thêm phong phú. Mạng lưới ATM và POS đang ngày càng được đầu tư mở rộng, các dịch vụ gia tăng trên ATM ngày càng được chú trọng hơn nhằm đem lại cho khách hàng nhiều tiện ích hơn. Số lượng tài khoản cá nhân, doanh số giao dịch

thẻ tăng trong thời gian qua , việc phát triển dịch vụ thẻ đã làm tăng khối lượng thanh toán qua ngân hàng, người dân đang quen dần với các dịch vụ ngân hàng nói chung và dịch vụ thẻ nói riêng, Tuy nhiên, trong thời gian tới, chi nhánh cần tích cực tiên hành cải tiến các sản phẩm thẻ, đặc biệt là phát triển các dịch vụ thẻ quốc tế nhằm phục vụ các đối tượng khách hàng có nhu cầu đi ra nước ngoài. Ngoài dịch vụ về thẻ, chi nhánh cần chú ý nâng cấp, hoàn thiện các dịch vụ hỗ trợ khách hàng trực tuyến, dịch vụ giao dịch trực tuyến. Hiện nay hệ thống Ngân hàng Công thương Việt Nam nói chung và chi nhánh NHCT Hải Phòng nói riêng đang cung cấp dịch vụ VietinBank iPay là dịch vụ Internet Banking của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cung cấp cho khách hàng thực hiện các giao dịch như vắn tin tài khoản , chuyển tiền, thanh toán, chi trả tiền điện...thông qua các thiết bị điện tử có kết nối mạng Internet hoặc 3G. Bên cạnh việc phát triển các dịch vụ trên, chi nhánh nên chú ý mở thêm các loại hình dịch vụ mới, ví dụ như dịch vụ tư vấn: Tư vấn về mở, thanh toán L/C, tư vấn về các hoạt động đầu tư tài chính..... Các loại hình dịch vụ mới này một mặt tạo cho ngân hàng một nguồn thu nhập mặt khác, ngân hàng sẽ tìm kiếm, thu hút được các khách hàng mới. Việc thường xuyên tổ chức các chương trình, chính sách, dịch vụ ưu đãi của chi nhánh giúp lưu giữ mối quan hệ bền chặt, lâu dài với khách hàng, giúp luôn duy trì được lượng khách hàng tiềm năng, thường xuyên, mang lại hiệu quả cao, và tăng cường năng lực huy động vốn của chi nhánh trong tương lai.

Thứ ba, bên cạnh mở rộng các loại hình dịch vụ chi nhánh cần nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng, tiếp tục mở rộng và phát triển các ứng dụng ngân hàng tiên tiến, tăng cường khả năng quản lý qua việc cập nhật, cung cấp những thông tin trực tuyến về thương mại và tín dụng; quản lý các thông tin khách hàng, quản lý hạn mức, v.v... một cách hữu hiệu.

Một số sản phẩm dịch vụ như:

| Tên sản phẩm | Quyền lợi của khách hàng | Quyền lợi của ngân hàng |
|--------------------------------|--|--------------------------------------|
| Nhận lãi tiết kiệm qua thẻ ATM | <ul style="list-style-type: none">• Ngồi nhà vẫn nhận lãi tiết kiệm đều đặn và đúng ngày.• Không lo tiền lãi bị | Giảm thiểu thanh toán bằng tiền mặt. |

| Tên sản phẩm | Quyền lợi của khách hàng | Quyền lợi của ngân hàng |
|---------------------|---|---|
| | <p>thất lạc, sai sót.</p> <ul style="list-style-type: none">• Tiền lãi để trong thẻ được hưởng lãi suất.• Thủ tục đơn giản• Đăng ký miễn phí | |
| Thẻ Đa năng | <ul style="list-style-type: none">• Rút tiền mặt• Gửi tiền• Chuyển tiền• Thanh toán tiền mua hàng ở các siêu thị và các cửa hàng lớn. Nhận ưu đãi 2-5% khi thanh toán.• Thanh toán tự động tiền nước, tiền điện, taxi, trả nợ vay, mua thẻ điện thoại..• Nhận lương qua thẻ <p>Tiết kiệm thời gian, tiền mặt, chi phí. An toàn, hiệu quả, nhanh chóng.</p> | <p>Giảm thiểu giao dịch bằng tiền mặt. Thủ tục nhanh chóng, chính xác, an toàn, tiện lợi.</p> |

3.2.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách khách hàng, đồng thời củng cố, nâng cao uy tín, tạo lòng tin với khách hàng và thường xuyên coi trọng chất lượng phục vụ khách hàng.

Là một chi nhánh cấp 1 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – một trong những Ngân hàng thương mại Nhà nước đứng đầu ở Việt Nam cả về vốn, tài sản, đội ngũ cán bộ nhân viên, mạng lưới hoạt động và số lượng khách hàng, chi nhánh đã khẳng định được vị thế nhất định trong lòng khách hàng.

Trong bối cảnh trên địa bàn có ngày càng xuất hiện nhiều tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại hoạt động với mức độ, khả năng cạnh tranh, thu hút khách hàng là rất mạnh mẽ. Ngoài việc cạnh tranh về đa dạng hóa các hình thức huy động, mở rộng các dịch vụ ngân hàng, về chính sách lãi suất huy động, thì chất lượng phục vụ khách hàng cũng là một yếu tố rất quan trọng để thu hút khách hàng đến với ngân hàng. Không chỉ thế trong thời gian tới, chi nhánh cần phải xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách khách hàng. Chính sách đối với khách hàng thể hiện ở việc: Tiến hành, xem xét một cách tỉ mỉ, chính xác nhằm phân loại các nhóm khách hàng để có những chính sách khách hàng phù hợp, đặc biệt quan tâm đối với những khách hàng có nguồn tiền gửi lớn; Cần chú trọng, tìm hiểu nguyên nhân của các đối tượng khách hàng đột ngột ngừng giao dịch, rút tiền gửi chuyển sang ngân hàng khác để đưa ra biện pháp thích hợp nhằm khôi phục lại và duy trì quan hệ tốt đối với khách hàng; Đối với những khách hàng đã có quan hệ tín dụng cần có chính sách tư vấn, khuyến khích mở tài khoản thực hiện dịch vụ thanh toán và các dịch vụ khác; Quan tâm, chăm sóc các đối tượng khách hàng chiến lược, khách hàng có nguồn tiền gửi lớn tại chi nhánh; Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chấn chỉnh thái độ, tác phong giao dịch của cán bộ ngân hàng, đặc biệt là các giao dịch viên nhằm tạo cho khách hàng cảm giác được tôn trọng khi đến chi nhánh. Sự hài lòng của khách hàng cũng chính là một cách quảng bá hiệu quả hình ảnh của ngân hàng, từ đó thu hút thêm nhiều khách hàng mới.

3.2.3. Tăng cường chiến lược Marketing ngân hàng

Như bao ngân hàng thương mại khác, chi nhánh NHCT Hải Phòng luôn mong muốn thu hút được một khối lượng khách hàng lớn thuộc mỗi tầng lớp dân cư với thu nhập, tâm lý và sở thích khác nhau, nên việc ứng dụng các nguyên tắc của Marketing trong quản lý quan hệ khách hàng có một ý nghĩa quan trọng. Đó là chiến lược nhằm cân bằng được 2 lợi ích: lợi nhuận thu được và sự hài lòng tối đa của khách hàng. Vì vậy, để công tác Marketing đạt hiệu quả cao chi nhánh cần thực hiện các biện pháp sau:

Thứ nhất, chi nhánh cần phải đẩy mạnh quảng cáo, tuyên truyền mạnh mẽ rộng rãi về các dịch vụ ngân hàng, về các hình thức và chính sách huy động vốn, lãi suất, thu hút tiền gửi,... Tình trạng hiện nay, tại một số điểm giao dịch, khách hàng sử dụng sản phẩm huy động vốn nhưng hầu hết đều chưa biết hết tiện ích của sản phẩm đó. Như vậy, trước hết cần đa dạng các loại tờ rơi, sách báo, tạp

chí giới thiệu để sẵn phía ngoài quầy giao dịch để khách hàng có thể đọc khi đến giao dịch. Bên cạnh đó, chi nhánh cần đăng tin, quảng cáo trên các phương tiện truyền thông, Internet... để khách hàng biết đến các sản phẩm, dịch vụ mới của ngân hàng.

Thứ hai, Nâng cao kỹ năng làm việc, giao dịch của nhân viên cùng với xây dựng văn hóa Marketing của NHCT Hải Phòng, để mỗi nhân viên đều là một nhà tiếp thị khách hàng chuyên nghiệp. Đây là một kế hoạch, chiến lược Marketing lâu dài, mà để thực hiện được nó cần có sự cố gắng không ngừng của chi nhánh cùng toàn bộ cán bộ nhân viên. Trước hết, chi nhánh cần chú trọng nâng cao kỹ năng bán hàng của đội ngũ giao dịch viên, bán các sản phẩm dịch vụ tiền gửi, tạo sự hài lòng cho khách hàng bằng cách thuê các chuyên gia Marketing đào tạo kỹ năng bán hàng và tư vấn, chăm sóc khách hàng cho giao dịch viên. Đồng thời chi nhánh cần có chính sách khen thưởng động viên, nêu gương kịp thời những cán bộ, nhân viên có hoạt động tích cực nhằm nâng cao chất lượng phục vụ ngày một tốt hơn. Tiếp theo, chi nhánh cần vận động các cán bộ nhân viên trong ngân hàng đều trở thành những khách hàng đầu tiên cho những sản phẩm huy động vốn mới được chi nhánh phát hành, từ đó các nhân viên của chi nhánh sẽ có sự hiểu rõ hơn về những sản phẩm để có thể tư vấn, tiếp thị cho bạn bè, người thân, với nhiều đối tượng khách hàng ở mọi nơi, mọi lúc. Có như vậy chi nhánh mới có thể nâng cao khả năng cạnh tranh, và phải triển bền vững trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

3.2.4. Đổi mới và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng

Nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ huy động vốn của chi nhánh có thể đáp ứng được các yêu cầu, chuẩn mực quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh với các ngân hàng khác trong địa bàn, đòi hỏi chi nhánh phải không ngừng tiến hành cải tiến, cập nhật, nâng cấp công nghệ, đổi mới các thiết bị kỹ thuật để thực sự trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực cho các cán bộ, nhân viên ngân hàng. Chi nhánh cần lựa chọn đúng loại hình công nghệ để ứng dụng một cách hiệu quả nhất trong hoạt động quản lý, hoạt động kinh doanh ngân hàng có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển các dịch vụ, sản phẩm ngân hàng, thúc đẩy tăng quy mô nguồn vốn huy động một cách vững chắc, quyết định hiệu quả vốn đầu tư.

Trong thời gian tới, chi nhánh cần nhanh chóng bổ sung, nâng cao các phần mềm hệ thống, quản lý dữ liệu, phần mềm giao dịch, các dịch vụ thanh toán hiện đại. Trước mắt, chi nhánh cần đề xuất với Hội sở chính về việc nhanh

chóng cải cách hệ thống công nghệ, cùng với đẩy mạnh phát triển hệ thống thanh toán tiện lợi, hiệu quả, nhanh chóng, hiện đại. Việc nâng cấp, cập nhật, hoàn thiện đổi mới công nghệ, dịch vụ ngân hàng sẽ giúp cho chi nhánh thu hút thêm được rất nhiều đối tượng khách hàng trẻ tuổi mở tài khoản tại chi nhánh, đây là một đối tượng khách hàng vô cùng tiềm năng.

Dịch vụ Internet Banking của ngân hàng hiện nay đang ngày càng trở nên thịnh hành và được rất nhiều khách hàng quan tâm sử dụng. Tuy nhiên, trên thực tế tình trạng bảo mật của hệ thống này vẫn còn lỏng lẻo, vẫn còn tồn tại tình trạng hacker đột nhập mạng hệ thống, truy cập vào tài khoản khách hàng nhằm ăn cắp, làm lệch lạc thông tin, dữ liệu ảnh hưởng xấu đến mối quan hệ của chi nhánh với khách hàng. Chính vì vậy chi nhánh cần nâng cấp độ an toàn, bảo mật của hệ thống này, tạo sự yên tâm, lòng tin cho khách hàng. Đồng thời chi nhánh cần có kế hoạch đào tạo, tuyển dụng một đội ngũ nhân viên kỹ thuật có trình độ cao, có khả năng tiếp thu, cập nhật, thích nghi với những ứng dụng công nghệ mới. Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ ngân hàng là vô cùng quan trọng, nhưng để quản lý, sử dụng tốt những công nghệ mới này cũng quan trọng không kém.

3.2.5. Nâng cao trình độ cán bộ và đổi mới công tác quản lý trong Ngân hàng

- Tạo môi trường làm việc năng động, tăng cường đào tạo về các kỹ năng mềm, nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ công nhân viên

Về chính sách đối với cán bộ nhân viên ngân hàng, chi nhánh cần có kế hoạch cụ thể nhằm phát triển công tác đào tạo cán bộ chuyên sâu chuyên nghiệp về kỹ năng nghiệp vụ, đáp ứng điều kiện hiện đại, hội nhập, tác phong giao dịch, nghiêm túc, văn minh, hiện đại, hướng dẫn chu đáo khách hàng, đồng thời đào tạo về nghiệp vụ và trình độ tin học nhằm khai thác tốt các chương trình hiện đại hóa NHCT Việt Nam ứng dụng trong mảng nghiệp vụ huy động vốn. Ngoài những kỹ năng về nghiệp vụ, các kỹ năng mềm như giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm cũng rất cần thiết đối với các nhân viên ngân hàng có thể mang lại hiệu quả làm việc, huy động vốn cao hơn. Đồng thời chi nhánh cần tạo được môi trường làm việc năng động, thoải mái cho cán bộ, nhân viên, giúp cho mọi người có thể dễ dàng bộc lộ, tự tin trao đổi, đóng góp các ý kiến cá nhân, giúp cho tập thể chi nhánh ngày một vững mạnh.

- Bên cạnh việc đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, các chính sách về lương thưởng, ưu đãi với cán bộ nhân viên cũng cần được chú trọng.

Trong thời gian tới, chi nhánh cũng cần có chính sách lương hợp lý, phù hợp với từng vị trí công tác, nhằm tránh tình trạng chảy máu chất xám, nhiều cán bộ chuyên môn giỏi, kinh nghiệm lâu năm chuyển sang nơi khác làm việc vì thu nhập hấp dẫn hơn. Ngoài ra ngân hàng cũng nên bổ sung và thay thế số cán bộ có trình độ yếu kém, hoạt động thiếu hiệu quả. Ngoài ra, để khuyến khích cán bộ công nhân viên tích cực nghiên cứu, học tập, nâng cao trình độ, nghiệp vụ, chi nhánh cần có các chính sách ưu tiên hợp lý như việc xây dựng cơ chế ưu tiên trong việc đảm bảo mức lương khi tuyển dụng, trong công tác qui hoạch cán bộ lãnh đạo, trong thời hạn xét nâng lương. Bên cạnh đó chi nhánh cần chú trọng, xem xét các chế độ, chính sách ưu tiên đối với người lao động rõ ràng, minh bạch, công bằng, bằng việc xây dựng chế độ xếp hạng nhân sự thông qua các thang điểm đánh giá chất lượng làm việc của nhân viên ngân hàng.

3.2.6. Gắn liền tăng trưởng huy động vốn với sử dụng vốn hiệu quả

- Tăng trưởng huy động vốn thôi chưa đủ, cần đi kèm với tăng với tăng trưởng tín dụng.

Hoạt động tín dụng của chi nhánh trong thời gian gần đây thường đạt hiệu quả thấp, không đạt được chỉ tiêu năm đặt ra. Hoạt động tín dụng, cho vay là vô cùng quan trọng đối với ngân hàng, nó không chỉ đem lại nhiều lợi nhuận cho ngân hàng giúp tăng nguồn vốn ngân hàng mà bên cạnh đó hoạt động tín dụng của ngân hàng cung cấp vốn cho các chủ thể trong nền kinh tế, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đang trong tình trạng thiếu vốn có thể được bổ sung vốn đầu tư vào các hoạt động kinh doanh, dự án lớn để thu được lợi nhuận. Từ chính các hoạt động kinh doanh, đầu tư ấy sẽ mang lại cho ngân hàng những nguồn vốn huy động rất lớn và tiềm năng nhờ có những sản phẩm dịch vụ tiền gửi, đặc biệt là dịch vụ tiền gửi thanh toán mà các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đang sử dụng tại chi nhánh. Chính vì vậy, hoạt động tín dụng đạt hiệu quả cao cũng sẽ thúc đẩy hoạt động huy động vốn phát triển. Do đó, chi nhánh cần tạo lập, xây dựng các giải pháp nhằm cải thiện tình hình cho vay, giúp tăng trưởng tín dụng trong thời gian tới.

- Cần phải cân đối giữa huy động vốn và sử dụng vốn sao cho tiết kiệm, hiệu quả

Trong hoạt động của ngân hàng, giữa nguồn vốn và sử dụng vốn có quan hệ thường xuyên, tác động hỗ trợ, chi phối lẫn nhau. Nguồn vốn là cơ sở, tiền đề để ngân hàng thực hiện công tác sử dụng vốn. Nhưng chỉ khi ngân hàng tiến

hành cho vay quay vòng vốn thì nguồn vốn mới sinh lời. Do đó, sử dụng vốn là căn cứ quan trọng để ngân hàng xác định nguồn vốn cần sử dụng.

Chi nhánh cần cân đối giữa huy động vốn và sử dụng vốn, đảm bảo sự tương ứng về thời hạn và lãi suất cho nguồn vốn nào thì cho vay loại hình đó. Tuy nhiên trong điều kiện có chênh lệch giữa nguồn vốn huy động và cho vay, ngân hàng có thể cân đối nguồn vốn cho vay bằng cách: nếu có nguồn vốn ngắn hạn có tính ổn định cao hoặc nguồn vốn thường xuyên luân chuyển thì ngân hàng có thể sử dụng để cho vay trung dài hạn, tuy nhiên phải chú ý đến một tỷ lệ nhất định, hiện nay quy định của NHNN là các ngân hàng được sử dụng tối đa 30% vốn ngắn hạn để cho vay trung dài hạn. Thực hiện phương châm cho vay an toàn – hiệu quả. Tuân thủ nghiêm ngặt các tỷ lệ về giới hạn an toàn vốn trong kinh doanh. Công tác thẩm định, kiểm tra kiểm soát khách hàng vay vốn phải thực hiện nghiêm ngặt, có hiệu quả. Hàng quý, hàng tháng thực hiện chấm điểm tín dụng khách hàng để từ đó có biện pháp quản lý thích hợp.

Bên cạnh đó, Chi nhánh phải quản lý lãi suất huy động vốn, để xác định lãi suất chi trả cho phù hợp với từng loại vốn, đồng thời xác định khả năng chi trả lãi của Chi nhánh cho khách hàng. Việc xác định chi phí này là rất cần thiết trước khi tiến hành huy động vốn, để sử dụng chi phí này có hiệu quả mà vẫn tiết kiệm được cho Chi nhánh.

3.2.7. Giải pháp khác

- Chú trọng cải cách các thủ tục hành chính theo hướng chuyên nghiệp, đơn giản, hiệu quả nhanh chóng.

Chi nhánh NHCT Hải Phòng cần chú trọng cải tiến quy trình nghiệp vụ theo hướng ngày càng đơn giản thuận tiện cho khách hàng. Các thủ tục hành chính trong hoạt động kinh doanh của chi nhánh tuy trong thời gian qua đã có rất nhiều tiến bộ, các thủ tục, giấy tờ được đơn giản hóa rất nhiều về hình thức, mang lại sự hài lòng từ phía khách hàng. Tuy nhiên, trong thời gian tới, chi nhánh vẫn cải tiến, đơn giản hơn nữa trong các cơ chế thủ tục hành chính, giảm bớt nhiều các lượng giấy tờ hóa đơn phải ghi, xác nhận để khách hàng cảm nhận được tác phong chuyên nghiệp, làm việc hiệu quả, linh hoạt của chi nhánh.

3.3. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn tại Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng

3.3.1. Kiến nghị đối với Chính phủ

- Chính phủ cần nghiên cứu, xem xét, tiến hành điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật, các văn bản pháp quy một cách đồng bộ, thống nhất về thị trường dịch vụ, sản phẩm ngân hàng. Bên cạnh đó, cần đảm bảo khung pháp lý điều chỉnh về hoạt động kinh doanh của ngân hàng sao cho phù hợp với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế, đồng thời phù hợp nhu cầu thực tiễn và tạo điều kiện cho hoạt động ngân hàng phát triển. Việc từng bước hoàn thiện củng cố môi trường pháp lý lành mạnh, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người đầu tư, các doanh nghiệp và ngân hàng cũng vô cùng cần thiết.

- Chính phủ nên tăng cường tiến hành, tổ chức, nâng cao hiệu quả của các công tác thanh tra giám sát, từng bước hỗ trợ, giúp đỡ các ngân hàng hoàn thiện về các kỹ năng nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh, duy trì sự an toàn trong hệ thống, giúp ổn định, phát triển nền kinh tế.

- Lợi ích của các ngân hàng cũng cần được chính phủ quan tâm đúng mực, khuyến khích, tạo động lực cho các NHTM huy động nguồn vốn trung và dài hạn vì đây là nguồn vốn ổn định, rất quan trọng với hoạt động kinh doanh của NHTM nói riêng và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung. Thực hiện giảm thuế lợi tức cho các ngân hàng cũng là việc chính phủ cần làm để hoạt động kinh doanh của ngân hàng đạt hiệu quả, thu lợi nhuận cao hơn.

- Công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của người dân, các doanh nghiệp, và các chủ thể khác trong nền kinh tế về hoạt động và các sản phẩm dịch vụ hàng, về lợi ích và hiệu quả mang đến cho bản thân và xã hội khi tham gia sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng vẫn cần có sự hỗ trợ kịp thời từ chính phủ và cơ quan nhà nước.

- Bên cạnh hoàn thiện về môi trường pháp lý, bảo đảm môi trường kinh tế ổn định cũng là mối quan tâm hàng đầu, Chính phủ và các cơ quan Nhà nước cần đề những giải pháp nhằm đảm bảo môi trường kinh tế ổn định cho hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng.

- Chính phủ cần thực hiện công bằng trong việc điều hành các chính sách vĩ mô, đặc biệt là trong chính sách tiền tệ. Cụ thể như qui định về tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hạn mức tín dụng phải đảm bảo sự công bằng giữa các ngân hàng thương

mại. Thực hiện giải pháp kiểm soát chặt chẽ, chế tài đối với các NHTM, các tổ chức tín dụng không tuân thủ quy định về mức trần lãi suất huy động vốn và đồng thời giảm độ chênh lệch trần giữa các Ngân hàng thương mại quốc doanh và Ngân hàng thương mại cổ phần, tạo sự cạnh tranh bình đẳng và lành mạnh trong toàn hệ thống NHTM.

3.3.2. Kiến nghị đối với Ngân hàng Công thương Việt Nam

- Ngân hàng Công thương Việt Nam cần tìm hiểu, cập nhật một cách nhanh nhất mọi thông tin có liên quan đến hoạt động ngân hàng để từ đó phân tích, chất lọc để có đưa ra sự chỉ đạo kịp thời tới các chi nhánh. Tùy vào điều kiện của từng địa bàn, và tình hình hoạt động kinh doanh của mỗi chi nhánh mà ngân hàng có thể giao các chỉ tiêu, kế hoạch hoạt động. Tuy hoạt động trong cơ chế thị trường nhưng đặc điểm của hệ thống Ngân hàng.

- Hỗ trợ, giúp đỡ các chi nhánh trong hoạt động huy động vốn và nâng cao, hoàn thiện các nghiệp vụ kinh doanh của chi nhánh, kịp thời đưa ra các văn bản quy định, hướng dẫn, điều hành gửi đến các chi nhánh làm căn cứ pháp lý và cơ sở nghiệp vụ cho các cán bộ nhân viên tại chi nhánh có thể dễ dàng mở rộng, tư vấn cho khách hàng về các loại hình sản phẩm, dịch vụ.

- Ngân hàng cần tổ chức thêm nhiều đợt tuyển dụng cán bộ, nhân viên, nhằm tăng cường, bổ sung thêm nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao đảm bảo đáp ứng đủ biên chế để hoàn thành công việc được giao, hạn chế tình trạng quá tải về công việc, tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên ngân hàng có thời gian học tập thêm để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các chi nhánh, cập nhật, hiện đại hóa công nghệ, các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh của các chi nhánh trong toàn bộ hệ thống Ngân hàng Công thương.

- Ngân hàng cần thường xuyên tổ chức các hội thảo, hoạt động ngoại khóa nhằm trao đổi kinh nghiệm kinh doanh giữa các chi nhánh, đây là cơ hội để ban lãnh đạo ngân hàng thu thập các ý kiến đóng góp, kiến nghị của cán bộ nhân viên, của các chi nhánh, để từ đó đề ra các kế hoạch, chính sách, văn bản điều hành hoạt động phù hợp thực tế hiện nay.

3.3.3. Kiến nghị đối với Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng

- Bên cạnh việc nghiên cứu, học hỏi từ những văn bản chỉ đạo điều hành từ phía Hội Sở chính, NHCTVN chi nhánh Hải Phòng cần căn cứ vào tình hình

và những điều kiện cụ thể trong hoạt động kinh doanh của chi nhánh về năng lực tài chính, về quy mô, mạng lưới địa bàn hoạt động, các đối thủ cạnh tranh và yếu tố con người để xác định, xây dựng hoạch định một chiến lược phát triển kinh doanh hợp lý với tình hình nội tại của chi nhánh.

- Công tác huy động vốn được xem là một trong những hoạt động chiến lược đóng vai trò quan trọng trong việc cấu thành nguồn vốn của Ngân hàng. Đối với việc điều chỉnh, hoạch định chiến lược huy động vốn, chi nhánh cần xác định, xem xét, phân tích các chỉ tiêu liên quan một cách cụ thể, khoa học, sau đó đề ra những giải pháp về huy động vốn phù hợp, tiến hành thực hiện một cách chính xác, chặt chẽ, hữu hiệu, sáng tạo, năng động và bảo đảm đáp ứng đầy đủ các qui định, nguyên tắc nghiệp vụ, các giải pháp được thực hiện trước hết phải bám sát được các điều kiện cụ thể, tình hình kinh doanh của chi nhánh, và các yếu tố thị trường...

KẾT LUẬN

Là một chi nhánh lớn trong hệ thống ngân hàng Ngân hàng Công thương Việt Nam, giữ vai trò chủ đạo trong lĩnh vực tài trợ đầu tư, trong những năm qua vượt qua những khó khăn của nền kinh tế chi nhánh NHCT Hải Phòng vẫn duy trì và phát triển, làm tốt công tác huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế, góp phần đáp ứng tốt nhu cầu vốn cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Kết quả này đạt được là do Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên của chi nhánh đã nỗ lực hoàn thành tốt những mục tiêu đã đề ra và những nhiệm vụ được giao dưới sự chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, và Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Trong thời gian tới, trong điều kiện nền kinh tế suy thoái, tình trạng các doanh nghiệp thiếu vốn trầm trọng để hoạt động kinh doanh, để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn không ngừng gia tăng thì ngoài những nỗ lực tìm tòi và phát triển các hình thức huy động mới có hiệu quả, chi nhánh cũng rất cần sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng trong việc tạo lập môi trường vĩ mô thuận lợi để chi nhánh thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng vốn cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh...

Trong bài khóa luận tốt nghiệp em đã nghiên cứu cơ sở lý thuyết, thực trạng huy động vốn của chi nhánh để chỉ ra những kết quả đã đạt và những tồn tại trong công tác huy động vốn, từ đó em đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn hơn nữa cho chi nhánh.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các cô chú, anh chị nhân viên trong Phòng Bán lẻ và những phòng khác có liên quan đã hỗ trợ em rất nhiều về những kiến thức, kinh nghiệm thực tế và những số liệu cần thiết, đặc biệt em xin cảm ơn ThS.Cao Thị Thu đã dành thời gian hướng dẫn tận tình để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận.

Dù đã rất cố gắng học hỏi và tìm hiểu nhưng bản khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những thiếu sót về nội dung cũng như hình thức trình bày. Em kính mong nhận được sự nhận xét và đóng góp của thầy để giúp bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn .

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*, Nguyễn Minh Kiều, Nhà xuất bản Thống kê, 2009.
2. *Quản trị ngân hàng thương mại*, PGS.TS Phan Thị Thu Hà, Nhà xuất bản Giao thông vận tải, 2009.
3. *Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính*, F.Mishkin , 1999.
4. *Luật các tổ chức tín dụng Số 07/1997/QHX*.
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Công thương Chi nhánh Hải Phòng giai đoạn 2011-2012.
6. Báo cáo thường niên của Ngân hàng Công thương Chi nhánh Hải Phòng giai đoạn 2011 – 2013.
7. *Các trang web:*
 - <http://www.vietinbank.vn>
 - <http://www.laisuat.vn/Pages/>
 - <http://www.sbv.gov.vn/>